|  |  |
| --- | --- |
| Trường THPT Vũ Văn Hiếu | Họ và tên giáo viên: |
| Tổ: Khoa học xã hội | **Phạm Thị Ngọc Mai** |

**BÀI MỞ ĐẦU (NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC SÁCH)**

*Thời gian thực hiện: 02 tiết*

*Ngày soạn:…………………….*

**A. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực:**

- *Năng lực đặc thù*:

+ Học sinh nắm được các yêu cầu về đọc các kiểu văn bản sẽ được học trong sách Ngữ văn 10: truyện, thơ, chèo, tuồng, văn bản nghị luận, văn bản thông tin và thơ văn Nguyễn Trãi

+ Học sinh được trang bị những kiến thức cơ bản về Tiếng Việt và cách sử dụng Tiếng Việt trong giao tiếp.

+ Học sinh được rèn luyện kĩ năng viết, nói và nghe về một vấn đề nào đó trong xã hội cũng như trong văn học.

- *Năng lực chung*:

+ Năng lực tự chủ và tự học

+ Năng lực giao tiếp hợp tác

+ Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo

**2. Phẩm chất:** Giúp HS hứng thú với môn học Ngữ văn và có trách nhiệm với việc học tập của bản thân.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1 – KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

+ Tạo hứng thú cho học sinh, giúp học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

+ Củng cố và ôn luyện lại kiến thức đã học ở cấp THCS

+ Khắc sâu kiến thức, nội dung bài học

**b. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: ***AI NHANH HƠN***

1. Hãy kể tên những văn bản đã được học và đọc thêm trong trương trình THCS

2. Trong khoảng thời gian 02 phút HS thi nối đáp án giữa cột A với cột B trong bảng kiến thức sau xem ai chọn được nhiều đáp án đúng và nhanh hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| **Đồng chí** (Chính Hữu) | Tiểu thuyết chương hồi |
| **Cảnh ngày xuân** (trích Truyện Kiều) | Thơ tự do |
| **Bến quê** ( Nguyễn Minh Châu) | Truyện ngắn |
| Văn bản thuyết minh | Truyện cổ tích |
| Văn nghị luận | **Đấu tranh cho một thế giới hòa bình** (Gác-xi-a Mác-két) |
| **Hoàng Lê nhất thống chí**  (Ngô Gia văn phái) | Thơ lục bát |
| **Con rồng cháu tiên** | **Bàn về đọc sách** |
| Kịch | Truyền thuyết |
| **Tấm cám** | **Bắc sơn** (Nguyễn Huy Tưởng) |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung và cách học sách Ngữ văn 10, học đọc**

**a. Mục tiêu:** HS có cái nhìn bao quát chung về những nội dung chính và cách học Ngữ văn 10 và cấu trúc của sách và các bài học trong sách Ngữ văn 10. Từ đó, HS biết phương pháp học môn Ngữ văn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -  GV yêu cầu HS đọc kĩ các mục trong SGK và thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT số 1 trong thời gian 5 phút:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Kiểu văn bản | Tên kiểu văn bản có trong SGK | Y/C về cách đọc | | 1 | Truyện | … | … | | 2 | … | … | … | | 3 | … | … | … | | 4 | … | … | … | | 5 | … | … | … | | 6 | … | … | … |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thảo luận, hoàn thành nhanh sản phẩm PHT.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV yêu cầu HS nộp sản phẩm.  **Bước 4: Nhận xét**  - GV nhận xét sản phẩm, chốt kiến thức. | **I. Học đọc**  **1. Đọc hiểu văn bản truyện**  a. Thần thoại, sử thi:  b. Tiểu thuyết chương hồi  c. Truyện ngắn  ***Yêu cầu về đọc hiểu truyện:***  - Hiểu nội dung và hình thức của tác phẩm  - Đặc điểm của mỗi thể loại  - Chỉ ra được sự khác biệt của mỗi thể loại truyện.  **2. Đọc hiểu văn bản thơ**   1. Thơ đường luật 2. Thơ tự do   ***Yêu cầu về đọc hiểu thơ:***   * Nhận biết và thấy được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức * Đặc điểm của mỗi thể thơ * Phân biệt điểm khác nhau giữa thơ Đường luật và thơ tự do.   **3. Đọc hiểu văn bản chèo, tuồng**   1. Kịch bản chèo 2. Kịch bản tuồng   ***Yêu cầu về cách đọc hiểu***   * Nắm được nội dung của mỗi văn bản * Chú ý tới từ ngữ, hình thức trình bày, lời thoại nhân vật, chỉ dẫn sân khấu… * Nhận biết được tác dụng của cách trình bày ấy.   **4. Đọc hiểu văn bản nghị luận**   1. Nghị luận xã hội 2. Nghị luận văn học   ***Yêu cầu về cách đọc:***   * Chú ý tới đề tài, ý nghĩa của đề tài * Chú ý tới cách tác giả nêu ý kiến và sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục.   **5. Đọc hiểu văn bản thông tin**   1. Văn bản thông tin tổng hợp 2. Bản tin   ***Yêu cầu cách đọc:***   * Nắm được nội dung của văn bản * Chú ý cách triển khai thông tin, cách trình bày văn bản * Nhận biết được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin   **6. Đọc hiểu thơ văn Nguyễn Trãi**  - Tác gia văn học  - Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn  - Vận dụng kiến thức về đọc hiểu văn văn bản nghị luận trung đại, thơ Nôm Đường luật, cuộc đời NT để hiểu sâu hơn các tác phẩm của ông. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung và cách học sách Ngữ văn 10, học viết**

**a. Mục tiêu:** HS có cái nhìn bao quát chung về kĩ năng sử dụng từ ngữ và vận dụng kiến thức **b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG BÀI HỌC** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS đọc mục II/SGK (T7) trước lớp.  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  *1. Nội dung tiếng Việt được trình bày gồm mấy phần? Đó là các phẩn nào?*  *2. Các bài tập về tiếng Việt được biên soạn theo yêu cầu nào?*  *3. Theo dõi phần mục lục, em hãy đánh dấu (x) vào một số nội dung kiến thức tiếng Việt sẽ học trong chương trình học kì I.*  *4. Những lưu ý khi học phần tiếng Việt là gì?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm đôi.  **Bước 3. Báo cáo kết quả**  HS báo cáo kết quả làm việc nhóm.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  - HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, kết luận. | **II. Thực hành tiếng Việt**  **1. Nội dung tiếng Việt gồm có 2 phần:**  - Kiến thức lý thuyết  - Bài tập thực hành  **2. Các yêu cầu:**  - *Nhận biết* các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt đã được học ở phần kiến thức lý thuyết.  - *Phân tích, đánh giá* đặc điểm, vai trò và tác dụng của các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt đã được học.  - *Vận dụng* kiến thức về các đơn vị, hiện tượng đã học vào việc đọc hiểu và tạo lập văn bản, sửa các lỗi ngữ pháp thường gặp.  **3. Một số nội dung kiến thức tiếng Việt sẽ học trong chương trình học kì I.**  □ Sửa lỗi dùng từ  □ Sửa lỗi về trật tự từ  □ Biện pháp tu từ đối.  □ Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.  □ Cách trích dẫn, chú thích và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ  □ Sửa lỗi lặp từ  **4. Lưu ý**  - Trước khi học cần xác định kiến thức phần tiếng Việt ở đầu mỗi bài học.  - Làm bài tập trong phần *Thực hành tiếng Việt.*  - Vận dụng kiến thức tiếng Việt vào các hoạt động đọc hiểu, viết, nói và nghe ở môn Ngữ văn cũng như các môn học khác hoặc trong các hoạt động giao tiếp hàng ngày. |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung và cách học sách Ngữ văn 10, học viết, nói và nghe.**

**a. Mục tiêu:** HS có cái nhìn bao quát chung về nội dung cuốn sách qua tìm hiểu về kĩ năng viết. Để từ đó học sinh biết phương pháp học môn Ngữ Văn.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG BÀI HỌC** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận: *Khi viết một văn bản NL cần thực hiện mấy bước?*  - HS đọc mục III. HỌC VIẾT (Tr 8/SGK) và mục IV. HỌC NÓI VÀ NGHE (Tr 8/SGK).  Thời gian thảo luận: 05 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS trao đổi, thảo luận nhiệm vụ.  + GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **+** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận.  + HS nhận xét lần nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **III. Học viết**  ***1. Quy trình để viết 1 bài văn NL.***  - Gồm 4 bước sau:  + Chuẩn bị  + Tìm ý và lập dàn ý  + Viết  + Kiểm tra và chỉnh sửa.  ***2. Yêu cầu cụ thể cho từng kiểu bài***  **HS thực hành tạo lập 03 kiểu văn bản:**   |  |  | | --- | --- | | **Kiểu văn bản** | **Yêu cầu** | | Nghị luận | - Viết được văn bản bàn luận về một tư tưởng đạo lý: trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm, có cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các bằng chứng thuyết phục.  - Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.  - Viết được bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.  - Viết được bài luận về bản thân | | Thuyết minh | - Viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, có sử dụng trích dẫn, chú thích và các phương tiện hỗ trợ phù hợp. | | Nhật dụng | Viết được bản nội quy hoặc bản hướng dẫn ở nơi công cộng | |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nói và nghe gồm có những nội dung nào? Để rèn luyện được những nội dung này chúng ta cần đáp ứng những yêu cầu nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS trao đổi, thảo luận nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **+** Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm thảo luận.  + HS nhận xét lần nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức. | **IV. HỌC NÓI – NGHE**  **1. Nội dung** Nói, Nghe, Nói nghe tương tác  **2. Yêu cầu**:   |  |  | | --- | --- | | **Kĩ năng** | **Yêu cầu** | | **Khi nói** | - Biết thuyết trình một vấn đề xã hội, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.  - Trình bày được báo cáo về một kết quả nghiên cứu hay hoạt động trải nghiệm.  - Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học | | **Khi nghe** | Nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói; biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình | | **Nói nghe tương tác** | Biết thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác nhau, đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ 1 ý kiến nào đó, tôn trọng người đối thoại. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**HS có cái nhìn bao quát chung về cấu trúc cuốn sách.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***Bài tập 1:*** Mỗi đơn vị bài học trong SGK được cấu trúc như thế nào? Trước khi học bài mới em cần xác định cho mình những nhiệm vụ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **Các phần của bài học** | **Nhiệm vụ của học sinh** |
| YÊU CẦU CẦN ĐẠT | * Đọc trước khi học để có định hướng đúng * Đọc sau khi học để tự đánh giá |
| KIẾN THỨC NGỮ VĂN | Đọc ở nhà và vận dụng khi học trên lớp |
| **ĐỌC**  ***ĐỌC HIỂU VĂN BẢN***   * Tên văn bản * Chuẩn bị * Đọc hiểu   ***THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU*** | * Tìm hiểu thông tin về bối cảnh, tác giả, tác phẩm… * Đọc trực tiếp văn bản và chú ý các hướng dẫn đọc bên phải, xem chú thích cuối trang. * Trả lời câu hỏi đọc hiểu |
| **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | * Đọc kiến thức tiếng Việt ở phần kiến thức Ngữ văn và làm bài tập tiếng Việt |
| **VIẾT**   * ***ĐỊNH HƯỚNG*** * ***THỰC HÀNH*** | * Đọc định hướng viết * Làm các bài tập thực hành viết |
| **NÓI VÀ NGHE**   * ***ĐỊNH HƯỚNG*** * ***THỰC HÀNH*** | * Đọc định hướng nói và nghe * Làm bài tập thực hành nói và nghe |
| TỰ ĐÁNH GIÁ | * Tự đánh giá kết quả đọc hiểu, viết thông qua đọc và trả lời các câu hỏi về một văn bản tương tự đã học |
| HƯỚNG DẪN TỰ HỌC | * Đọc mở rộng theo gợi ý * Thu thập tư liệu liên quan đến bài học |

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Kiểu văn bản | Văn bản có trong SGK | Yêu cầu về cách đọc |
| 1 | Truyện | … | … |
| 2 | … | … | … |
| 3 | … | … | … |
| 4 | … | … | … |

**D. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM**:

…………………………………………………………………………………………………..….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Kí duyệt của TTCM

***Nguyễn Thị Thanh Hương***

|  |  |
| --- | --- |
| Trường THPT Vũ Văn Hiếu | Họ và tên giáo viên: |
| Tổ: Khoa học xã hội | **Phạm Thị Ngọc Mai** |

**BÀI 1: THẦN THOẠI VÀ SỬ THI**

**Thời gian thực hiện: 11 tiết**

Ngày soạn:………………………..

**A. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,…) của truyện thần thoại, sử thi; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hóa khác nhau.

- Nhận biết và sửa được lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; có thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp.

- Viết được văn bản nghị luận xã hội về một hiện tượng trong cuộc sống hoặc một vấn đề đặt ra từ tác phẩm văn học.

- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**2. Về phẩm chất**

Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp; tôn trọng và có ý thức tìm hiểu nền văn học, văn hóa Việt Nam và các nước trên thế giới.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**: Tivi, máy tính, bảng phụ, thiết kế bài giảng powerpoint, phiếu học tập,…

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 10 tập 1, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,…

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**DẠY HỌC ĐỌC HIỂU**

**Văn bản 1: HÊ-RA-CLÉT ĐI TÌM TÁO VÀNG**

*(Thời gian thực hiện: 03 tiết)*

1. **Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của truyện thần thoại, sử thi; hiểu được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

**2. Về phẩm chất:**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

1. **Thiết bị dạy học và học liệu**

- Tivi, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

1. **Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi “Trạng nguyên”:  **Câu 1. Đất nước Hy Lạp thuộc về châu lục nào?**   |  |  | | --- | --- | | A. Châu Âu | B. Châu Mĩ | | C. Châu Á | D. Châu Phi |   **Câu 2. Loài cây nào là biểu trưng của đất nước Hy Lạp đã được dùng làm vòng cho những nhà vô địch thể thao?**   |  |  | | --- | --- | | A. Cây ô-liu | B. Cây hoa huệ xạ | | C. Cây hoa giấy | D. Cây nguyệt quế |   **Câu 3. Theo thần thoại Hy Lạp, đỉnh Olympus có bao nhiêu vị thần?**   |  |  | | --- | --- | | A. 10 | B. 11 | | C. 12 | D. 13 |   **Câu 4. Vị thần có quyền lực tối cao ở đỉnh Olympus?**   |  |  | | --- | --- | | A. Dớt | B. Hê-ra | | C. A-po-lô | D. A-rét |   **Câu 5. Hê – ra – clet có bao nhiêu chiến công?**   |  |  | | --- | --- | | A. 9 | B. 10 | | C. 11 | D. 12 |   **-** GV trình chiếu cho HS xem hình ảnh vè Hê – ra – clet  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV yêu cầu HS trình bày, phản biện sản phẩm của bạn/ nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV dẫn dắt: tìm hiểu nội dung, ý nghĩa và xác định đặc điểm của văn bản thần thoại, bước đầu hình dung cách thức đọc hiểu văn bản thần thoại Hy Lạp.  - HS có thể lựa chọn chiến công bản thân yêu thích và giải thích vì sao thích chiến công đó. | Câu 1 A  Câu 2 D  Câu 3 C  Câu 4 A  Câu 5 D |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng mới**

*a. Mục tiêu:* Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,…) của truyện thần thoại, sử thi; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hóa khác nhau.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi thông qua phiếu bài tập số 1(phụ lục):  *+ Nêu những thông tin tìm hiểu được về thần thoại Hy Lạp và chốt lại một số điểm cần lưu ý*  *+ Nêu bối cảnh và vị trí của đoạn trích?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  - HS trình bày sản phẩm của cá nhân bằng lời nói hoặc kết hợp giữa lời nói với các phương tiện hỗ trợ (ảnh, thông tin trên web).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV gọi một số HS trình bày phần *Kiến thức ngữ văn* có liên quan bài đọc hiểu và nêu những câu hỏi, băn khoăn. Trước khi giải đáp câu hỏi, băn khoăn của HS, GV nên khuyến khích những HS khác trả lời.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi thông qua bảng:   |  |  | | --- | --- | | PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2 – THẦN THOẠI HI LẠP | | | Khái niệm |  | | Phân loại |  |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Kiến thức Ngữ văn**  **a. Thể loại thần thoại**  - Thần thoại: là những truyện *hoang đường, tưởng tượng* về các vị thần, những nhân vật sáng tạo ra thế giới… phản ánh *nhận thức, cách lí giải* của con người thời nguyên thủy về các hiện tượng tự nhiên và xã hội.  **b. Đặc trưng thể loại**  ***- Không gian:*** vũ trụ nguyên sơ, có khi được chia thành 3 cõi: cõi trời, cõi đất, cõi nước. (3 cõi đều có thể tương giao với nhau, các vị thần đều có thể đi lại giữa 3 cõi)  ***- Thời gian:*** quá khứ, không được xác định cụ thể.  ***- Cốt truyện:*** chuỗi sự kiện (biến cố) được sắp xếp theo một trình tự nhất định: cái này tiếp nối cái kia, xô đẩy nhau buộc phải giải quyết, giải quyết xong thì truyện dừng lại.  VD: Truyện “Hê**-**ra-clét đi tìm táo vàng” , Hê-ra-clét gặp rất nhiều thử thách: phải chiến đấu với 2 cha con thần chiến tranh, đi qua vùng sa mạc, chiến đấu với gã khổng lồ độc ác; sau đó, gặp 1 vị vua bị bắt làm vật hiến tế, gặp thần Prô-mê-tê. Với mỗi thử thách thì Hê-ra-clét phải dừng lại để giải quyết, mỗi cuộc gặp đó chính là một biến cố, một chuỗi sự kiện khiến cho nhân vật chính giải quyết xong trong hành trình tìm quả táo vàng của mình.  ***- Nhân vật:*** có hình dạng và hành động phi thường, có khả năng biến hóa khôn lường.  ***- Ngôn ngữ:***  + Lời của người kể chuyện là lời của người thuật lại câu chuyện.  + Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật.  **2. Thể loại thần thoại Hy Lạp**  - Thần thoại Hy Lạp là tập hợp những huyền thoại và truyền thuyết của người Hy Lạp cổ đại liên quan đến các vị thần, các anh hung, bản chất của thế giới, và nguồn gốc cũng như ý nghĩa của các tín ngưỡng, các nghi lễ tôn giáo của họ.  => Tiêu biểu nhất là truyện về anh hùng Hê-ra-clet được phổ cập toàn Hy Lạp, được tôn sùng không chỉ như một người anh hùng mà còn như một vị thần linh, trở hành đề tài phổ biến cho các nghệ sĩ phương Tây qua các thời đại…  - Phân loại: 3 loại (tương ứng với 3 thời kì)  + Thần thoại về nguồn gốc của thế giới, của các vị thần và của loài người  + Thần thoại về các thành bang  + Thần thoại về các anh hùng: biểu dương những đại diện ưu tú của các thành bang.  **3. Đoạn trích *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng***  **a. Bối cảnh:** SGK trang 14  **\* Nhân vật**  - Hê-ra-clet là hình tượng tiêu biểu cho sức mạnh thể chất và tinh thần của người anh hùng cổ đại với những chiến công phi thường: *tiêu diệt quái vật, trừng phạt bạo chúa và những kẻ gian ác*.  - Hê-ra-clet thuộc kiểu **nhân vật anh hùng**, là người thường nhưng có sức mạnh ‘sánh tựa thần linh’.  ***Tóm tắt sự kiện chính nhân vật Hê-ra-clét:***  + Vốn là con riêng của thần Dớt (vị thần tối cao cai quản cả thế giới thần linh và thế giới loài người). Hê-ra-clét bị nữ thần Hê-ra (vợ thần Dớt – nữ thần Hôn nhân và gia đình) luôn thù ghét  + Từ lúc Hê-ra-clét còn nằm trong nôi, nữ thần Hê-ra đã sai hai con rắn lớn vào quấn chết cậu bé. Nhưng Hê-ra-clét đã bóp chết cả hai con rắn khi chỉ mới mười tháng tuổi.  + Lớn lên, cậu bé đi chăn gia súc, luyện tập võ nghệ, diệt trừ quái vật, lập công lớn, được vua thành Tê-bê gả công chúa cho, cuộc sống hạnh phúc.  + Nhưng nữ thần Hê-ra đã dùng phép thuật làm cho Hê-ra-clét hóa điên giết hết vợ con. Sau đó nữ thần yêu cầu thần Dớt trưng phạt Hê-ra-clét vì tội giết người. Buộc lòng thần Dớt phải thi hành công lí, bắt Hê-ra-clét làm đầy tớ trong suốt 12 năm cho nhà vua Ơ-ri-xtê.  + Ông vua này lợi dụng sức khỏe và võ nghệ Hê-ra-clét khiến chàng phải trải qua nhiều thử thách để lập lên 12 chiến công chói lọi (chiếu các hình ảnh chiến công)  **b. Vị trí và nội dung chính:** Kể về hành trình đi tìm táo vàng – chiến công thần kì cuối cùng của người anh hùng Hê-ra-clét.  **c. Tóm tắt đoạn trích**  - Đoạn trích kể lại hành trình đi tìm táo vàng của người anh hùng Hê-ra-clét theo lệnh nhà vua Ơ-ri-xt ê. Cây táo vàng vốn của nữ thần đất Gai-a, được canh giữ bởi con rồng trăm đầu La-đông và 3 chị em tiên nữ Nanh-phơ.  - Trên đường đi tì táo vàng, Hê-ra-clét gặp nhiều thử thách: giao đấu với 2 cha con thần chiến tranh A-rét, tìm thần biển Nê-rê hỏi đường, đi ngược lên cực Bắc, băng qua vùng sa mạc nóng như thiêu đốt, chiến đấu với gã khổng lồ độc ác Ăng-tê. Khi đặt chân đến Ai Cập, Hê-ra-clét suýt bị vua Ai Cập bắt làm vật hiến tế, chàng đã chiến đấu để tự giải thoát.  - Chàng tới được vùng núi Cô-ca-dơ. Tại đây chàng đã cứu được thần Prô-mê-tê đang bị thần Dớt trừng phạt. Thần Prô-mê-tê trả công Hê-ra-clét bằng cách nói cho chàng biết muốn lấy được táo vàng, phải nhờ thần Át-lát.  - Hê-ra-clét tìm thần Át-lát và đã ghé vai gánh bầu trời cho vị thần này để thần đi lấy giúp táo vàng. Khi lấy được táo vàng, thần Át-lát toan lừa chàng gánh luôn bầu trời nhưng Hê-ra-clét nhanh trí nhận ra âm mưu và thoát khỏi, mang táo vàng trở về. |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| - GV gọi 1 số HS, mỗi HS đọc một phần văn bản đã được đánh số/ GV cũng có thể kiểm tra việc đọc ở nhà của HS bằng cách yêu cầu HS tóm tắt câu chuyện.  - HS đọc văn bản theo yêu cầu. | 1. HS đọc to, rõ ràng, lưu loát; tóm tắt truyện. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời Câu 1 trong SGK: Mỗi phần trong văn bản *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* kể về sự kiện gì?  - GV yêu cầu HS tóm tắt đoạn trích.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - HS trình bày sản phẩm của cá nhân.  - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức: *Các đoạn tóm tắt nội dung lược trích cho biết Hê-ra-clét đã phải trải qua những cuộc thử thách khác: giao đấu với hai cha con thần Chiến tranh A-rét; chiến đấu với vua Ai Cập để giải thoát cho mình không bị trở thành vật hiến tế.* | **2. Bố cục của đoạn trích**  - Văn bản *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* gồm bốn phần, mỗi phần kể về sự kiện sau:  + Phần 1: Nguồn gốc và điểm đặc biệt của khu vườn có cây táo vàng.  + Phần 2: Hê-ra-clét giao đấu với gã khổng lồ độc ác Ăng-tê.  + Phần 3: Hê-ra-clét giải thoát cho vị thần ân nhân của loài người, Prô-mê-tê tại núi Cô-ca-dơ.  + Phần 4: Hê-ra-clét tìm gặp thần Át-lát, chống đỡ bầu trời để thần đi lấy táo và cuộc đấu trí giữ hai nhân vật. |
| ***GV hướng dẫn HS phân tích nhân vật Hê-ra-clét***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  *-* GV yêu cầu cá nhân HS làm việc nhóm và trả lời câu hỏi:  + Nhân vật Hê-ra-clét được giới thiệu như thế nào?  + Hê - ra - clet được đặt vào một tình huống thử thách như thế nào?  + Em có nhận xét gì về tình huống thử thách ấy?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm (theo **kĩ thuật khăn trải bàn**) và trả lời câu hỏi: *Hê-ra-clet đã vượt qua những thử thách như thế nào để thực hiện nhiệm vụ? Từ đó hãy nhận xét nhân vật Hê-ra-clet là người như thế nào?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **3. Nhân vật Hê-ra-clét trong đoạn trích**  **a. Khái quát về nhân vật Hê-ra-clét**  - Hê-ra-clét là con của thần Dớt và một người phụ nữ dưới trần gian.  - Vì ghen tuông nên nữ thần Hê-ra – vợ của Dớt đã nhiều lần tìm cách hãm hại chàng.  **-** Hê-ra-clét nổi tiếng với [mười hai kỳ công](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C6%B0%E1%BB%9Di_hai_k%E1%BB%B3_c%C3%B4ng_c%E1%BB%A7a_Heracles" \o "Mười hai kỳ công của Heracles) khi phải làm nô lệ cho vua Ơ-ri-xtê để chịu sự trừng phạt cho việc giết vợ, con của mình - hành động là kết quả của một cơn điên do Hê-ra gây nên.  => Hê-ra-clét đã trờ thành biểu tượng cho sức mạnh thể chất và tinh thần cho người Hi Lạp cổ đại.  **b. Tình huống thử thách:**  **-** Phải thực hiện nhiệm vụ mà vị vua Ơ-ri-xte giao phó: “*phải đoạt được những quả táo vàng của những tiên nữ E-xpe-rit đem về*”.  - Nguồn gốc của cây táo vàng: Nữ thần Đất Gai-a vĩ đại đã tặng cây táo vàng cho nữ thần Hê-ra làm quà mừng nhân ngày nữ thần Hê-ra kết hôn với đấng phụ vương Dớt.  - Điểm đặc biệt của khu vườn có cây táo vàng:  + Được trồng ở khu vườn của nữ thần Hê-ra  + Được canh giữ nghiêm ngặt  + Không ai xác định được vị trí của nó  **=> Nhận xét:** Nhiệm vụ của Hê-ra-clet là vô cùng khó khăn.  **c. Hành trình vượt qua thử thách của Hê-ra-clet**  **-** Hành trìnhkhó khăn, xa xôi đi tìm vườn táo (sự kiện 1).  + Phải lặn lội từ Châu Âu sang Châu Á để hỏi đường  + Phải giao đấu với hai cha con thần chiến tranh A-Ret  + Đi tìm thần Biển Nê-rê để hỏi đường  + Đi ngược lên miền cực Bắc, băng qua sa mạc nóng như thiêu như đốt  + Chiến đấu để tự giải thoát khi bị vị Vua Ai Cập bắt làm vật hiến tế.  -> **Hê-ra-clet có lòng dũng cảm và ý chí nghị lực phi thường.**  - Chiến đấu và chiến thắng với gã khổng lồ độc ác Ăng-tê (sự kiện 2).  + Ăng- tê: là con trai của thần Biển và thần Đất mẹ Gai-a => Mỗi khi chân Ăng-tê chạm đất, Đất mẹ Gai - a lại truyền cho sức mạnh bất khả chiến bại.  + Cuộc giao đấu: Khi phát hiện ra điểm bí mật tạo nên sức mạnh của Ăng-tê, Hê-ra-clet đã dùng trí tuệ và lừa miếng sơ hở của Ăng-tê, gồng mình nhấc bổng Ăng-tê lên cho chân lìa khỏi mặt đất…  + Kết quả: Hê-ra-clet đã kết liễu sinh mạng của gã khổng lồ độc ác Ăng-tê  -> **Hê-ra-clet là người có tài năng phi thường, có lòng dũng cảm vô song và trí tuệ lỗi lạc**  - Gặp gỡ và giải cứu thần Pro-mê-tê: (sự kiện 3)  + Pro-mê-tê là ân nhân của loài người, vì trao cho loài người ngọn lửa thiêng nên đã bị thần Dớt trừng phạt (dẫn chứng)  -> Pro-mê-tê đã chịu đựng cực hình như thế qua bao nhiêu thế kỉ nhưng không hề khuất phục Dớt, không chịu nói một lời van xin.  + Giải cứu Pro-mê-tê:  “…*cảnh tượng thương xót và tàn nhẫn ấy đang diễn ra như chọc vào mắt chàng. Không phải đắn đo suy nghĩ gì, Hê-ra-clet giương cung và buông dây”*  -> Kết quả: Giết chết con đại bàng, chặt xiềng xích cho Pro-mê-tê  -> **Hê-ra-clet vô cùng phẫn nộ trước cái ác, trước sự bất công và đã hành động theo tiếng gọi của chính nghĩa, tiếng nói của trái tim.**  - Gặp gỡ thần Át-lat: (sự kiện 4)  + At-lat: là người phạm tội với thần Dớt -> phải chịu hình phạt: khom lưng, giơ vai chống cả bầu trời  + Khi phát hiện âm mưu của thần Át-lát, Hê-ra-clet đã tương kế tựu kế, tươi cười nhờ thần chống trời một lúc cho mình kiếm tấm áo, tấm da lót cho đỡ đau vai, sau đó thẳng thắn từ chối nhiệm vụ.  **-> Hê-ra-clet là người thông minh, mưu trí.**  => Như vậy, nhân vật Hê-ra-clét là người hội tụ đầy đủ vẻ đẹp của sức mạnh và trí tuệ, lòng dũng cảm và trái tim nhân hậu, trí dũng song toàn. |
| ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu những chi tiết hoang đường, kì ảo trong đoạn trích.***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu cá nhân HS làm việc theo cặp để trả lời Câu 2 trong SGK: Chỉ ra những chi tiết hoang đường, tưởng tượng trong đoạn trích. Ý nghĩa của mỗi chi tiết ấy?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - HS trình bày sản phẩm của cặp đôi.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS. | **4. Ý nghĩa các chi tiết hoang đường, kì ảo**  **- Những nhân vật hoang đường:**  + Thần Đất  + Rồng trăm đầu  + Thần chiến tranh  + Thần biển  + Gã khổng lồ Ăng-tê  + Thần Prô-mê-tê  + Thần Át-lát  - Những chi tiết hoang đường, tưởng tượng trong đoạn trích:  + Con rồng La-đông có một trăm cái đầu (có lời đồn là nó có một cái đầu không bao giờ ngủ) để canh giữ khu vườn có cây táo vàng.  + Khi Hê-ra-clét giao đấu với Ăng-tê, hễ chân Ăng-tê chạm đất thì sức mạnh lập tức lại tăng thêm vì được thần Đất Mẹ Gai-a tiếp sức.  + Thần Dớt đóng đanh xiềng Prô-mê-tê vào núi đá, sai một con đại bàng mỏ quắm móng nhọn ngày ngày tới mổ bụng ăn gan nhưng buồng gan của Prô-mê-tê là bất tử.  + Thần Át-lát khom lưng giơ vai chống đội bầu trời và sau đó Hê-ra-clét làm thay để thần đi lấy cho ba quả táo vàng.  - **Ý nghĩa của mỗi chi tiết:**  + **Ý nghĩa của chi tiết 1**: Những khó khăn, nguy hiểm mà Hê-ra-clét phải vượt qua để lấy được táo vàng.  + **Ý nghĩa của chi tiết 2**: Làm tăng thêm thử thách cho Hê-ra-clét; khẳng định Đất Mẹ là cội nguồn của sự sống và sức mạnh, chính Đất Mẹ đã truyền sức mạnh cho đứa con của mình là Ăng-tê.  + **Ý nghĩa của chi tiết 3**: Tinh thần bất khuất và sức sống mãnh liệt của Prô-mê-tê, ngợi ca sự hồi sinh bất diệt của chính nghĩa.  + **Ý nghĩa của chi tiết 4:** Lí giải sự hình thành trái đất do thần Át-lát mang trên vai cả bầu trời; thể hiện khát vọng chinh phục tự nhiên vô cùng lớn lao của con người, khẳng định sức mạnh vĩ đại của con người bé nhỏ trong vũ trụ. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu cá nhân HS làm việc theo cá nhân: Chỉ ra những điển tích văn học và biểu tượng văn hóa trong điển tích?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - HS trình bày sản phẩm của cặp đôi.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS. | **5. Điển tích văn học và biểu tượng văn hóa**  - Gã khổng lồ Ăng-tê và đất mẹ Gai-a: Ăng-tê bất khả chiến bại nếu chân chạm vào đất  - Câu chuyện Át-lát đỡ bầu trời đã thành biểu tượng văn hóa của loài người. Bức tượng người đàn ông lực lưỡng một chân quỳ xuống đất, hai tay đỡ bầu trời trên vai được tạc và xuất hiện nhiều nơi trên thế giới.  - Thần Prô-mê-tê cũng là biểu tượng văn hóa, đại diện cho bình minh của nền văn minh loài người: đã tạo ra loài người đầu tiên bằng đất sét và giúp loài người rất nhiều. Thành tựu lớn nhất của thần đó là lấy trộm lửa của thần Dớt cho loài người, từ đó, loài người mới có lửa để nấu nướng, sinh hoạt và phát triển. |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, trả lời câu hỏi: *Đoạn trích phản ánh nhận thức và cách lí giải của con người thời cổ đại về điều gì? Theo em, ngày nay câu chuyện Hê-ra-clét đi tìm táo vàng có còn sức hấp dẫn không? Tại sao?*  Đồng thời, GV yêu cầu HS rút ra những đánh giá khái quát về nội dung, hình thức của văn bản và cách đọc thể loại thần thoại.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV yêu cầu các nhóm trình bày sản phẩm, nhận xét sản phẩm của mỗi nhóm và chốt lại những thông tin cơ bản.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Nội dung và ý nghĩa của văn bản**  - Nội dung: Thông qua chiến công đi tìm táo vàng của người anh hùng Hê-ra-clét, đoạn trích đã phản ánh nhận thức, cách lí giải của con người cổ đại về hành trình gian khổ của con người chinh phục thiên nhiên và về các hiện tượng tự nhiên và xã hội.  - Đề tài: Thần thoại về nhân vật anh hùng.  - Chủ đề: Ca ngợi nhân vật anh hùng, biểu tượng cho sức mạnh, trí tuệ và khát vọng.  - Thông điệp: Để đi tới thành công, đòi hỏi con người phải có đủ sức mạnh, ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách.  **2. Hình thức của văn bản**  - Cốt truyện li kì, hấp dẫn  - Không gian vũ trụ, thời gian quá khứ nguyên sơ của loài người  - Chi tiết thần kì khiến nhân vật anh hùng hiện lên kì vĩ, phi thường  - Lời kể ở ngôi thứ 3 làm câu chuyện trở nên lô-gic và dễ theo dõi.  **3. Cách đọc thần thoại**  - Xác định được các sự việc chính, bối cảnh diễn ra những sự việc ấy.  - Chỉ ra được những nhân vật của câu chuyện, đặc biệt là nhân vật chính; phân tích được nhân vật chính.  - Nêu được ý nghĩa của những chi tiết thần kì trong văn bản.  - Nêu được mục đích của văn bản.  - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã đọc vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể của từng hoạt động

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ: G**V yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  **Câu 1**: **Nhân vật chính trong thể loại thần thoại là**  A. con người. B. các vị thần. C. các nhân vật anh hùng  D. các vị thần, các nhân vật anh hùng, nhân vật sáng tạo văn hoá.  **Câu 2: Ai là nhân vật chính của đoạn trích “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” ?**  A.Thần Dớt B. Hê-ra-clét C. Thần Prô-mê-tê D. Thần Át-lát  **Câu 3: Người kể trong văn bản "Hê-ra-clét đi tìm táo vàng " kể chuyện theo ngôi thứ mấy?**  A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ 2  C. Ngôi thứ 3 D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ 3  **Câu 4: Sự kiện nào KHÔNG có trong đoạn trích?**  A. Hê-ra-clét chiến thắng tên khổng lồ Ăng-tê  B. Hê-ra-clét giải cứu thần Prô-mê-tê  C. Hê-ra-clét giết con sư tử Nê-mê  B. Hê-ra-clét đấu trí với thần Át-lát  **Câu 5**: **Ý nào sau đây khái quát đầy đủ nhất về nhân vật người anh hùng Hê-ra-clét?**  A. Là người thường nhưng có sức mạnh “sánh tựa thần linh”.  B. Là người anh hùng có trí tuệ thông minh, năng lực phi thường; có ý chí, nghị lực và có trái tim nhân hậu.  C. Là người dũng cảm, không chịu lùi trước thử thách.  D. Là người có trái tim nhân hậu, bao dung.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời:** GV gọi HS trả lời câu hỏi. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | 1 | D | | 2 | B | | 3 | C | | 4 | C | | 5 | B | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

*b. Tổ chức thực hiện.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp trả lời các câu hỏi:  Câu 5 (SGK): *Chi tiết, hình ảnh nào của văn bản Hê-ra-clét đi tìm táo vàng để lại ấn tượng đặc biệt đối với em? Hãy vẽ hoặc mô tả bằng lời về chi tiết, hình ảnh đó.*  Câu 6 (SGK): *Từ đoạn trích trên, em hãy giải thích ý nghĩa của các hình tượng: Ăng-tê và Đất Mẹ; Prô-mê-tê bị xiềng…*  *HS đọc và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  GV yêu cầu các cặp trả lời, nhận xét sản phẩm của mỗi cặp và chốt lại những thông tin cơ bản.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - HS tự do tưởng tượng để vẽ hoặc mô tả bằng lời về một chi tiết, hình ảnh trong văn bản *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng*  - HS tự do bày tỏ hiểu biết của bản thân nhưng cần đảm bảo logic với nội dung đoạn trích.  *Gợi ý:*  + Đất chính là mẹ của sự sống, mẹ đất luôn bao bọc, che chở, truyền sức mạnh cho đứa con của mình;  + Thần Át-lát đỡ bầu trời đã thành biểu tượng văn hóa. Thời cổ đại, người ta tạc tượng vị thần này là một con người to khỏe, lực lưỡng đang cúi khom lưng giơ vai ra chống đỡ cả một quả cầu đè nặng trên vai. Vì lẽ đó cho nên sau này nhiều nước trên thế giới đã đặt tên cho những cuốn sách in sách bản đồ, địa lý nước này nước khác, từ đó mở rộng ra cả những cuốn sách khoa học địa lý.  + Thần Prô-mê-tê cũng là một biểu tượng văn hóa, đại diện cho bình minh của nền văn minh loài người: Thành tựu lớn nhất của Prô-mê-tê là lấy trộm lửa của thần Dớt đưa cho loài người, từ đó loài người mới có lửa để nấu nướng, sinh hoạt, phát triển nền văn minh. |

PHỤ LỤC

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên:……………………………………………………………… Lớp:……..**  ***Yêu cầu***: Đọc phần Kiến thức Ngữ văn (SGK/T11, 12) và hoàn thiện bảng dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1 – THẦN THOẠI | | | ***Khái niệm*** |  | | ***Không gian và thời gian*** |  | | ***Cốt truyện*** |  | | ***Nhân vật*** |  | | ***Người kể chuyện và lời nhân vật*** |  | |

**Văn bản 2: *CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY***

(Trích *Đăm Săn* - sử thi Ê-đê)

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của truyện thần thoại, sử thi; hiểu được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

**2. Về phẩm chất:**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Tivi, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 1 (bộ Cánh diều) , sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chiếu cho HS một số hình ảnh:  |  |  | | --- | --- | | Description: Những đặc trưng của văn hóa Tây Nguyên | Description: http://vtr.org.vn/FileManager/Anh%20web%202019/Thang%2012/2131/cong%20chieng.jpg | | Description: Những đặc trưng của văn hóa Tây Nguyên | Description: Thú vị với nét đẹp văn hóa ẩm thực đặc sắc của Tây Nguyên |   GV nêu câu hỏi: *Các hình ảnh đó liên quan đến vùng đất nào của nước ta? Nêu những hiểu biết của em về những đặc sắc văn hoá của mảnh đất đó?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dẫn dắt: *Địa danh Tây Nguyên khá quen thuộc đối với mỗi chúng ta. Chúng ta biết đến Tây Nguyên với di sản cồng chiêng đã được công nhận là di sản văn hoá thế giới. Tây Nguyên còn được biết đến với tư cách là cái nôi của những trường ca - sử thi anh hùng của dân tộc Việt Nam. Và trong đó sử thi Đăm Săn của dân tộc Ê- đê là tiêu biểu hơn cả. Chúng ta cùng tìm hiểu một đoạn trích để thấy được giá trị của tác phẩm đồng thời cũng thấy được đặc trưng tiêu biểu của thể loại sử thi.* | - Các hình ảnh phản ánh những nét văn hoá của vùng đất Tây Nguyên.  - Nhắc đến văn hóa Tây Nguyên, người ta nghĩ ngay đến nhà rông, lễ hội cồng chiêng, sử thi... Đó là những di sản văn hóa truyền thống vô cùng đặc sắc và quý báu mà cha ông các dân tộc Tây Nguyên để lại cho con cháu hôm nay và mai sau. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng mới**

*a. Mục tiêu:* Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,…) của truyện thần thoại, sử thi; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hóa khác nhau.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Những nét chính về thể loại, tác phẩm** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao HS trả lời các câu hỏi về thể loại sử thi.  - HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành câu hỏi tìm hiểu chung về sử thi Tây Nguyên, tác phẩm, đoạn trích.  + Nêu khái niệm về sử thi?  + Sử thi gồm mấy loại?  *+ Đặc điểm nổi bật của* sử thi Tây Nguyên*?*  *+ Đăm Săn thuộc loại sử thi nào?*  *+ Vị trí, những sự kiện chính của đoạn trích “Chiến thắng Mtao Mxây”?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và hoàn thành phiếu  Thời gian: 10 phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  HS chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu  **Bước 4. Kết luận, nhận định**   * GV nhận xét, chốt kiến thức | **1. Sử thi Tây Nguyên**  **Khái niệm**:  + Là tác phẩm tự sự dân gian quy mô lớn  + Ngôn ngữ có vần, nhịp  + Hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng  + Kể về một hoặc nhiều biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng của dân cư cổ đại.  **Phân loại:**  + Sử thi thần thoại: *Đẻ đất đẻ nước* (Mường), *Ẩm ệt luông* (Thái), *Cây nêu thần (Mơ nông),…*  + Sử thi anh hùng: *Đăm Săn, Đăm Di, Xinh Nhã, Khinh Dú* (Ê Đê), *Đăm Noi* (Ba na)…  **Sử thi Tây Nguyên**  Đôi nét về Tây Nguyên  - Bao gồm 5 tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, LâmĐồng, Đắc Nông, Đắc Lắc  - Đặc điểm Tây Nguyên  + Tiểu vùng văn hóa – xã hội – lịch sử  + Xung đột và di cư của nhiều bộ tộc  + Đời sống nương rẫy, gắn với thiên nhiên  + Đời sống tín ngưỡng, phong tục phong phú  Điều kiện ra đời kho tàng thần thoại, sử thi, cổ tích,.. phong phú  - Sử thi Tây Nguyên: Trong lúc sử thi ở nhiều nước rời rạc, lẻ tẻ thì ở Việt Nam, nó lại quần tụ thành vùng, tiêu biểu là ở Tây Nguyên. Người ta gọi là *vùng sử thi Tây Nguyên*.  - Sử thi anh hùng Tây Nguyên có 3 đề tài chính: hôn nhân, chiến tranh và lao*động xây dựng. Đề tài chiến tranh quan trọng hơn cả, là đề tài trung tâm của*sử thi anh hùng và thu hút các sự kiện thuộc 2 loại đề tài kia.  **2. Văn bản sử thi *Đăm Săn***  **a. Xuất xứ**   * Tên Ê Đê: Klei Khan Đăm Săn * 1923 – 1914: S.Sabatier phát hiện dịch ra tiếng Pháp * 1959: NXB Văn hóa xuất bản “*Chuyện chàng Đăm Săn*” * 1988: Bản dịch của Nguyễn Hữu Thấu   **b. Thể loại**: Sử thi anh hùng của dân tộc Ê-đê (Tây Nguyên).  - Bộ sử thi dài 2077 câu, thể hiện nét lịch sử văn hóa của người đồng bào Tây Nguyên.  **c. Tóm tắt:**  + Đăm Săn về làm chồng hai chị em Hơ Nhị và Hơ Bhị, trở thành một tù trưởng oai danh, giàu có  + Các từ trưởng KênKên và Sắt lừa bắt Hơ Nhị về làm vợ. Đăm Săn đánh trả và chiến thắng  + Đăm Săn chặt cây Sơ – múc (Cây thần vật tổ bên nhà vợ), làm cả hai vợ đều chết. Chàng lên trời xin thuốc cứu hai vợ thành công  + Chàng đi hỏi nữ thần mặt trời làm vợ nhưng bị từ chối. Trên đường trở về, Đăm Săn bị chết ngập trong rừng Sáp đen.  + Hồn Đăm Săn biến thành con ruồi, bay vào miệng chị gái Hơ-Âng. Nàng có thai và sinh ra Đăm Săn cháu, tiếp tục sự nghiệp của người cậu anh hùng.  **3. Đoạn trích “Chiến thắng Mtao Mxây”**  **Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm kể về việc Đăm Săn đánh thắng từ trưởng Sắt (Mtao Mxây) cứu vợ.  **Cốt truyện:**  **- Nhân vật:** tù trưởng Đăm Săn, tù trưởng Mtao Mxây, Hơ Nhị, Ông Trời,…  *-***Những sự việc chính:**  + Đăm Săn tới tận nhà Mtao Mxây khiêu chiến, giao đấu với Mtao Mxây và giành chiến thắng.  + Đăm Săn thuyết phục tôi tớ, dân làng Mtao Mxây đi theo mình.  + Đăm Săn cùng dân làng tổ chức ăn mừng chiến thắng. |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| ***Tìm hiểu trận chiến giữa hai tù trưởng***  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn. Hoàn thành **phiếu học tập 01** trong thời gian 05 phút:  **+ Nhóm 1, 2:** Phân tích màn khiêu chiến giữa hai tù trưởng.  + **Nhóm 3, 4:** Phân tích màn giao đấu giữa hai tù trưởng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS bầu nhóm trưởng, thư kí.   - HS trong từng nhóm ghi lại câu trả lời của mình vào xung quanh bảng phụ, sau đó, nhóm thống nhất ‎ý kiến và ghi vào chính giữa.  - GV quan sát, hướng dẫn học sinh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  -  HS từng nhóm cử đại diện trả lời, treo bảng phụ của nhóm mình lên. - HS trong lớp thảo luận, nhận xét, bổ sung.  - GV lắng nghe, quan sát, hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **1. Cảnh trận chiến giữa hai tù trưởng**  **1.1. Nguyên nhân trận chiến**  - Tù trưởng Sắt (Mtao Mxây) lừa lúc ĐS cùng nô lệ lên rẫy ra sông làm lụng đã kéo người tới cướp phá buôn của chàng, bắt Hơ Nhị (vợ Đăm Săn) về làm vợ hắn => Đăm Săn tổ chức đánh trả, cứu vợ trở về  => Chiến đấu vì danh dự, hạnh phúc của thị tộc.  **1.2. Cảnh khiêu chiến**   |  |  | | --- | --- | | **Đăm Săn** | **Mtao Mxây** | | - Đến tận chân cầu thang khiêu chiến. (chủ động)  - Dùng lời nói khích dụ Mtao Mxây ra khỏi nhà để đấu tay đôi với mình  - Hứa không đánh lén  → Chủ động, tự tin | - Đứng ở trên nhà của  mình. (bị động)  - Không dám xuống, sợ Đăm Săn đánh lén nhưng vẫn trêu tức Đăm Săn.  - Chấp nhận lời khiêu  chiến nhưng đi xuống tần ngần, do dự.  → Bị động và sợ hãi |   **1.3. Vào cuộc chiến**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hiệp** | **Đăm Săn** | **Mtao Mxây** | | 1 | - Khích, thách Mtao Mxây múa khiên trước  => Nhìn rõ tài nghệ của kẻ thù.  - Múa khiên sau nhưng tỏ ra tài giỏi hơn hẳn.  - Đớp được miếng trầu của Hơ Nhị tiếp sức, càng mạnh thêm lên  => Múa khiên càng nhanh, mạnh, đẹp.  - Đâm Mtao Mxây nhưng không thủng  => Thấm mệt, vừa chạy, vừa ngủ. | - Múa khiên trước (Khiên kêu như quả mướp khô)  => Tự khen mình là *tướng quen đánh trận, quen xéo nát đất thiên hạ*  - Hốt hoảng bỏ chạy, bước cao bước thấp  - Bảo Hơ Nhị quăng cho miếng trầu nhưng Đăm Săn ăn được.  - Vừa chạy vừa chống đỡ. | | 2,3 | - Cầu cứu thần linh và được thần linh giúp sức: dùng chày mòn ném vào vành tai kẻ địch.  (Vai trò: làm cho câu chuyện thêm sinh động; sự gần gũi của con người và thần linh; việc làm của Đăm Săn là chính nghĩa)  - Bừng tỉnh, lấy chày mòn ném vào vành tai Mtao Mxây.  - Hỏi tội cướp vợ, giết Mtao Mxây. | - Bị đâm vào vành tai  - Vùng chạy, ngã lăn ra đất, cầu xin tha mạng  - Bị Đăm Săn giết chết. | | Kết luận | - Hình tượng Đăm Săn mang vẻ đẹp dũng mãnh, kỳ vĩ, sức mạnh siêu phàm, tầm vóc thần linh- hội tụ sức mạnh cộng đồng. Đây cũng là ước mơ, khát vọng của cộng đồng có người anh hùng chiến thắng mọi thế lực…  - Miếng trầu của Hơ Nhị biểu tượng sự ủng hộ của cộng đồng với cá nhân người anh hùng.  - Sự giúp đỡ của ông Trời (thần linh) cho thấy sự gắn bó của con người với thần linh. | - Mtao Mxây tài năng kém cỏi, nhân cách hèn hạ nhưng lại huyênh hoang, tự mãn, chủ quan và ngạo mạn.  -> Thất bại của hắn là tất yếu. | |
| ***Cảnh Đăm Săn thuyết phục tôi tớ, dân làng MtaoMxây và cảnh ăn mừng chiến thắng.***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:  **Nhóm 1, 2:** Mục đích Đăm Săn thuyết phục tôi tớ, dân làng Mtao Mxây đi theo mình là gì?  - Lời nói và hành động của dân làng cho biết tình cảm của cộng đồng đối với tù trưởng Đăm Săn như thế nào?  **Nhóm 3, 4:** Cảm nhận vẻ đẹp của Đăm Săn trong lễ ăn mừng chiến thắng. Nhận xét nghệ thuật miêu tả nhân vật.  - Khép lại đoạn trích là cảnh ăn mừng chiến thắng thay vì miêu tả cảnh chết chóc. Lựa chọn miêu tả đó của tác giả dân gian có ý nghĩa gì?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **2. Cảnh Đăm Săn thuyết phục tôi tớ, dân làng Mtao Mxây đi theo**  - Số lần đối đáp: 3 (tượng trưng cho số nhiều)  - Khác nhau:  + Lần 1: Gõ vào một nhà  + Lần 2: Gõ vào hai nhà  + Lần 3: Gõ vào tất cả các nhà.  - Mục đích: kêu gọi mọi người theo mình để xây dựng một thị tộc hùng mạnh.  => Tấm chân tình, sự khoan dung, nhân hậu của Đăm Săn khi để tôi tớ của Mtao Mxây tự quyết định số phận của họ -> sự nhân từ của chàng-> mọi người đều bị thuyết phục.  - Cảnh đoàn người đi theo Đăm Săn: “Đông như bầy cà tong, đặc như bầy thiêu thần; ùn ùn như kiến như mối...”  → Lòng mến phục, thái độ hưởng ứng và lòng trung thành tuyệt đối của nô lệ với Đăm Săn  → Sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi và khát vọng của người anh hùng sử thi với quyền lợi và khát vọng của toàn bộ cộng đồng (Người thắng, kẻ thua đều thuộc một tộc người, nay sống hoà hợp).  → Thể hiện lòng yêu mến, sự tuân phục của tập thể cộng đồng với cá nhân người anh hùng.  **3. Cảnh ăn mừng chiến thắng**  **3.1. Lễ cúng thần linh**  **- Lí do:**  + Sự gần gũi giữa con người và thần linh.  + Tượng trưng cho công lí và sức mạnh của đấng tối cao.  - Lễ cúng: *Rượu năm ché, trâu dâng một con*  *Rượu năm ché, trâu bảy con*  → Lễ vật linh đình, hậu hĩnh, tôn trọng thần linh.  **3.2.Lễ ăn mừng**  - Nói với tôi tớ → tự hào, tự tin về sức mạnh của bản thân và sự giàu có của thị tộc.  - Ra lệnh nổi nhiều loại cồng chiêng: tiếp tục nhấn mạnh vào sức mạnh của nguời anh hùng và sự giàu có của thị tộc (ý nghĩa của tiếng cồng chiêng với buôn làng Tây Nguyên)  **\* Hình ảnh Đăm Săn**:  + *Tóc dài chải đầy nong hoa*  *+ Ngực quấn chéo tấm mền chiến*  *+ Đôi mắt long lanh … tràn đầy sức trai*  *+ Bắp chân to bằng cây xà ngang, bắp đùi to bằng ống bễ*  *+ Sức ngang sức voi đực*  *+ Hơi thở ầm ầm như sấm dậy*  *+ Ngang tàn trong bụng mẹ*  → Vẻ đẹp, sức mạnh có phần cổ sơ, hoang dại, mộc mạc, giản dị, gần gũi với núi rừng.  → Đó cũng chính là vẻ đẹp và sức mạnh của thị tộc.  → Hình ảnh Đăm Săn được miêu tả bằng cái nhìn ngưỡng vọng từ dưới nhìn lên trên, sùng kính, tự hào. Điều này có nghĩa người anh hùng sử thi được tôn vinh tuyệt đối.  ***So sánh giữa cảnh chiến tranh và cảnh ăn mừng chiến thắng:*** ta thấy có sự khác nhau về dung lượng, về câu văn (Ngắn, mạnh - dài, hô ngữ), cảnh chết chóc, đau thương gần như không xuất hiện → Dù nói về chiến tranh nhưng tác giả dân gian vẫn hướng về cuộc sống hoà bình, thịnh vượng, sự đoàn kết thống nhất và sự lớn mạnh của toàn thể cộng đồng.  → Khát vọng của nhân dân gửi gắm vào những cuộc chiến tranh đóng vai trò “bà đỡ của lịch sử”  → Tầm vóc của người anh hùng với lịch sử cộng đồng. |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  *Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  Đoạn trích *“Chiến thắng Mtao Mxây” phản ánh và ngợi ca điều gì? Điều đó còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không? Vì sao?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Biện pháp khoa trương cường điệu được sử dụng triệt để trong việc miêu tả người anh hùng lí tưởng.  - Sử dụng ngôn ngữ: Ngôn ngữ đối thoại linh hoạt, giàu kịch tính, ngôn ngữ người kể chuyện hấp dẫn, sinh động.  - Hình ảnh ví von so sánh, giàu nhạc điệu, gắn với lời ăn tiếng nói của người Tây Nguyên.  - Kết cấu đối xứng.  - Giọng văn trang trọng, hào hùng.  **2. Nội dung**  **-** Ca ngợi người anh hùng tài năng, phẩm chất cao đẹp: trọng danh dự, gắn bó với hạnh phúc gia đình, thiết tha với sự phồn vinh của thị tộc.  - Khát vọng cao đẹp của con người đã được khẳng định từ ngàn xưa.  **3. Cách đọc sử thi**  - Xác định được những sự kiện trọng đại liên quan đến đời sống cộng đồng được phản ánh qua văn bản.  - Xác định và phân tích nhân vật, đặc biệt là người anh hùng trong văn bản.  - Xác định và nêu ý nghĩa của một số yếu tố nghệ thuật đặc sắc của văn bản.  - Phát hiện và nêu được những bài học, thông điệp mà văn bản muốn thể hiện.  - Liên hệ, so sánh và kết nối. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể của từng hoạt động

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  **Câu 1.** Sử thi Đăm Săn của dân tộc nào?   |  |  | | --- | --- | | 1. Ba na | 1. Ê-đê | | 1. Tày | 1. Mường |   **Câu 2.** Mtao Mx ây còn được gọi là tù trưởng:   |  |  | | --- | --- | | 1. Dơ | 1. Quạ | | 1. Sắt | 1. Diều |   **Câu 3.** Hành động nào của Đăm Săn thể hiện tinh thần cộng đồng?   |  |  | | --- | --- | | A.Gọi dân làng theo mình | B.Đăm Săn mộng thấy ông trời | | C. Gọi Mtao M xây múa đao | D. Đăm Săn cúng bái thần linh. |   **Câu 4.** Vật nào sau đây trong đoạn trích được xem là thần kì?   |  |  | | --- | --- | | A.Chày | B. Cồng Hlong | | C. Miếng trầu | D. Khiên |   **Câu 5.** Sau khi ăn miếng trầu của Hơ Nhị quăng cho thì Đăm Săn như thế nào?   |  |  | | --- | --- | | A.Chàng múa khiên đẹp hơn | B. Chàng trở nên nhanh nhẹn hơn | | C. Sức chàng tăng lên gấp bội | D. Chàng càng mạnh mẽ hơn |   **Câu 6.** Nhân vật nào trong văn bản Chiến thắng Mtao Mxây không dùng ngôn ngữ đối thoại?   |  |  | | --- | --- | | A.Tôi tớ | B. Hơ Nhị | | C. Dân làng | D. Ông trời |   **Câu 7.** Nhân vật Đăm Săn được miêu tả chủ yếu bằng thủ pháp nghệ thuật nào?   |  |  | | --- | --- | | A.So sánh, phóng đại | B. So sánh, nhân hóa | | C.Ẩn dụ, so sánh | D. Ẩn dụ phóng đại |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | Câu 1. B  Câu 2. C  Câu 3. A  Câu 4. C  Câu 5. C  Câu 6. B  Câu 7. A |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

*b. Tổ chức thực hiện.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS làm việc nhóm:  **- Nhóm 1**: Viết đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng miêu tả lại trận chiến đấu giữa Đăm Săn và Mtao Mxây bằng lời văn của em.  **- Nhóm 2:** Nêu vai trò của các sáng tác sử thi Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay. Theo em, cần làm gì để những giá trị tinh thần ấy được giới trẻ đón nhận, để văn hóa Tây Nguyên nói chung và giá trị văn học dân gian không bị mai một?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Vấn đề 1:** Nội dung đoạn văn miêu tả:  - Xác định đối tượng miêu tả: miêu tả lại trận chiến đấu giữa Đăm Săn và Mtao Mxây.  - Kết hợp bày tỏ cảm xúc chân thực của mình trước tài năng của Đăm Săn.  Hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng.  **Vấn đề 2:** Vai trò và cách bảo tồn sử thi Tây Nguyên:  - Các sáng tác sử thi Tây Nguyên có ý nghĩa vô cùng quan trọng:  + Phản ánh đời sống văn hóa tinh thần người Tây Nguyên  + Khẳng định những phẩm chất của người anh hùng…  - Biện pháp bảo tồn:  + Tuyên truyền để mọi người, đặc biệt là giới trẻ nâng cao nhận thức về giá trị và ý nghĩa của việc bảo tồn văn học dân gian, trong đó có sử thi Tây Nguyên.  + Hình thức quảng bá văn hóa và giới thiệu sử thi.  + Có hình thức dạy học phù hợp tạo hứng thú với thế hệ trẻ. |

**PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên:………………………………………………….. Lớp:…….**   |  |  | | --- | --- | | **Nhóm 1, 2** | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **VĂN BẢN: CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY**  ***Phân tích màn khiêu chiến giữa 2 tù trưởng*** |  |  | | --- | | ***Yêu cầu: Đọc đoạn văn cuộc giao đấu giữa hai tù trưởng: Đăm Săn và Mtao Mxây và trả lời các câu hỏi:*** |   **Câu 1.** Vì sao Đăm Săn lại tới tận nhà Mtao Mxây để khiêu chiến? (Nêu nguyên nhân, mục đích màn khiêu chiến của Đăm Săn.)  ...................................................................................................................................................  **Câu 2.** *Phân tích hình ảnh Đăm Săn trong lúc khiêu chiến?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phương diện** | **Đăm Săn** | **Mtao Mxây** | | Lời nói |  |  | | Cách xưng hô |  |  | | Tư thế |  |  | | Thái độ |  |  |   **Câu 3.** Qua màn khiêu chiến, nhận xét khái quát về tích cách của Đăm Săn và Mtao Mxây.  ..................................................................................................................................................... |
| **Họ và tên:………………………………………………….. Lớp:………………**   |  |  | | --- | --- | | **Nhóm 3, 4** | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **VĂN BẢN: CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY**  ***Phân tích màn giao đấu giữa hai tù trưởng*** |  |  | | --- | | ***Yêu cầu: Đọc đoạn văn cuộc giao đấu giữa hai tù trưởng: Đăm Săn và Mtao Mxây và trả lời các câu hỏi:*** |   **Câu 1.** Phân tích diễn biến trận đánh và so sánh tài năng, phẩm chất của hai tù trưởng qua màn giao đấu.  ..................................................................................................................................................  **Câu 2.** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng để miêu tả hình ảnh múa khiên của 2 tù trưởng*?*  .................................................................................................................................................  **Câu 3.** Chi tiết miếng trầu của Hơ Nhị và chi tiết ông Trời giúp đỡ Đăm Săn có ý nghĩa gì?  ................................................................................................................................................. |

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Văn bản 1: THẦN TRỤ TRỜI (Thần thoại Việt Nam)**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của truyện thần thoại, sử thi; hiểu được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

**2. Về phẩm chất:**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tivi, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b.. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đặt câu hỏi: *Dựa vào tiết học hôm trước, hãy cho biết thần thoại là gì? Các đặc điểm của truyện thần thoại.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, dẫn dăt: *Trong tiết học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung, ý nghĩa của một văn bản truyện thần thoại Việt Nam là Ra-ma buộc tội.* | ***Thần thoại:*** là những truyện có nội dung hoang đường, tưởng tượng về các vị thần, những nhân vật sáng tạo ra thế giới,... phản ánh nhận thức, cách lí giải cùa con người thời nguyên thuỷ về các hiện tượng tự nhiên và xã hội.  ***Đặc điểm truyện thần thoại:***  *- Không gian trong thần thoại* là không gian vũ trụ nguyên sơ, có khi được chia thành ba cõi: cõi trời, cõi đát, cõi nước.  - Cốt truyện của thần thoại và sử thi là chuỗi sự kiện (biến cố) được sắp xếp theo một trình tự nhất định.  - Nhân vật thần trong thần thoại có ngoại hình và hành động phi thường, khả năng biến hoá... |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,…) của truyện thần thoại, sử thi; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hóa khác nhau.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Nêu những hiểu biết của em về thần thoại “Thần Trụ trời”  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | ***1. Thần thoại Việt Nam***  - Thần thoại là truyện kể dân gian ra đời sớm nhất của các dân tộc.  - Thần trụ trời là truyện thần thoại tiêu biểu của dân tộc Việt nói riêng, các dân tộc Việt Nam nói chung. Qua truyện thần thoại này, người xưa muốn giải thích nguồn gốc các hiện tượng tự nhiên như trời, đất, sông, núi… và thể hiện ước mơ chinh phục tự nhiên.  **Các nhóm chính của thần thoại Việt Nam:**  **1. Về guồn gốc vũ trụ và các hiện tượng tự nhiên** (*Thần trụ trời, Ông Trời, Nữ thần Mặt Trăng, Thần Mặt trời, Thần Mưa...)*  **2. Nguồn gốc các loài động thực vật** (*Cuộc tu bổ các giống vật, Thần Lúa...)*  **3. Về nguồn gốc con người và nguồn gốc các dân tộc Việt Nam** (*Ông Trời, Thần Nông, Mười hai bà mụ, Nữ Oa-Tứ Tượng, Lạc Long Quân-Âu Cơ...)*  **4. Về các anh hùng, thời khuyết sử, các anh hùng văn hóa, tổ sư các nghề** (*Sơn Tinh-Thuỷ Tinh, Nữ thần nghề mộc, Thạch Sanh, Thánh Gióng...)*  **5. Thần thoại Việt bị truyền thuyết hóa** (*Truyền thuyết vua Hùng...)*  - Thần thoại đã tạo nên cho con người Việt Nam nếp cảm, nếp nghĩ, nếp tư duy đầy hình tượng phóng đại và khoáng đạt. |
| **II. Đọc hiểu chi tiết** | |
| - GV gọi một số HS đọc lại toàn bộ văn bản, từng HS đọc các phần được đánh số. GV có thể yêu cầu 1 HS tóm tắt lại nội dung câu chuyện dựa vào phần đọc trước ở nhà. | HS chú ý cách đọc rõ ràng, rành mạch. |
| ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời: *Nêu bố cục của truyện “Thần Trụ trời”.*  - GV yêu cầu HS trả lời Câu 1/ SGK: *Nêu các sự kiện chính của truyện. Sự kiện nào liên quan đến ý nghĩa nhan đề Thần Trụ trời?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Văn bản “Thần Trụ trời”**  **- Vị trí:** Thần Trụ trời thuộc nhóm thần thoại về nguồn gốc vũ trụ và các hiện tượng tự nhiên.  **2. Bố cục:** 3 phần  - Phần 1: Từ đầu đến *sang đỉnh núi kia:* Bối cảnh xuất hiện và những hình dung ban đầu về thần Trụ trời.  - Phần 2: Tiếp đến *mọi việc trên trời dưới đất:* Quá trình tạo lập trời đất.  - Phần 3: Còn lại: Bài vè dân gian kể về sự xuất hiện và công lao của các vị thần khác.  **3. Các sự kiện chính**  - Thần Trụ trời được mở ra khi chưa có thế gian, trời đất chỉ là một vùng hỗn độn.   - Thần Trụ trời đội trời lên và đắp một cái cột vừa to, vừa cao để chống trời.   * Thần Trụ trời phá cột chống trời đi, ném đất đá khắp nơi.   - Câu vè dân gian về sự xuất hiện và công lao của các vị thần như: đếm cát, tát biển, đào sông, trồng cây…  *Sự kiện liên quan đến ý nghĩa nhan đề là:* Thần Trụ trời đội trời lên và đắp một cái cột vừa to, vừa cao để chống trời. |
| ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-** GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Nêu bối cảnh Thần Trụ trời xuất hiện?*  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trả lời Câu 2/SGK: Phân tích trí tưởng tượng phong phú của nhân dân thể hiện qua một số chi tiết hoang đường, kì ảo trong văn bản này.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi trả lời Câu 3/SGK: *Truyện Thần Trụ Trời nhằm giải thích các hiện tượng gì? Cách giải thích ấy có điểm gì giống và khác các truyện đã học ở lớp 6 như Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm,...?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **3. Nội dung**  ***3.1. Hình tượng thần Trụ trời***  ***a. Bối cảnh***  - Bối cảnh Thần Trụ trời xuất hiện: chưa có vũ trụ, chưa có muôn vật và loài người, trái đất chỉ là một đám hỗn đôn tối tăm và lạnh lẽo.  ***=> Thời gian* cổ sơ, không xác định. *Không gian* vũ trụ hoang sơ**  ***b. Những hình dung về thần Trụ trời***  **- Ngoại hình:** vóc dáng khổng lồ, chân dài, có thể bước từ vùng này qua vùng khác.  - **Hành động:** Ngẩng đầu đội trời lên, đào đất, đập đá, đắp thành một cái cột vừa cao, vừa to để chống trời.  ***=>Vị thần Trụ trời có sức vóc mạnh mẽ, kì lạ.***  ***c. Quá trình tạo lập nên trời đất***  - Các chi tiết hoang đường, kì ảo:  ***Những hành động phi thường***  - Thần Trụ trời tự mình đào đất, đập đá, đắp thành một cái vừa cao, vừa to để chống trời.  - Cột được đắp cao lên bao nhiêu thì trời được nâng lên dần chừng ấy… từ đó đát trời phân ra làm hai *“Đất phẳng như cái mâm vuông, trời ở trên như cái bát úp”…*  + Đất phẳn như cái mâm vuông, trời ở trên như cái bát úp.  => Liên hệ tới truyền thuyết “Bánh chưng, bánh dày”.  + Khi trời cao và khô, thần Trụ trời phá cột chống trời đi và ném đất đá khắp nơi. Mỗi hòn đá văng ra thành một hòn núi hay một hòn đảo.  + Chỗ thần đào lên để lấy đất đá đắp cột là biển rộng.  => Thể hiện trí tưởng tượng phong phú của nhân dân (hình dung trời đất hỗn độn, tối tăm; đôi tay khổng lồ của thần Trụ trời đào đất, đắp cột chống trời…)  - Thần Trụ trời là người có năng lực phi thường, mạnh mẽ và đã có công tạo ra trời, đất. Hình tượng thần trụ trời có thể coi là hình tượng thần đầu tiên của tác phẩm văn học Việt Nam.  ***2.2. Ý nghĩa các nhân vật, các chi tiết hoang đường tưởng tượng trong văn bản***   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật**  **hoang đường** | **Chi tiết, hình ảnh hoang đường** | | Thần Trụ trời, thần tát biển, thần nghiền cát, nghiền sỏi… | - Đầu đội trời, tay đào đất, đá.  - Đất bằng phẳng như mâm vuông, trời trên cao như cái bát úp.  - Cột Chống trời, núi Khổng Lộ | | **Ý nghĩa**  - Làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn.  - Tô đậm công lao của thần Trụ trời. | |   ***2.3. Kết thúc truyện độc đáo***  - Thần thoại “*Thần Trụ trời”* được kết thúc bằng một bài vè:  - Đây là cách kết thúc truyện độc đáo.  - Tác giả dân gian liệt kê được tên các vị thần khác  - Khẳng định, tôn trọng, khắc ghi công lao của thần Trụ trời trong việc tạo ra trời đất. |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Trình bày đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Trao đổi, trả lời từng câu hỏi  + Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **1. Nội dung**  - Văn bản là sự lí giải còn thô sơ của con người thời cổ về quá trình hình thành nguồn gốc vũ trụ và các hiện tượng tự nhiên.  -Thể hiện niềm tôn kính đối với văn hoá tâm linh và niềm tin vào tín ngưỡng trời và đất.  **2. Nghệ thuật**  - Xây dựng hình tượng nhân vật độc đáo.  - Ngôn từ nghệ thuật gần gũi, dễ hiểu  - Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo, hoang đường  - Lối kể chuyện mạch lạc, tự nhiên. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể của từng hoạt động

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  Câu 4/SGK: *Vẽ hoặc miêu tả bằng lời về hình ảnh thần Trụ trời theo hình dung, tưởng tượng của em.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Câu 4.** HS tự do tưởng tượng, hình dung để vẽ hoặc miêu tả bằng lời về hình ảnh thần Trụ trời, cần đảm bảo lô gích với nội dung truyện. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

*b. Tổ chức thực hiện.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  Câu 5/SGK: *Trong phần kết, truyện nêu tên bảy ông thần gắn với việc giải thích nguồn gốc các sự vật, hiện tượng tự nhiên. Theo tưởng tượng của em còn có ông thần nào khác nữa? Tên ông thần ấy là gì?*  Câu hỏi thêm: *Em đã đọc truyện thần thoại nào của Việt Nam? Hãy nhớ lại để có thể kể trước lớp.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.** HS đọc và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời:** GV gọi HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Câu 5.** Đây là câu hỏi mở, HS trả lời theo suy nghĩ của cá nhân. Ví dụ: thần Mưa, thần Gió, thần Sét...  **Câu hỏi thêm:** Chẳng hạn:*Truyện nữ thần Lúa...* |

**Văn bản 2: RA-MA BUỘC TỘI**

(Trích *Ra-ma-ya-na* - sử thi Ấn Độ)

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của truyện thần thoại, sử thi; hiểu được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

**2. Về phẩm chất**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tivi, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Khởi động**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chiếu cho HS một số hình ảnh đến đất nước và văn hoá Ấn Độ và thể loại sử thi  HS xem hình ảnh và cho biết: *Các hình ảnh đó liên quan đến đất nước nào? thể loại văn học nào? Nêu hiểu biết của em về thể loại đó.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | * Các hình ảnh phản ánh những nét đặc trưng của đất nước Ấn Độ. * Thể loại sử thi với 1 số đặc trưng cơ bản. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng mới**

*a. Mục tiêu:* Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,…) của truyện thần thoại, sử thi; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hóa khác nhau.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV gọi HS chia sẻ những kiến thức đã tìm hiểu được về sử thi nói chung, sử thi *Ra-ma-ya-na* nói riêng.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - HS trình bày sản phẩm của cá nhân bằng lời nói hoặc kết hợp giữa lời nói với các phương tiện hỗ trợ (tranh/ảnh, thông tin trên web).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  *+ Tóm tắt truyện qua việc nối và sắp xếp thứ tự các khúc ca với nội dung tương ứng.*  *+ Nêu xuất xứ, bố cục, sự kiện, bố cục của đoạn trích “Rama buộc tội”.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Sử thi Ra-ma-ya-na**  - *Ra-ma-ya-na* là cuốn sử thi Ấn Độ được hình thành khoảng thế kỉ III TCN. Sau đó được Van-mi-ki hoàn thiện.  - Tác phẩm bao gồm 24.000 câu thơ đôi kể về những kì tích của hoàng tử Ra-ma:  + Khúc ca 1: Miêu tả thời niên thiếu của Ra-ma.  + Khúc ca 2: Nguyên nhân lưu đày của Ra-ma.  + Khúc ca 3: Nàng Xi-ta bị quỷ vương Ra-va-na bắt.  + Khúc ca 4: Ra-ma liên kết với vua khỉ Xu-gri-va.  Khúc ca 5: Cuộc do thám của tướng khỉ Ha-nu-man.  + Khúc ca 6: Cuộc giao chiến của Ra-ma và quỷ vương, sự ghen tuông của Ra-ma.  + Khúc ca 7: Kể về cuộc đoàn viên.  - Giá trị tác phẩm: Là kiệt tác đầu tiên của thi ca Ấn Độ, tồn tại vững bền và cứu vớt nhân dân Ấn khỏi tội lỗi.  **2. Đoạn trích “Rama buộc tội”**  **a. Xuất xứ đoạn trích:**  - Đoạn trích “Rama buộc tội” thuộc chương 79, khúc ca VI của sử thi *Ramayana,* sau khi Ra-ma cứu Xi-ta và tiêu diệt quỷ vương Ra-va-na.  **b. Bố cục: 2 phần:**  + “Từ đầu … được lâu” → Cơn giận dữ và diễn biến tâm trạng của Rama.  + Phần còn lại → diễn biến tâm trạng của Xita.  **c. Sự kiện và bối cảnh đoạn trích**  - Sự kiện: Sau khi chiến thắng quỷ vương Ra-va-na, cứu Xi-ta, nhưng vì danh dự và lòng ghen tuông, Ra-ma đã nghi ngờ sự trong sạch của Xi-ta và tuyên bố ruồng bỏ nàng. Xi-ta đã bảo vệ danh dự của mình bằng cách nhảy vào giàn hỏa thiêu.  - Bối cảnh**:** Cuộc tái hợp của hai vợ chồng không phải ở trong không gian riêng tư mà trong không gian cộng đồng với sự chứng kiến của rất nhiều người. |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| ***Tìm hiểu về hoàn cảnh tái hợp***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS xác định những nhân vật chứng kiến cảnh tái hợp của Ra-ma.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***Tìm hiểu nhân vật Ra-ma và Xi-ta***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 4 nhóm  **Nhóm 1, 2:** Tìm hiểu về nhân vật Ra-ma theo phiếu học tập số 1 (phụ lục)  **Nhóm 3, 4:** Tìm hiểu về nhân vật Xi-ta theo phiếu học tập số 2 (phụ lục).  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm trao đổi thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Đại diện nhóm trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung  **Bước 4. Nhận xét**  GV nhận xét và chốt ý. | **1. Hoàn cảnh tái hợp**  - Những người chứng kiến cảnh tái hợp của 2 vợ chồng Ra-ma :  + Lắc-ma-na (Lakshmana) : em trai Ra-ma  + Ha-nu-man (Hanuman) : tướng của loài khỉ Va-na-ra  + Vi-phi-sa-na (Vibhishana) : em trai quỷ vương Ra-va-na.  + Thần dân  => Cuộc tái hợp của Ra-ma không diễn ra ở không gian riêng tư mà diễn ra trong không gian cộng đồng.  **2. Nhân vật Ra-ma**  - Ra-ma đứng trong tư cách kép:  + Tư cách 1 người chồng  + Tư cách 1 đức vua  - Động cơ chiến đấu: Danh dự người anh hùng bị xúc phạm và tình chồng vợ, khao khát đoàn tụ gia đình.  - Lí do Ra-ma cứu Xi-ta:  + Chứng tỏ tài năng của Ra-ma  + Rửa nhục, bảo vệ uy tín, danh dự của bản thân và dòng họ cao quý nơi mình sinh ra.  - Lời nói và cách xưng hô của Ra-ma với Xi-ta:  + “Hỡi phu nhân cao quý”: sự trang trọng, xa lạ  + Ta – nàng : thân mật, gần gũi  => Thông qua lời nói và cách xưng hô của Ra-ma với Xi-ta chứng tỏ Ra-ma ý thức rất rõ mình là chồng đồng thời cũng là một vị vua.  - Hành động của Ra-ma:  + Oán trách, nghi ngờ, xúc phạm Xi-ta trong thời gian nàng sống trong nhà của quỷ vương Ra-va-ta (Nàng có thể để tâm đến Lắcmana, Bharata…Viphisana cũng được), thậm chí đuổi nàng đi.  + Phủ nhận tình cảm vợ chồng, ruồng rẫy Xi-ta quyết liệt mặc dù lòng đau như dao cắt và có phần ghen tuông.  **=> Ra-ma đã cố gắng kìm nén tình cảm riêng tư để đề cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng.**  **=> Tâm trạng Ra-ma là sự đan xen giữa tình yêu và lòng ghen tuông, giữa tình cảm đời thường và phong thái cao quý của bậc quân vương**. Do đó nó diễn ra phức tạp, nhiều cung bậc, nhiều sắc thái  => Ra-ma là anh hùng của cộng đồng, chấp nhận hy sinh hạnh phúc cá nhân để bảo vệ danh dự cho cộng đồng, danh dự của người anh hùng, đức vua mẫu mực. Đồng thời cũng có tình cảm sâu nặng dành cho người vợ của mình.  **3. Nhân vật Xi-ta**  - Diễn biến tâm trạng của Xi-ta:  + Từ mừng rỡ đến ngạc nhiên;  + Từ tin yêu đến thất vọng  + Đau khổ đến tuyệt vọng “đau đớn đến nghẹt thở, như một dây leo bị vòi voi quật nát”…  + Xấu hổ cho số kiếp của mình, muốn chôn vùi thân xác  + Trách móc Ra-ma vì đã coi nàng nhu một người phụ nữ thấp hèn  - Để chứng minh sự trong sạch cho bản thân, Xi-ta vừa dùng lập luận sắc sảo, phân trần chi tiết cụ thể vừa có hành động bước lên giàn lửa thiêu, nhờ thần lửa A-nhi chứng minh sự đức hạnh và trong sạch của mình.  **=> Xi-ta là con của nữ thần Đất cao quý, nàng là người phụ nữ có phẩm chất cao đẹp sẵn sàng lấy cái chết để chứng minh cho tình yêu và đức hạnh của người vợ thủy chung; nàng cũng là người dũng cảm bản lĩnh.** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS: *Trình bày đặc sắc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Trao đổi, trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **1. Nghệ thuật**   * **Kết cấu đoạn trích:** Kết cấu 2 phần chặt chẽ, rõ ràng, đầy kịch tính. * **Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc:** Chú trọng miêu tả tâm lý nhân vật, khắc họa diễn biến nội tâm. Cụ thể là những đau đớn, giằng xé trong tâm hồn Ra-ma và Xi-ta. (Khác với sử thi cổ đại: chú trọng miêu tả hành động nhân vật)   **- Ngôn ngữ:** Ngôn ngữ kể và tả thường trau chuốt, gắn với so sánh qua các hình ảnh lấy từ thiên nhiên.  - Sử dụng bút pháp lí tưởng hóa và yếu tố thần kì  **2. Nội dung**  - Đoạn trích cho thấy được quan niệm của người Ấn Độ cổ đại: mẫu người anh hùng cao quý (đức vua trọng danh dự) và mẫu người phụ nữ lí tưởng (đức hạnh, thủy chung)  - Ca ngợi vẻ đẹp của Ra-ma và Xi-ta tiêu biểu cho hình mẫu người anh hùng và mẫu người phụ nữ lí tưởng trong quan niệm của người Ấn Độ xưa. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể của từng hoạt động

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Ý nghĩa của hình ảnh giàn lửa-thần lửa A-nhi và hình ảnh cộng đồng trong đoạn trích?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Ý nghĩa của hình ảnh giàn lửa - Thần lửa A-nhi và hình ảnh cộng đồng:**  + Lửa: soi sáng, minh chứng rõ nhất cho sự trong sạch của con người-> Quan niệm vị thần che chở, bảo vệ, giúp đỡ con người…  + Cộng đồng: buộc 2 nhân vật xử lí theo quy ước cộng đồng, chứng kiến phẩm chất của người anh hùng Rama, sự chung thủy của Xita… |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a.. Mục tiêu:*Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

*b. Tổ chức thực hiện.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  *Xây dựng kịch bản và diễn lại đoạn trích “Ra-ma buộc tội”.*  *Tìm hiểu sự ảnh hưởng của sử thi Ra-ma-ya-na đối với văn hóa Việt Nam.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | Sản phẩm HS: Kịch bản, kịch, bảng khảo sát, bảng so sánh. |

**PHỤ LỤC**

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên:………………………………………………….. Lớp:…………**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **VĂN BẢN: RA-MA BUỘC TỘI**  **< *Tìm hiểu nhân vật Ra-ma* >** | | | ***Yêu cầu: Đọc văn bản Ra-ma buộc tội và trả lời các câu hỏi:*** | |   **Câu 1.** Xác định tư cách của Ra-ma trong sự kiện và bối cảnh ở trên.  **.....................................................................................................................................................**  **.....................................................................................................................................................**  **Câu 2.** Lời nói và tình cảm của Ra-ma có gì mâu thuẫn?  **.....................................................................................................................................................**  **.....................................................................................................................................................**  **Câu 3.** Cảm nhận về nhân vật Ra-ma trong đoạn trích.  **.....................................................................................................................................................** |

**Phiếu học tập số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên:………………………………………………….. Lớp:…………**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **VĂN BẢN: RA-MA BUỘC TỘI**  **< *Tìm hiểu nhân vật Xi-ta* >**   |  | | --- | | ***Yêu cầu: Đọc văn bản Ra-ma buộc tội và trả lời các câu hỏi:*** | |   **Câu 1.** Khái quát diễn biến tâm trạng của Xi-ta trong đoạn trích.  **...........................................................................................................................................**  **...........................................................................................................................................**  **Câu 2.** Xi-ta đã thể hiện thái độ và hành động nào trước những nghi ngờ của Ra-ma.  **...........................................................................................................................................**  **...........................................................................................................................................**  **Câu 3.** Cảm nhận về nhân vật Xi-ta trong đoạn trích.  **...........................................................................................................................................** |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Sửa lỗi dùng từ)**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Nhận biết và sửa được lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; có thói quen cân nhắc trong việc sử dụng từ ngữ để diễn đạt chính xác, đạt hiệu quả giao tiếp.

**2. Về phẩm chất:**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tivi, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu một số câu có lỗi dùng từ:   a. Tiếng Việt có khả năng diễn tả ***linh động*** mọi trạng thái tình cảm của con người.  b. Có một số bạn còn ***bàng quang*** với lớp.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **GV nêu vấn đề học tập**: ý nghĩa của việc sửa lỗi dùng từ | - Linh động => linh hoạt  - Bàng quang => bàng quan |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Nhận diện được lỗi và sửa được lỗi dùng từ về hình thức ngữ âm, chính tả và ngữ nghĩa; phân tích được tầm tác động của các phương tiện, biện pháp tu từ trong văn bản.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Kiến thức lí thuyết** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS nêu các yêu cầu khi sử dụng tiếng Việt.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV chốt lại các lỗi dùng từ hay gặp, cách khắc phục. | **1. Các yêu cầu khi sử dụng tiếng Việt**  **-** Có 2 yêu cầu:  + Sử dụng từ đúng với chuẩn mực tiếng Việt, giúp người nghe, người đọc hiểu đúng những gì ta nói.  + Sử dụng 1 cách sáng tạo để tạo ra cách diễn đạt hay, câu văn có tính nghệ thuật giúp tang tính truyền cảm thuyết phục người đọc và người nghe.  **2. Lỗi dùng từ hay gặp và cách khắc phục**  ***a. Lỗi dùng từ hay gặp***  - Dùng từ không đúng với hình thức, ngữ âm và chính tả.  - Dùng từ không đúng nghĩa  ***b. Cách khắc phục***  - Cần phát âm theo âm thanh chuẩn của tiếng Việt  - Cần viết đúng theo quy tắc thực hành  - Dùng từ chính xác với nghĩa. Mỗi khi dùng một từ mà chưa hiểu rõ nghĩa cần tra từ điển, đọc kĩ nghĩa và vận dụng nghĩa chính xác. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng lý thuyết qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể của từng hoạt động

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **II. Thực hành** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện:  + Nhóm 1: Bài tập 1  + Nhóm 2: Bài tập 2  + Nhóm 3: Bài tập 3  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | ***Bài tập 1***  a. xử dụng/ sử dụng.  => sử dụng  b. xán lạn/ sáng lạng  => xán lạn  c. buôn ba/ bôn ba  => bôn ba  d. oan khốc/ oan khóc.  => oan khốc  ***Bài tập 2***  - Các câu trên mắc lỗi dùng từ không đúng ngữ nghĩa và ngữ cảnh của câu. Để đạt được hiệu quả trong mục đích hướng tới thì từ trong các câu phải chuẩn nghĩa và phù hợp với mục đích nói; mục đích viết.  - Căn cứ vào nghĩa cần hướng tới có thể sửa lại như sau:  a) Người viết đã nhầm lẫn các từ gần âm nhưng khác nghĩa nhau nên dùng sai từ ***quyết đoán***trong câu. Từ đúng là : ***quyết liệt***  => *Hê-ra-clet và Ăng-tê đã giao đấu với nhau vô cùng* ***quyết liệt.***  b) Người viết đã nhầm lẫn các từ gần âm nhưng khác nghĩa nhau nên dùng sai từ ***danh giá*** trong câu. Từ đúng là: ***danh tiếng***  => *Sau những chiến công lừng lẫy, khắp nơi đều nghe* ***danh tiếng*** *của Đăm Săn*.  c) Người viết đã nhầm lẫn các từ gần âm nhưng khác nghĩa nhau nên dùng sai từ ***mĩ miều*** trong câu. Từ đúng là: ***mĩ mãn***  => *Dù phải “luyện đá vá trời” hết sức vất vả nhưng Nữ Oa đã thực hiện một cách công phu, hoàn thành* ***mĩ mãn****.*  d) Người viết đã nhầm lẫn các từ gần âm nhưng khác nghĩa nhau nên dùng sai từ ***ngộ sát*** trong câu. Từ đúng là: ***ngộ độc***  => *Thực phẩm nhiễm khuẩn đã làm nhiều người bị* ***ngộ độc****, may mà cứu chữa được kịp thời.*  ***Bài tập 3***  a) *Lượng mưa năm nay kéo dài đã gây nhiều thiệt hại cho mùa màng.*  => Từ dùng sai: ***“Lượng mưa”*** chỉ mức độ nhiều ít... Không thể kết hợp với “kéo dài” trong nội dung biểu đạt của câu.  - Sửa lại: ***Mùa mưa*** *năm nay kéo dài đã gây nhiều thiệt hại cho mùa màng.*  b) *Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt, được khoa Dược tích cực pha chế, điều trị bằng những thứ thuốc tra mắt đặc biệt.*  => Lỗi diễn đạt, kết hợp từ: ***Bệnh nhân*** *(người)*thì không thể ***pha chế*** được, chỉ thuốc thì mới pha chế.  - Sửa lại: *Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt, được khoa Dược tích cực điều trị bằng những thứ thuốc tra mắt pha chế đặc biệt (đặc biệt do khoa pha chế)*.  c) *Những chứng minh về một nền văn hóa cổ ở vùng này còn rất nhiều.*  => Từ dùng sai: “chứng minh”. *Chứng minh* là một động từ, không thể kết hợp với *“những”* được.  - Sửa lại: *Những* ***minh chứng*** *về một nền văn hóa cổ ở vùng này còn rất nhiều.*  d) *Trước lối chơi lực lượng của hàng phòng thủ đối phương, đội bóng chúng tôi không thể ghi bàn được.*  => Lỗi kết hợp, từ dùng sai: ***lực lượng*** (Không thể nói *“Trước lối chơi lực lượng”* vì *lực lượng* là một danh từ, không thể kết hợp trực tiếp với “*lối chơi*” cũng là một danh từ.  - Sửa lại: *Trước lối chơi* ***phòng ngự*** *của hàng phòng thủ đối phương, đội bóng chúng tôi không thể ghi bàn được.* |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS rèn luyện kĩ năng sử dụng biện pháp tu từ khi viết bài.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời Câu 4/SGK: *Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) phân tích một đặc điểm của nhân vật thần thoại mà em yêu thích, trong đoạn văn có sử dụng một trong các biện pháp tu từ ở THCS.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | - Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu sau:  + Dung lượng đoạn văn từ 8 – 10 dòng.  + Nội dung đoạn văn: phân tích một đặc điểm của nhân vật thần thoại mà mình yêu thích trong các văn bản đọc hiểu.  + Đoạn văn có sử dụng một trong các biện pháp tu từ đã học ở THCS như: biện pháp so sánh tu từ, ẩn dụ tu từ... |

**DẠY HỌC VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Viết được văn bản nghị luận xã hội về một hiện tượng trong cuộc sống hoặc một vấn đề đặt ra từ tác phẩm văn học.

**2. Về phẩm chất**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

-Tivi, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đưa câu hỏi: *Trong cuộc sống, do nhu cầu của bản thân, chúng ta cần phải bàn luận về một vấn đề xã hội để thuyết phục người đọc, người nghe.*  *Nếu trong tình huống đó, em sẽ xử lý như thế nào?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | HS trình bày theo ý kiến cá nhân. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Xác định các luận điểm, luận cứ và dẫn chứng trong một bài văn nghị luận và viết bài văn nghị luận thuyết phục và hấp dẫn.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Phân tích mẫu** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu HS đọc thật kĩ các bước, thao tác được diễn giải trong SGK.  - HS thực hành viết.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Vấn đề chính được văn bản bàn luận**  - Đoạn trích nêu lên vấn đề: Hiện tượng đổ lỗi cho người khác, không dám chịu trách nhiệm về hành động của mình.  **2. Hệ thống luận điểm**  - Nguyên nhân con người sống thiếu trách nhiệm và đổ lỗi cho người khác.  - Làm thế nào để thay đổi cách hành xử, thôi đổ lỗi cho nguồi khác.  - Cách triển khai luận điểm, tác giả chỉ ra nguyên nhân và những điều mỗi chúng ta dễ dàng gặp phải, sau đó đưa ra giải pháp để thay đổi.  **3. Các thao tác nghị luận được thể hiện trong văn bản**  - **Giải thích** và **Chứng minh** “Tôi phải mất rất nhiều thời gian …. Đó là sự dối trá, thiếu tự trọng…”.  - **Bác bỏ** “Chúng ta sống trong nền văn hóa … không có sự thay đổi”  - **Phân tích** “Đó là lí do … tình huống sắp tới” |
| **II. Các thao tác và kĩ năng khi viết bài** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em hãy nêu các bước khi viết một bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Bước 1.** **Tìm hiểu đề** (Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề, xác định thao tác, phạm vi dẫn chứng); xem lại các tác phẩm liên quan đến nội dung bài viết  **Bước 2.** Xác định các luận điểm, luận cứ trong bài viết, lựa chọn các dẫn chứng tiêu biểu cho mỗi luận cứ  **Bước 3.** Triển khai bài viết đảm bảo sáng rõ các luận điểm và các ý, cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các dẫn chứng thuyết phục, tin cậy, thích hợp, đầy đủ  **Bước 4.** Liên hệ mở rộng, so sánh với thực tiễn đời sống và bài học cho bản thân |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ để viết bài văn nghị luận xã hội

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**   * GV giao nhiệm vụ: HS chọn một trong hai đề sau:   *Đề 1. Suy nghĩ về những tấm gương vượt lên số phận của chính mình.*  *Đề 2. Từ các đoạn trích được học “Hê-ra-clét đi tìm táo vàng” và “Chiến thắng Mtao Mxây”, viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh ý chí của con người trong cuộc sống.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành viết theo các bước:   1. Chuẩn bị 2. Tìm ý và lập dàn ý   Lập dàn ý   1. Viết bài   *Chú ý:* Bài viết đầy đủ 3 phần; các luận điểm cụ thể; các ví dụ phải đúng, tiêu biểu; lập luận chặt chẽ, thể hiện được thái độ, tình cảm người viết.   1. Kiểm tra và chỉnh sửa   **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | Đọc kĩ yêu cầu đề, xác định:   * Về nội dung * Về thao tác nghị luận * Về phạm vi dẫn chứng   HS tìm ý và lập dàn ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  *Thế nào là vượt lên số phận của chính mình?*  *Để vượt lên số phận cần ý chí, nghị lực gì?*  *Tại sao ý chí, nghị lực lại giúp con người vượt lên số phận?*  *Những tấm gương vượt lên số phận được thể hiện cụ thể thế nào?*  HS lập dàn ý theo 3 bước: MB, TB, KB.  Dựa vào dàn ý đã lập để viết bài văn.  Đối chiếu với mục 1. Định hướng và bảng kiểm đánh giá (phụ lục) |
| **Đề 1. *Suy nghĩ về những tấm gương vượt qua số phận của chính mình***  ***Dàn ý:***  **I. Mở bài:**  - Giới thiệu khái quát những tấm gương tiêu biểu trên một số lĩnh vực.  - Họ đều giống nhau ở điểm: vượt lên số phận để sống, học tập, cống hiến cho xã hội.  **II. Thân bài:**  **a. Ca ngợi một số tấm gương không chịu thua số phận**  - Chọn những tấm gương tiêu biểu được đài báo nói đến:  + Nhà giáo Nguyễn Ngọc Ký  + Nhà thơ Đỗ Trọng Khôi  + Vận động viên Paragames  + Kỹ sư máy tính ……  Cần kể ngắn gọn, giới thiệu được ý thức vươn lên chiến thắng số phận của họ.  **b. Suy nghĩ về những con người ấy**  + Họ đáng cảm phục  + Chiến thắng số phận bằng ý chí nghị lực  + Họ cho ta hiểu sức mạnh của ý chí nghị lực  + Họ đã “tàn” nhưng không “phế”, còn mang đến cho xã hội những thành quả vô giá  - Vì sao họ có thể “không chịu thua số phận”?  + Ý thức về bản thân và cuộc đời  + Ước muốn có cuộc sống tốt đẹp, có ích.  + Họ có ý thức, kiên trì vượt khó  - Sự giúp đỡ của mọi người  **c. Trách nhiệm của mỗi chúng ta và xã hội với họ như thế nào?**  - Cảm thông, tôn trọng họ  - Giúp đỡ họ nếu có điều kiện và khi họ cần  - Tạo điều kiện để những người như họ được phát huy khả năng  **III. Kết luận:**  - Quyết tâm học tập những tấm gương đó | |
| **Đề 2*. Viết bài văn nghị luận bàn về sức mạnh của ý chí con người trong cuộc sống.***  **Dàn ý**  **I. Mở bài:** Dẫn dắt, nêu vấn đề cần nghị luận: ý chí nghị lực sống của con người.  **II. Thân bài**  *\* Luận điểm 1: Giải thích khái niệm ý chí nghị lực*  - Ý chí, nghị lực là bản lĩnh, sự dũng cảm và lòng quyết tâm cố gắng vượt qua thử thách dù khó khăn, gian khổ đến đâu để đạt được mục tiêu đề ra.  - Người có ý chí nghị lực là người có ý chí sức sống mạnh mẽ, luôn kiên trì, nhẫn nại vượt qua những khó khăn, chông gai trong cuộc đời để vươn lên, khắc phục hoàn cảnh đi đến thành công.  *\* Luận điểm 2: Nguồn gốc, biểu hiện của ý chí nghị lực*  - Nguồn gốc: Nghị lực của con người không phải trời sinh ra mà có, nó xuất phát và được rèn luyện từ gian khổ của cuộc sống.  - Biểu hiện của ý chí nghị lực:  + Người có nghị lực luôn có thể chuyển rủi thành may, chuyển họa thành phúc, không khuất phục số phận và đổ lỗi thất bại do số phận. Ví dụ: Milton, Beethoven…  + Luôn biết khắc phục hoàn cảnh khó khăn bằng cách tự lao động, mưu sinh, vừa học vừa làm, tự mở cho mình con đường đến tương lai tốt đẹp.  + Những người bị bệnh tật hiểm nghèo hoặc bị khiếm khuyết trên thân thể: cố gắng tự chăm sóc cho bản thân, cố gắng tập luyện, làm những việc có ích.  *\* Luận điểm 3: Vai trò, ý nghĩa của ý chí nghị lực*  - Nghị lực giúp con người đối chọi với khó khăn, vượt qua thử thách của cuộc sống một cách dễ dàng hơn. Ví dụ: Bill Gate…  - Có niềm tin vào bản thân, tinh thần lạc quan để theo đuổi đến cùng mục đích, lí tưởng sống.  - Thay đổi được hoàn cảnh số phận, cuộc sống có ích, có ý nghĩa hơn.  - Trở thành những tấm gương về ý chí, nghị lực vượt lên số phận.  - Người có ý chí nghị lực sẽ luôn được mọi người ngưỡng mộ, cảm phục; đồng thời tạo được lòng tin ở người khác.  *\* Bình luận, mở rộng*  - Phê phán những người không có ý chí, nghị lực:  + Chưa làm nhưng thấy khó khăn đã nản chí, buông xuôi, phó mặc cho số phận; thấy thất bại thì hủy hoại và sống bất cần đời.  + Người có điều kiện đầy đủ nhưng không chịu học tập, buông thả, không nghĩ đến tương lai.  => Lối sống cần lên án gay gắt.  - Phương hướng rèn luyện:  + Rèn luyện ý chí, nghị lực, luôn biết vươn lên, vượt qua khó khăn trong cuộc sống.  + Biết chấp nhận những khó khăn, thử thách, coi khó khăn, thử thách là môi trường để tôi luyện.  *\* Bài học nhận thức và hành động:*  - Cuộc sống nhiều gian nan, thử thách thì nghị lực sống là rất quan trọng.  - Học cách rèn luyện mình để có thể vững vàng và trưởng thành hơn sau mỗi lần vấp ngã.  - Rèn luyện bản thân thành người có ý chí và nghị lực để vượt qua mọi chông gai và thử thách trên chặng đường dài.  - Phê phán những người sống không có ý chí nghị lực, không có niềm tin về cuộc sống.  - Học tập những tấm gương sáng để đi tới thành công.  **III. Kết bài**  - Khẳng định lại vai trò quan trọng của ý chí nghị lực trong cuộc sống.  - Liên hệ bản thân. | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao nhiệm vụ: *Suy nghĩ của em về hiện tượng thần tượng của giới trẻ hiện nay.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, tranh biện và chia sẻ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** HStrình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định** | HS tiến hành theo các bước phần luyện tập:   * Chuẩn bị * Tìm ý và lập dàn ý * Viết bài * Kiểm tra và chỉnh sửa. |

PHỤ LỤC

***Bảng kiểm đánh giá bài viết***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên:………………………………………………………… Lớp:…………..  **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT THEO TIÊU CHÍ:**  **VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**  **Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những tiêu chí và mức độ chỉnh sửa ở các cột**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** | | **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  - Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  - Sai lỗi chính tả  - Sai kết cấu bài  - Sai phương thức thuyết minh | **2 điểm**  - Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  - Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh  - Chuẩn phương thức biểu đạt  - Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  - Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  - Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu bài văn thuyết minh  - Chuẩn phương thức biểu đạt  - Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo | | **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  - Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  - Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  - Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  - Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.  - Có sự sáng tạo | | **Điểm** | **4- 5 điểm** | **2 - 8 điểm** | **9- 10 điểm** | | **TỔNG** |  | | | |

**DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE**

**THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**2. Về phẩm chất**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tivi, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS theo dõi video dưới đây:  <https://www.youtube.com/watch?v=jxTaydBnwIg>  GV nêu các câu hỏi:  + Đối tượng thuyết trình là ai?  + Thuyết trình về vấn đề gì?  + Dùng phương tiện và công cụ gì khi thuyết trình?  + Bài thuyết trình có thu hút không?  + Qua việc nghe video đó em ghi chép được gì không?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  *Dẫn dắt:* Biết trình bày trước người nghe những nhận xét, đánh giá của bản thân về một vấn đề xã hội cho thấy năng lực của người nói, cũng là điều kiện để tham gia vào các sinh hoạt văn hóa xã hội của chúng ta. Bài học này giúp các em có hiểu biết và cách thức giới thiệu, đánh giá, bàn luận về một vấn đề xã hội thông qua các hoạt động nói và nghe. | Câu trả lời phù hợp của HS. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS định hướng và xác đinh các kĩ năng nói và nghe: thuyết trình về một vấn đề xã hội

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Định hướng** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV gọi 1 HS đọc toàn bộ nội dung mục *1. Định hướng*.  - GV nêu lại lần lượt các câu hỏi đã gợi ý cho phần chuẩn bị trước giờ học và gọi HS trình bày, bổ sung.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | Để thuyết trình, thảo luận một vấn đề xã hội cần:  - Lựa chọn vấn đề thuyết trình (đã gợi ý trong phần viết)  - Tìm hiểu kỹ nội dung thuyết trình  - Xác định rõ đối tượng nghe để thuyết trình phù hợp  - Xác định thời gian trình bày bài thuyết trình  - Chuẩn bị dàn ý, các tư liệu, thiết bị hỗ trợ  - Người nghe chuẩn bị câu hỏi để thảo luận. |
| **II. Thực hành** | |
| **TRƯỚC KHI NÓI**  **a. Mục tiêu:** HS nắm được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nêu yêu cầu thực hành (bài tập trong SGK) theo nhóm 4-6 người, hoặc theo tổ  - GV yêu cầu HS đọc thầm phần hướng dẫn quy trình nói.  - GV yêu cầu HS thực hành theo quy trình 4 bước trong SGK.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình vấn đề 02.  GV yêu cầu HS thực hiện theo mục a) *Chuẩn bị* và gọi một số HS trình bày.  (Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung Viết đã học tiết trước).  - HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình về một vân đề xã hội  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Bước 1. Chuẩn bị**  **-** Vấn đề thuyết trình: *suy nghĩ về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác*.  - Mục đích: Bàn luận, bày tỏ ý kiến về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.  - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp.  - Không gian: lớp học  - Thời gian: khoảng 3- 5 phút  - Hình thức thuyết trình:lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  - Xác định: giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt…cho phù hợp với nội dung thuyết trình.  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý**  \* **Tìm ý** bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Thế nào là nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác? Hai hành vi này có quan hệ như thế nào với nhau?  - Hành vi nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác là tích cực hay tiêu cực?  - Nguyên nhân, mục đích của việc nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác?  - Hệ quả của việc nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác?  - Có thể rút ra bài học gì từ hành vi nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác?  \* **Lập dàn ý** cho bài thuyết trình về một vấn đề đã xác định:  - **Mở đầu**: Giới thiệu vấn đề thuyết trình: vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.  - **Nội dung chính:** Thuyết trình tuần tự nội dung một cách hợp lí:  + Giải thích khái niệm nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác:  + Nguyên nhân, mục đích của hành vi:  + Hệ quả của hành vi nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác: Đây là 2 cách ứng xử đối lập nhau khi cùng đối mặt với lỗi lầm, sự yếu kém của bản thân. Mỗi cách ứng xử sẽ khiến người khác có cách đánh giá về phẩm chất, tính cách của bạn.  - **Kết thúc:** Nêu vấn đề em quan tâm, cần thảo luận và bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe. |
| **TRONG KHI NÓI**  **a. Mục tiêu:** HS tự tin trình bày sản phẩm thuyết trình trước tập thể lớp.  **b. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS nói và nghe theo nhóm như hướng dẫn ở mục *c) Nói và nghe*, sau đó HS trình bày sản phẩm.  - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần thuyết trình của các HS trong lớp và ý kiến nhận xét của các bạn khác.  **Chú ý trình tự thuyết trình**  + Mở đầu  + Nội dung chính  + Kết thúc  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Thuyết trình vấn đề : Suy nghĩ về vấn đề nhận lỗi và đổ lỗi cho người khác.**  ***Yêu cầu chung:***  **- Người nói:**  + Chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc.  + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,…); đảm bảo thời gian quy định.  + Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,…  + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có)  + Thái độ tự tin, thoải mái  + Chú ý về thời gian  **- Người nghe:**  + Lắng nghe tích cực  + Ghi chép nội dung chưa rõ, chi tiết thú vị, đặc sắc, câu hỏi muốn đặt ra  + Thể hiện sắc thái biểu cảm, các phương tiện hỗ trợ: sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  + Có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình.  + Chú ý thời gian thuyết trình |
| **TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN SAU KHI THUYẾT TRÌNH**  **a. Mục tiêu:**  HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho **b. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói của bạn  - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe chung và của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **A screenshot of a computer  Description automatically generated**  **A screenshot of a computer  Description automatically generated** |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

***b. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS về nhà thực hiện bài trình bày báo cáo nghiên cứu về vấn đề: ***Suy nghĩ của em về việc nhận lỗi và đổ lỗi ccho người khác.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm bài tập tại nhà  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả trong buổi tiết tăng cường, ôn tập. HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ. | Sản phẩm phù hợp của HS |

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NỮ OA (Thần thoại Trung Quốc)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung (đề tài, chủ đề, thông điệp,…) và hình thức (không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...) của truyện thần thoại, sử thi; hiểu được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

**2. Về phẩm chất**

- Cảm phục và trân trọng những người anh hùng, những giá trị nhân văn cao đẹp.

- Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá Việt Nam và các nước trên thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS xem video (Thần thoại Nữ Oa vá trời)  <https://www.youtube.com/watch?v=fTcd5BwvYEs>   * GV nêu yêu cầu: Các em theo dõi và ghi lại những chi tiết kì ảo trong truyện trên.   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời:** GV gọi HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **Gợi ý đáp án**  Chốn bồng lai tiên cảnh  Đắp đất nặn người  Luyện đá vá trời |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* HS nêu được sự kiện chính, thời gian, không gian và bối cảnh của câu chuyện và phân tích được đặc điểm của nhân vật thần thoại qua việc phân tích hình tượng nhân vật Nữ Oa.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **1. Xác định sự kiện, thời gian, không gian, bối cảnh của truyện** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên tổ chức cuộc thi “Ai nhanh ai đúng” với 5 câu hỏi trắc nghiệm trong SGK. HS trả lời bằng cách giơ tay. Mỗi câu hỏi có thời gian suy nghĩ là 10s. Ai nhanh hơn sẽ được quyền trả lời.  **Câu 1.** Phương án nào sau đây nêu đúng và đủ các sự kiện chính trong đoạn trích Nữ Oa?  A. Nữ Oa tạo ra loài người, Nữ Oa luyện đá vá trời  B. Nữ Oa bênh vực con người, Nữ Oa trừng phạt thần Lửa và thần Nước  C. Nữ Oa yêu thương con người, Nữ Oa tạo ra loài người  D. Nữ Oa luyện đá vá trời, Nữ Oa giúp đỡ loài người.  **Câu 2.** Theo đoạn trích, nhân vật Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?  A. Trời đất mới sinh, đã có loài người nhưng chưa có cỏ cây, muông thú  B. Trời đất mới sinh, đã có cỏ cây, muông thú mà chưa có loài người  C. Trời đất mới sinh, chỉ có Nữ Oa cùng một số vị thần như thần Lửa, thần Nước  D. Trời đất mới sinh, có cỏ cây, muông thú và các vị thần Lần, thần Nước  **Câu 3.** Đoạn trích Nữ Oa thể hiện nội dung nào dưới đây?  A. Khát vọng giải thích tự nhiên, biết ơn người có công với cộng đồng  B. Khát vọng giải thích lịch sử, tôn vinh người anh hùng  C. Khát vọng giải thích vũ trụ, thương xót con người bé nhỏ  D. Khát vọng chinh phục vũ trụ, biết ơn thần linh và con người  **Câu 4.** Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?  A. Vẻ đẹp sức mạnh và cảm xúc  B. Vẻ đẹp thể chất và ước mơ  C. Vẻ đẹp trí tuệ và tình cảm  D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ  **Câu 5.** Dòng nào dưới đây không đúng với truyện Nữ Oa?  A. Mang yếu tố hoang đường, kì ảo  B. Kết thúc truyện có hậu  C. Nhân vật có khả năng phi thường  D. Truyện được kể theo lời nhân vật  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | Đáp án:  Câu 1. A  Câu 2. D  Câu 3. A  Câu 4. D  Câu 5. D |
| **2. Hình tượng nhân vật Nữ Oa** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  Hs lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  1. Đặc điểm của nhân vật thần thoại thể hiện qua hình tượng nhân vật Nữ Oa như thế nào?  2. Truyện *Nữ Oa* mang đậm yếu tố kì ảo hoang đường, nhưng cũng gửi gắm thông điệp có ý nghĩa với con người ngày hôm nay. Theo em, thông điệp đó là gì?  3. Về phương diện thể loại, văn bản *Nữ Oa* giống với văn bản nào trong Bài 1? Hãy chỉ ra điểm giống nhau đó?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **a. Nữ Oa là người có công tạo ra loài người**  - Nữ Oa nghĩ cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm phần vui tươi, giàu sức sống.  Sau đó, bà lấy đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dạng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn đáng yêu được gọi là “người”  - Nữ Oa làm việc liên tục không ngừng nghỉ mà đất vẫn trống trải, bà bèn nghĩ ra một cách, lấy một sợi dây, những vào trong nước bùn, vung lên khắp nơi. Khi bà vung sợi dây bùn thì giọt  bùn màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người cười nói, chạy nhảy  **b. Nữ Oa là người có công giúp đỡ và phát triển cuộc sống của con người**  - Loài người đang sống vui vẻ thì gặp họa lớn do Thần Lửa và Thần nước đánh nhau khiến con người có nguy cơ diệt vong  - Nữ Oa thấy vậy liền tìm cách tu sửa bầu trời, chọn lấy đá ngũ sắc, dùng lửa để luyện thành chất sánh như keo bít vào lỗ thủng trên bầu trời  - Bà còn bắt một con rùa đen to lớn, chặt bốn chân đem chống ở bốn góc trời, tai họa không còn nữa  - Nữ Oa giúp con người diệt một con rồng đen hung ác, đánh đuổi nhiều loài ác điểu, mãnh thú. Dạy người dân dùng cỏ lác đốt cháy thành than, đắp thành gò để tránh nạn lũ lụt.  **c. Nhận xét hình tượng nhân vật Nữ Oa**  - Người khai sinh ra loài người trong trí tưởng tượng của người dân, có năng lực tạo người từ nặn đất  - Nhân vật thần linh có sức mạnh phi thường, cao cả. Có khả năng giúp đỡ nhân loại, cứu giúp loài người, ngăn chặn sức mạnh phá hủy của thần Lửa, thần Nước. Diệt trừ yêu ma, quỷ quái gây hại cho nhân dân và dạy nhân dân tạo ra lửa, phòng lũ lụt. Hội tụ sức manh, trí tuệ, cảm xúc và ước mơ của con người cổ đại  - Nhân vật thần thoại: Có khả năng phi  thường, có tính sáng tạo cao và có năng lực dẫn dắt, bảo vệ cộng đồng  **4. Thông điệp từ các chi tiết hoang đường, kì ảo**  + Các vị thần linh đã có công tạo ra vũ trụ, con người, giúp con người vượt qua mọi thiên tai bằng tất cả tình yêu thương và tâm trí của mình. Chính vì vậy mọi người hãy biết ơn, bảo vệ, giữ gìn nó để xứng đáng với công lao của  các vị thần linh.  + Bảo vệ môi trường sống, bảo vệ thiên nhiên, cuộc sống gắn liền với sự sinh tồn của con người.  **5. Về phương diện thể loại đoạn trích *Nữ Oa* giống đoạn trích *Hê – ra – clet đi tìm táo vàng***  Đều có những nhân vật, chi tiết hoang đường nhằm làm cho câu chuyện thêm li kì, hấp dẫn; góp phần tô đậm thêm chiến công, công lao của nhân vật. Họ đều là nhân vật có trí tuệ thông minh, năng lực phi thường. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu qua hoạt động thực hành, luyện tập, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể của từng hoạt động

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giao nhiệm vụ: *Hãy viết một đoạn văn (8-10 dòng) phân tích một chi tiết mà em thấy ấn tượng trong truyện Nữ Oa.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | *Gợi ý:*  Nhìn những sinh linh do mình tạo ra đang hoảng loạn vì tai họa, vị nữ thần đầu người mình rắn vô cùng thương xót”. Có thể thấy Nữ Oa là một người có trái tim nhân hậu, trước tai họa do thần Lửa và thần Nước gây ra, bà không chọn cách trừng phạt những kẻ đã gây ra tai họa ấy, mà vội vã tìm đủ mọi cách để tu sửa lại bầu trời giúp dân vượt qua tai họa ấy. Trong khi việc luyện đá trời tốn rất nhiều công sức, công phu nhưng vì những sinh linh ấy bà đã dồn hết tất cả sức mạnh, trí tuệ, tình yêu để khắc phục những hậu quả của cuộc đấu tranh giữa hai vị thần, đem lại cuộc sống bình yên cho con người. Không những thế bà còn giúp con người diệt từ con rồng đen hung ác để tránh để lại hậu họa về sau, bà còn dạy dân cách để tránh được nạn lũ lụt. Những công lao của bà cho đến ngày nay vẫn còn được lưu truyền cho các thế hệ sau. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:*Giúp HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực tiễn; nâng cao kĩ năng tạo lập văn bản nói, góp phần hướng tới đạt được các mục tiêu cụ thể trong việc vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

*b. Tổ chức thực hiện.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Viết 1 đoạn văn phân tích một đặc điểm của nhân vật thần thoại mà mình yêu thích, trong đó có sử dụng một trong các biện pháp tu từ đã học ở THCS.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | HS viết được đoạn văn phân tích một đặc điểm của nhân vật thần thoại mà mình yêu thích, trong đó có sử dụng một trong các biện pháp tu từ đã học ở THCS. |

**D. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM**:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Kí duyệt của TTCM

***Nguyễn Thị Thanh Hương***

|  |  |
| --- | --- |
| Trường THPT Vũ Văn Hiếu | Họ và tên giáo viên: |
| Tổ: Khoa học xã hội | **Phạm Thị Ngọc Mai** |

### BÀI 2: THƠ ĐƯỜNG LUẬT

*Thời gian thực hiện: 11 tiết*

*Ngày soạn: …….*

**A. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,…

- Phân tích được sự khác nhau về nghĩa của một số cách sắp xếp trật tự từ trong câu; từ đó, nhận diện và sửa được các lỗi về trật tự từ trong bài viết.

- Biết viết văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề từ các nội dung đã học hoặc từ cuộc sống.

- Biết trình bày một báo cáo kết quả nghiên cứu.

**2. Về phẩm chất:** Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; yêu thích việc nghiên cứu.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**: Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, thiết kế bài giảng powerpoint, phiếu học tập,…

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 10 tập 1, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,…

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**DẠY HỌC ĐỌC HIỂU**

**VĂN BẢN 1: CẢM XÚC MÙA THU**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,…

**2. Về phẩm chất**

Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; yêu thích việc nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức thi giữa các nhóm  Nội dung: Trong 5 phút, kể tên nhiều nhất những tác phẩm thơ Đường luật mà em đã học. Nhóm nào liệt kê nhiều và đúng nhất sẽ chiến thắng.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc nhóm theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV yêu cầu HS trình bày, nhận xét sản phẩm của HS.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, dẫn dắt: *Tìm hiểu thơ Đường luật là tìm hiểu về văn hóa văn học xuất sắc một thời. Chúng ta biết đến Tản văn đời Tiên Tần, Từ thời Tống, Kịch nhà Nguyên, Tiểu thuyết thời Minh Thanh. Và với thơ Đường Trung Quốc, hay thơ Đường luật kế thừa bởi những quốc gia khác, trong đó có Việt Nam, sẽ giúp chúng ta kiến tạo những giá trị tinh thần cao quý cho hôm nay và mai sau.* | Bài trình bày sản phẩm theo yêu cầu.  Gợi ý: Hồi hương ngẫu thư (Hạ Tri Chương), Nam quốc sơn hà… |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình; thấy được một số điểm gần gũi giữa các tác phẩm văn học thuộc các nền văn hoá khác nhau.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung** | |
| ***Khái quát về thơ Đường luật***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi một số HS trình bày phần Kiến thức ngữ văn có liên quan bài đọc hiểu và nêu những câu hỏi, băn khoăn.  - GV gọi một số HS nêu những thông tin tìm hiểu được về thơ Đường luật và chốt lại một số điểm cần lưu ý.  - GV mời một số HS chia sẻ suy nghĩ về ý nghĩa, tác dụng của văn học đối với cuộc sống con người.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - HS trình bày sản phẩm của cá nhân bằng lời nói hoặc kết hợp giữa lời nói với các phương tiện hỗ trợ (ảnh, thông tin trên web).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chốt lại các thông tin chính.  ***Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi HS trình bày ngắn gọn những thông tin đã tìm hiểu trước ở nhà về tác giả Đỗ Phủ và tác phẩm “Cảm xúc mùa thu”.  - GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV chốt kiến thức  - GV bổ sung: Bài thơ được coi là “cương lĩnh sáng tác” của cả chùm thơ gồm 8 bài. Kim Thánh Thán, nhà phê bình văn học nổi tiếng, nhận xét về cả chùm thơ và bài thơ “Cảm xúc mùa thu” - Thu hứng số 1. | **1. Thơ Đường luật và một số yếu tố trong thơ Đường luật**  a. Thơ Đường luật  - Thơ Đường hay Đường thi (chữ Hán: 唐 詩 ) là toàn bộ thơ ca đời Đường được các nhà thơ người Trung Quốc sáng tác trong khoảng từ thế kỉ 7 - 10 (618 - 907).  - Các sáng tác của hàng nghìn nhà thơ đời Đường được bảo tồn trong cuốn Toàn Đường thi gồm 48.900 bài.  b. Một số yếu tố trong thơ Đường luật  - Hình ảnh thơ  - Vần  - Đối  c. Thơ Nôm Đường luật  - Khái niệm:  - Thời gian hình thành:  - Đặc trưng:  d. Chủ thể trữ tình  **2. Cách đọc hiểu thơ Đường luật**  - Chú ý thể loại, đề tài, văn tự, đề tài, chủ đề, không gian, thời gian và sự liên kết giữa các câu  - Nếu là văn tự Hán, chú ý phần dịch nghĩa để hiểu rõ bài thơ trước khi dọc dịch thơ.  **3. Tác giả và tác phẩm**  ***a. Tác giả***  - Đỗ Phủ (712-770), tự là Tử Mỹ, quê ở huyện Củng tỉnh Hà Nam Trung Quốc.  - Cuộc đời:  + Xuất thân trong gia đình “Phụng Nho thủ quan” (thờ đạo Nho và làm quan).  + Sống vào giai đoạn nhà Đường triền miên trong cảnh loạn li.  + Tài năng thơ văn thể hiện khi mới 7 tuổi. Ông sớm có ý thức lập danh nhưng cuộc đời đầy bi kịch và phiêu bạt.  - Sự nghiệp văn chương:  + Để lại khoảng 1500 bài thơ chứa chan tình yêu thương con người và quê hương đất nước, nỗi đau về cuộc đời.  + Thơ ông trước hết “tấm gương phản chiếu xã hội thời Đường trước và sau loạn An - Sử”  → nhà thơ hiện thực vĩ đại Trung Quốc  ***b. Tác phẩm***  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác năm 766 khi Đỗ Phủ đang ngụ cư ở Quỳ Châu (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên, xưa gọi là miền Ba Thục). |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| - GV yêu cầu HS đọc bài thơ, thực hiện các yêu cầu trong khi đọc, nêu ra những từ ngữ, hình ảnh chưa hiểu hoặc các câu hỏi trong khi đọc chưa thực hiện được.  - GV gọi 1 số HS đọc diễn cảm bài thơ.  - HS đọc văn bản theo yêu cầu. GV nhận xét.  - GV gọi một số HS chia sẻ ấn tượng ban đầu về bài thơ.  - GV cho HS đọc *Kiến thức ngữ văn* về thơ Đường luật để xác định cách đọc hiểu bài thơ Đường luật. | HS đọc và thực hiện yêu cầu trong khi đọc.        HS đọc to, rõ ràng, lưu loát, diễn cảm.    HS chia sẻ ấn tượng ban đầu về bài thơ.   HS nêu cách đọc bài thơ Đường luật. |
| ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về bài thơ***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời Câu 2 trong SGK: Xác định đề tài, thể loại, bố cục của bài thơ.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***Hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung của văn bản.***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, trả lời Câu 3 trong SGK: *Cảnh thu trong hai câu đề và hai câu thực của bài thơ có gì đặc biệt so với cảnh thu thông thường mà em được biết? Để có thể miêu tả được quang cảnh đó, nhà thơ phải quan sát từ những vị trí nào?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm theo nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời Câu 4 trong SGK: Nỗi lòng của chủ thể trữ tình được thể hiện qua những hình ảnh nào trong 4 câu thơ cuối? Hình ảnh nào ấn tượng nhất? Vì sao?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm theo cặp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân thông qua *phiếu học tập*, trả lời các câu hỏi sau:  *1. Tại sao tác giả Đỗ Phủ lựa chọn viết về mùa thu trong bài thơ.*  *2. Cảnh và tình trong bài thơ có sự thống nhất với nhau không? Phân tích làm sáng tỏ.*  *3. Tình cảm của tác giả được thể hiện ở 4 câu thơ cuối như thế nào?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm cá nhân.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS. | **1. Tìm hiểu chung về bài thơ**  - Đề tài: viết về thiên nhiên và tình cảm với quê hương (thơ vịnh cảnh).  - Thể loại: thất ngôn bát cú Đường luật (chữ Hán).  - Chia thành 2 phần:  + Bốn câu đầu: tả cảnh  + Bốn câu sau: tả tình.  **a. Bốn câu thơ đầu: Bức tranh thiên nhiên mùa thu.**  - ***Sự chuyển đổi của thiên nhiên mùa thu*** ở quê người được thể hiện trong thơ Đỗ Phủ. Cảnh thu không hề êm dịu như thường thấy trong các bài thơ về mùa thu. Sự chuyển đổi của thiên nhiên diễn ra khá khốc liệt: sương phủ kín rừng phong khiến cả khu rừng chuyển sang màu trắng xóa; hơi thu hiu hắt lạnh ngắt phả ra từ hẻm núi sâu; nước sông Trường Giang vùng kẽm Vu vọt lên lưng trời tạo ra cảnh tượng hùng vĩ nhưng rất dữ dội…  Cảnh sắc ở hai câu đề được miêu tả ở thế tĩnh cho thấy cảnh vật tuy dữ dội nhưng đìu hiu, buồn bã; cảnh sắc ở hai câu thực ở trạng thái động cho thấy sự chuyển động mạnh mẽ của đất trời và lòng người.  - Cảnh vật được quan sát trong con mắt của một người buộc phải rời xa quê hương đã lâu vì loạn lạc. Ở đây là cái nhìn hướng ra ngoại cảnh; nhà thơ nhìn cảnh vật từ nhiều góc độ khác nhau: nhìn gần, nhìn xa, quan sát từ lòng sông lên tận lưng trời, rồi quan sát sự chuyển động của mây và sóng, khí núi từ trên cao nhìn xuống mặt đất thấp, cho thấy một sự quan sát tổng thể và chi tiết cảnh vật từ nhiều vị trí.  **b. Bốn câu thơ sau: Tình thu**  ***Nỗi lòng của chủ thể trữ tình:***  ***-*** Bút pháp tả cảnh ngụ tình được thể hiện rất tinh tế ở bốn câu thơ cuối. Các hình ảnh, chi tiết gợi lên nỗi niềm thương nhớ quê nhà của Đỗ Phủ (HS có thể lựa chọn một trong ba hình ảnh dưới đây và giải thích một cách thuyết phục tại sao chọn hình ảnh đó mà không phải hình ảnh khác):  + Hình ảnh khóm cúc nở hoa hai lần (đã hai năm trôi qua) làm tuôn dòng lệ cũ.  + Có thể hiểu theo cách đó là tác giả nhìn đóa cúc nở hoa mà tưởng cúc nhỏ lệ. Hoa cúc gắn liền với phẩm chất của nhà nho có nhân cách. Vẻ đẹp của hoa cúc rất hợp với phẩm chất nho nhã, bình dị, khiêm nhường của các nhà nho chân chính như Đỗ Phủ.  + Không khí đón mùa rét ở hai câu thơ cuối cho thấy cảnh vật được miêu tả là ở cuối thu, trời bắt đầu chuyển lạnh.  ***- Mối quan hệ giữa cảnh thu và tình thu:***  + Tác giả lựa chọn viết về mùa thu vì đây là mùa đặc biệt trong năm; cảnh vật khi đó khiến cho con người cảm thấy nhớ quê hương; tâm trạng trở nên buồn phiền, lo lắng. Vì vậy bài thơ không dừng lại ở việc tả cảnh thuần túy.  + Cảnh và tình trong bài thơ có sự thống nhất với nhau: cảnh thu có phần dữ dội, chuyển đổi trong bốn câu đầu thể hiện tâm trạng bồn chồn, lo lắng khôn nguôi của Đỗ Phủ về tình hình đất nước đang đổi thay trong loạn lạc, khiến cuộc sống người dân trở nên lầm than.  + Tình cảm của tác giả: thể hiện qua những hình ảnh cụ thể, gợi nhớ tới quê nhà cho thấy được niềm thương cảm cho gia đình và thân phận phải tha phương nơi đất khách quê người của nhà thơ.  Sự vận động của tứ thơ từ cảnh thu đến tình thu đã giúp nhà thơ đạt được mục đích nghệ thuật, diễn tả thành công tâm trạng lo âu và niềm thương nhớ quê nhà khôn nguôi; niềm mong ước cho quê hương, đất nước sớm thanh bình, những người như nhà thơ và gia đình ông sớm được trở về quê hương.  Bài thơ có bút pháp tả cành ngụ tình được thể hiện một cách linh hoạt. cả bài thơ có sự thống nhất giữa cảnh và tình, biểu lộ tâm trạng chủ thể trữ tình. |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - GV yêu cầu HS nêu hoặc GV nhắc lại những lưu ý về chiến thuật đọc văn bản thơ Đường luật.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **1. Nội dung**  - Nỗi niềm thương nhớ quê hương, trăn trở vì tình cảnh đất nước của nhà thớ gắn thân phận tha hương.  **2. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật miêu tả cảnh vật, “tả cảnh ngụ tình”, gắn với “tâm” làm nổi bật chủ đề của tác phẩm.  **3. Cách đọc bài thơ Đường luật**  - Chú trọng đến kết cấu, cách sử dụng ngôn từ, cách gieo vần, cách vận dụng các phép đối thể hiện nội dung phản ánh. |

**Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức về văn học và văn bản thơ Đường luật vào thực tiễn đời sống.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời Câu 6/SGK: Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) làm rõ tình cảm của Đỗ Phủ với quê hương thể hiện trong bài thơ *Cảm xúc mùa thu.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc và làm việc theo cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời:** GV gọi HS trình bày.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét. | - Nội dung: HS tự do trình bày quan điểm cá nhân nhưng bám sát nội dung được yêu cầu. Cần nêu rõ tình cảm của Đỗ Phủ với quê hương được thể hiện trong bài và nói được suy nghĩ của bản thân về điều đó.  - Hình thức: Đoạn văn đảm bảo số dòng được yêu cầu. |

**PHỤ LỤC**

****

**VĂN BẢN 2: TỰ TÌNH (Bài II)**

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,…

**2. Về phẩm chất**

Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; yêu thích việc nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS nghe đoạn video bài “Mời trầu”- Masew (<https://www.youtube.com/watch?v=iOmXKckyAq0>)  GV đặt câu hỏi: *Đoạn video trên gợi cho em về nữ nhà thơ nổi tiếng nào của Việt Nam? Em đã biết những gì về nhà thơ này?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân và phát biểu ý kiến.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và dẫn dắt bài học. | Câu trả lời của HS |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,…

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Khái quát về tác giả và tác phẩm** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** HS chia sẻ thông tin về nhà thơ Hồ Xuân Hương, về tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị.  - Kết nối thông tin để giới thiệu tác giả (tên, năm sinh, quê quán, công việc, các tác phẩm chính, đặc điểm thơ ca,…), tác phẩm (thời điểm sáng tác, xuất xứ,…) một cách ngắn gọn.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt lại một số thông tin chính về tác giả và bài thơ. | **1.Tác giả**  - Tiểu sử: Quê ở Nghệ An, một thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời nhiều bất hạnh, nhất là về đường tình duyên.  - Con người: Sắc sảo, cá tính và rất có bản lĩnh “bất chấp mọi thói thường - dám viết dám làm không cần ai biết”  - Sự nghiệp thơ ca:  + Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm  + Thơ Nôm Hồ Xuân Hương là tiếng nói đấu tranh, thương cảm, đề cao giá trị và khát vọng của người phụ nữ.  + Thơ Nôm đường luật có kết cấu nghệ thuật độc đáo, táo bạo và phá vỡ quy phạm trong thơ ca trung đại → Được mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Tự tình (bài 2) nằm trong chùm ba bài thơ “Tự tình” trích trong tập “Lưu Hương Ký”. |
| **II. Đọc hiểu văn bản** | |
| - GV yêu cầu HS đọc bài thơ, thực hiện các yêu cầu trong khi đọc, nêu ra những từ ngữ, hình ảnh chưa hiểu hoặc các câu hỏi trong khi đọc chưa thực hiện được.  - GV gọi 1 số HS đọc diễn cảm bài thơ.  - HS đọc văn bản theo yêu cầu. GV nhận xét.  - GV gọi một số HS chia sẻ ấn tượng ban đầu về bài thơ.  - GV cho HS đọc *Kiến thức ngữ văn* về thơ Đường luật để xác định cách đọc hiểu bài thơ Đường luật. | HS đọc và thực hiện yêu cầu trong khi đọc.        HS đọc to, rõ ràng, lưu loát, diễn cảm.    HS chia sẻ ấn tượng ban đầu về bài thơ.    HS nêu cách đọc bài thơ Đường luật. |
| ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về bài thơ***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi 1/SGK: *Hãy xác định bố cục của bài thơ. Tác phẩm là lời tâm sự của ai, về điều gì? Điều ấy có liên quan như thế nào đến nhan đề Tự Tình?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS. | **1. Tìm hiểu chung về bài thơ**  - Thể loại: thơ Nôm Đường luật.  - Bố cục: đề - thực – luận – kết.  - Bài thơ là lời tâm sự của Hồ Xuân Hương về hoàn cảnh và thân phận của mình.  - Bài thơ là lời tự tình của Hồ Xuân Hương, viết về tâm sự của bản thân mình. |
| ***Hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung của văn bản.***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, trả lời câu hỏi 2: *Trong 2 câu đề, tác giả đưa ra thời gian, không gian để nhấn mạnh tâm trạng gì?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm theo cặp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi: *Phân tích những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tâm trạng người phụ nữ qua 2 câu thực?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm cá nhân.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoàn thiện *Phiếu học tập* (phụ lục):  *1. Hình ảnh thiên nhiên trong hai câu luận được tác giả miêu tả như thế nào?*  *2. Nghệ thuật sử dụng từ ngữ trong hai câu thơ có gì độc đáo?*  *3. Nhận xét về thái độ của tác giả được thể hiện trong hai câu luận.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm theo cặp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS.  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm và trả lời câu hỏi: *Cách dùng từ trong hai câu kết có gì đặc biệt? Phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện trong hai câu này.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS. | **2. Nội dung của bài thơ**  ***2.1. Hai câu đề***  *“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,*  *Trơ cái hồng nhan với nước non.”*  - Thời gian: Đêm khuya (quá nửa đêm) gợi sự yên tĩnh, con người đối diện với chính mình, sống thật với mình.  - Không gian: Yên tĩnh vắng lặng (nghệ thuật lấy động tả tĩnh).  - Âm thanh: Tiếng trống cầm canh nhắc nhở con người về bước đi của thời gian.  + Từ láy “văng vẳng” miêu tả âm thanh từ xa vọng lại (nghệ thuật lấy động tả tĩnh)  + Tiếng trống canh dồn dập, liên hồi, vội vã.  - Chủ thể trữ tình là người phụ nữ một mình cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của mình.  - Từ “trơ”: Trơ trọi, lẻ loi, cô đơn kết hợp từ “cái hồng nhan”: vẻ đẹp của người phụ nữ bị rẻ rúng.  - Nghệ thuật đảo ngữ đã nhấn mạnh vào sự trơ trọi nhưng đầy bản lĩnh của Xuân Hương.  - Hình ảnh tương phản: Cái hồng nhan > < nước non cho thấy nỗi cô đơn khủng khiếp của chủ thể trữ tình.  ***2.2. Hai câu thực***  *“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*  *Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.”*  - Các từ ngữ thể hiện sự cô đơn, trống trải: “say”, “tỉnh”, “xế”, “khuyết”, “chưa tròn”.  - Câu thứ ba gợi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng, mượn rượu để giải sầu nhưng say rồi lại tỉnh.  - Câu thứ tư: Ngắm trăng thì bóng xế, khuyết chưa tròn: tuổi xuân trôi qua mà hạnh phúc chưa trọn vẹn. Nghệ thuật đối tô đậm thêm nỗi sầu đơn lẻ của người muộn màng lỡ dở.  - Bối cảnh trong bài thơ là đêm xuân nên sự cô độc của chủ thể trữ tình càng tăng thêm gấp bội.  ***2.3. Hai câu luận***  *“Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,*  *Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.”*  - Thiên nhiên được miêu tả với các hình ảnh với các động từ mạnh: “xiên ngang”, “đâm toạc”.  => Cách dùng từ độc đáo cho thấy sự phản kháng của thiên nhiên.  - Nghệ thuật đối trong hai câu luận cũng đặc biệt: động từ được đảo lên đầu câu gây cảm giác mạnh mẽ, quyết liệt.  => Các hình ảnh này diễn tả thái độ và cá tính mạnh mẽ, không cam chịu hoàn cảnh, muốn chống lại định mệnh của chủ thể trữ tình.  ***2.4. Hai câu kết***  *“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại*  *Mảnh tình san sẻ tí con con!”*  **-** Cách dùng từ:  + Xuân: Mùa xuân, tuổi xuân  + Ngán: Chán ngán, ngán ngẩm  Mùa xuân đến mùa xuân đi rồi mùa xuân lại theo nhịp tuần hoàn của trời đất. Chữ “xuân” ở đây nghĩa là tuổi xuân đang qua.  - Mối quan hệ giữa cảnh và tình trong hai câu kết của bài thơ là mối quan hệ đối nghịch, ngược chiều. Đó là đêm xuân khi mọi mọi người vui đón xuân thì chủ thể trữ tình buồn vì sự cô đơn.  - Hai câu kết thể hiện nỗi ngán ngẩm của chủ thể trữ tình trước nhân tình thế thái (lòng người và thói đời).  => Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - Cặp đôi trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét sản phẩm và chốt lại những thông tin cơ bản.  - GV yêu cầu HS nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản thơ Đường luật. | **1. Nội dung và nghệ thuật của văn bản**  - Bài thơ thể hiện tâm trạng, thái độ của Hồ Xuân Hương: vừa đau buồn, vừa phẫn uất trước duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch. Bài thơ cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc và tài năng độc đáo của Hồ Xuân Hương.  - Ngôn ngữ thơ nôm bình dị, hình ảnh gợi cảm giàu màu sắc, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc,…  **2. Cách đọc bài thơ Đường luật**  - Chú trọng đến kết cấu, cách sử dụng ngôn từ, cách gieo vần, cách vận dụng các phép đối để thể hiện nội dung phản ánh. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS vận dụng kiến thức về thể thơ Đường luật nói riêng và những thông tin về bài thơ Tự Tình 2 (Hồ Xuân Hương). Từ đó, HS liên hệ và kết nối với cuộc sống.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV có thể yêu cầu HS làm việc theo nhóm trả lời câu 5/SGK: *Theo em, bài thơ Tự Tình 2 nói lên những suy nghĩ tình cảm gì của nhà thơ Hồ Xuân Hương. Điều đó còn có ý nghĩa như thế nào với ngày nay?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm theo nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS. | - Gợi ý:  Tự tình (bài 2) nói lên suy nghĩ và phản ánh tâm trạng của nữ sĩ về đời sống tình cảm của mình, cho thấy sự phụ thuộc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến vào hoàn cảnh sống.  Bài thơ cũng cho thấy sự vươn lên số phận của chính Hồ Xuan Hương.  - Những tâm sự của Hồ Xuân Hương vẫn còn ý nghĩa với ngày nay (nêu dẫn chứng) |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV có thể yêu cầu HS làm việc cá nhân trả lời câu 6/SGK: *Bài thơ để lại trong em cảm xúc hoặc ấn tượng gì? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) ghi lại điều đó?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  HS trình bày sản phẩm theo cá nhân.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét câu trả lời của HS. | - HS chủ động thể hiện sự tiếp thu bài học, tập trung vào các vấn đề chính từ nội dung bài thơ, tránh tản mạn.  - Đảm bảo dung lượng được yêu cầu.  - Cảm xúc và ấn tượng của HS có thể thể hiện ở các mặt:  + Cảm xúc về thân phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến và cá tính mạnh mẽ, không chịu chấp nhận số phận của Hồ Xuan Hương.  + Ấn tượng về cách dùng từ và hình ảnh vừa táo bạo, độc đáo lại khác biệt với nhà thơ khác. |

**PHỤ LỤC**

****

**DẠY THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**VĂN BẢN: CÂU CÁ MÙA THU *(Thu điếu)***

*Thời gian thực hiện: 2 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,…

**2. Về phẩm chất**

Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; yêu thích việc nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:  2 đội tham gia (2HS/đội) lần lượt hỏi ngắn – đáp nhanh về thơ Đường luật, về tác giả Nguyễn Khuyến, về bài thơ “Câu cá mùa thu” (mỗi nội dung 2 câu hỏi - đáp).  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | - Số lượng câu hỏi – đáp cho mỗi đội: Đủ 6 câu  - Nội dung hỏi – đáp: Đúng 3 nội dung  + Về thơ Đường luật  + Về tác giả Nguyễn Khuyến  + Về bài thơ “Câu cá mùa thu”  - Hình thức hỏi - đáp: Ngắn, nhanh |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức, kĩ năng mới**

*a. Mục tiêu:* Phân tích và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản thơ trữ tình trung đại làm theo thể Đường luật. Nhận biết và phân tích được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố như: hình ảnh, vần, đối, chủ thể trữ tình,…

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS trình bày vài nét khái quát về tác giả Nguyễn Khuyến và bài “Câu cá mùa thu”  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - Gọi 1,2 HS lần lượt trình bày sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả Nguyễn Khuyến** (1835-1909)  - Thời đại: Cuộc đời Nguyễn Khuyến gắn liền với những thăng trầm của xã tắc. Ông sống trong thời đại nước còn vua mà đã mất chủ quyền.  - Quê hương: Làng Và, Yên Đổ, Bình Lục, Hà Nam - làng quê đi vào thơ bậc đại khoa với tất cả những gì bình dị và thân thương nhất.  - Gia đình: Nguyễn Khuyến xuất thân từ gia đình nhà nho nghèo, hai bên nội ngoại đều có truyền thống khoa bảng.  - Con người: Tài năng, cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân sâu nặng.  - Văn chương:  + Nghệ thuật: Trào phúng, trữ tình  + Nội dung:   * Châm biếm sự nhố nhăng, hữu danh vô thực. * Tình yêu làng cảnh, tình thương dân nghèo. * Tâm sự u hoài trước thời cuộc.   **2. Tác phẩm “Câu cá mùa thu”**  - Hoàn cảnh ra đời: Khi Nguyễn Khuyến đã cáo quan về ở ẩn.  - Vị trí: “Câu cá mùa thu” được đánh giá là“điển hình hơn cả”, là “nức danh nhất” trong chùm thơ thu nói riêng và thơ Nôm Nguyễn Khuyến nói chung.  - Đề tài: Mùa thu – phổ biến trong văn chương nhưng đến thơ Nôm Nguyễn Khuyến lại mang vẻ đẹp vừa quen thuộc vừa mới lạ.  - Thể loại: Thất ngôn bát cú Nôm Đường luật  - Bố cục: 4 phần (đề - thực - luận - kết) |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *Cảm nhận của anh/chị về thời gian, không gian, sự vật được giới thiệu trong hai câu đề? Đâu là nét đặc trưng của mùa thu và nét đặc trưng của quê hương Nguyễn Khuyến?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt lại. | **II. Thực hành đọc hiểu văn bản**  **1. Hai câu đề**  *Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,*  *Một chiếc thuyền câu câu bé tẻo teo.*  - Không gian: “Ao” - không gian nhỏ, quen thuộc nơi làng quê.  + Trạng thái: “Lạnh lẽo” - Từ láy - cảm nhận bằng xúc giác: Cái lạnh lẽo tỏa ra từ mặt nước và tiết thu.  + Sắc nước: “Trong veo” - cảm nhận bằng thị giác: Tuyệt đối hóa độ trong của nước, đồng thời gợi ra sự thanh sạch của tâm hồn.  - Thời gian: “Thu”  + Thời gian có duyên với văn chương.  + Thời gian đặc biệt với Nguyễn Khuyến.  - Sự vật: “Thuyền câu”  + Số lượng: “Một” – Cô độc, lẻ loi  + Kích cỡ: “Bé tẻo teo” – Cách diễn đạt theo lối tăng tiến, thuyền đã “bé” lại còn “tẻo teo”, dường như không thể bé hơn trên khung ao hẹp  => Nhỏ, rất nhỏ  - Vần: “Eo” (Lạnh lẽo, trong veo, tẻo teo)  => Không gian vốn đã hẹp như bị thu lại trong tầm mắt của người đi câu.  => Sự vật vốn đã nhỏ như co lại trước cái lạnh mùa thu.  => Tiểu kết: Ngôn ngữ bình dị, tự nhiên, giàu sức biểu đạt, mang đặc trưng của mùa thu, đặc trưng của làng quê. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Điểm nhìn của chủ thể trữ tình ở hai câu thực?*  *+ Sự kết hợp từ trong cụm từ “khẽ đưa vèo” ở câu thơ thứ tư có hợp lí hay không hợp lí?*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức. | **2. Hai câu thực**  *Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*  *Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.*  - Điểm nhìn: Từ mặt nước ao thu, thi nhân nhìn ra xung quanh, bắt gặp sóng thu, lá thu.  - Cảnh thu:  + Sóng thu:   * Màu sắc: “Biếc” – gam màu tươi sáng, hòa quyện giữa độ trong của nước và sắc xanh của trời. Chuyển động: “Hơi gợn tí” - nghệ thuật tăng tiến về chuyển động nhẹ nhàng. Làn nước thu khẽ xao động như hơi thở. Các chữ “hơi - gợn - tí” phụ hoạ cho nhau, vẽ trên mặt ao hình ảnh lượn sóng mà như đứng im.   + Lá thu:   * Màu sắc: “Vàng” – gam màu đặc trưng, tín hiệu của mùa thu. Tuy chỉ điểmx uyết trong bức tranh nhưng sắc “vàng” đã gọi dậy hồn thu quen thuộc trong cả đời thường lẫn văn chương. * Chuyển động: “Khẽ đưa” - chao đưa khẽ khàng theo gió.   => Miêu tả lá thu không phải chỉ nói về lá thu, Nguyễn Khuyến còn gợi cho người đọc cảm nhận về gió thu nhè nhẹ. Nói thơ Tam Nguyên Yên Đổ gợi nhiều hơn tả là vì thế.   * Sự kết hợp từ “khẽ đưa vèo” khiến người đọc băn khoăn.   “Vèo” - tốc độ nhanh, dường như không phù hợp trong văn cảnh này, dùng chữ “vèo” thi nhân còn gửi gắm suy ngẫm thời thế của mình. Ông cảm nhận thời gian vèo trôi, thời thế đổi thay nhanh quá, thoáng chốc non sông đã rơi vào tay kẻ thù. Đó là tâm trạng của một nhà nho nặng lòng với non sông đất nước mà bất lực trước thời cuộc vần xoay.  => Tiểu kết: Bức tranh thu hài hòa, đường nét mềm mại, sắc màu thanh nhã, chuyển động nhẹ êm. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  + Điểm nhìn của chủ thể trữ tình đã có sự thay đổi như thế nào ở hai câu luận?  + Sự thay đổi ấy đã đem đến điều gì mới mẻ cho thơ thu Nguyễn Khuyến so với thơ thu truyền thống?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **3. Hai câu luận**  *Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*  *Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo.*  - Điểm nhìn: Có sự dịch chuyển từ cao xuống thấp, từ xa về gần  => Không gian nới mở thêm chiều cao và chiều sâu.  - Cảnh thu:  + Mây thu: “Lơ lửng” - từ láy giàu giá trị tạo hình => Mây xếp thành tầng, ở độ cao lưng chừng, chuyển động nhẹ, lững lờ như ngừng trôi.  + Trời thu: “Xanh ngắt” - màu xanh đậm  => Hình ảnh đặc tả bầu trời thu Bắc Bộ cao vời vợi, khoáng đạt, trong xanh.  + Ngõ thu:   * “Ngõ trúc quanh co” - uốn lượn, kéo dài và sâu hun hút   => Không gian đậm đặc màu xanh – màu xanh ôm trùm các chiều kích không gian: từ bầu trời xuống mặt đất, từ gần đến xa, dài rộng và sâu.   * “Vắng teo” cho thấy không có một bóng người qua lại.   => Yên bình, vắng lặng. Chỉ riêng từ “vắng” đã đủ để diễn tả sự tĩnh lặng rồi nhưng “vắng teo” thì có nghĩa là cảnh vắng tanh vắng ngắt, không một bóng người. Bởi thế, hai câu thơ gợi sự trống vắng, nỗi cô đơn trong lòng người.  => Tiểu kết: Nét vẽ đơn sơ, hình ảnh bình dị, thân thuộc.Cảnh vật tinh tế, không chỉ thể hiện cái hồn của cảnh thu mà còn thể hiện cái hồn của cuộc sống nông thôn xưa. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu câu hỏi:  Hai câu kết là cảnh thu hay tình thu? Cơ sở nào để anh/chị biết điều đó?  - Yêu cầu HS nêu cách hiểu và tác dụng của từ “đâu” được sử dụng trong câu kết.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **4. Hai câu kết**  *Tựa gối buông cần lâu chẳng được,*  *Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*  - Thiên nhiên:  Âm thanh: “Cá đâu đớp động”. Từ “đâu” có 2 cách hiểu:  + “Đâu”: đâu đó, đâu đây tiếng cá đớp động (có âm thanh)  + “Đâu”: đâu có tiếng cá đớp động (không có âm thanh)  => Nếu có âm thanh thì đó là âm thanh quá nhỏ, mơ hồ - không đủ khuấy động không gian.  => Nếu không có âm thanh thì bức tranh hoàn toàn tĩnh lặng.  => Thủ pháp tương phản, lấy cái động để thức dậy cái tĩnh khẳng định cảnh thu vẫn vẹn nguyên trong trạng thái yên bình, vắng lặng.  – Con người:  + Tư thế: “Tựa gối” - người đi câu như thu mình lại trong dáng vẻ suy tư.  + Hành động: “Buông cần” - thả lỏng, không chú tâm vào chuyện câu cá. Đi câu không cốt để kiếm cái ăn. Đi câu chỉ là cái cớ để mở lòng đón nhận cảnh thu, gửi gắm tình thu. Đi câu – thân nhàn mà tâm bất nhàn.  => Thi nhân trong vai ông già câu cá đối diện với thiên nhiên để lắng vào cõi suy tư, và cả cõi suy tư cũng chìm vào tĩnh lặng. Ngoại cảnh khắc đậm tâm cảnh.  + Tâm trạng:   * Suy tư về thế sự (khẽ đưa vèo) * Suy tư về con người (khách vắng teo). Buồn đau, bất lực trước cảnh nước mất   => Tiểu kết:   * Thủ pháp lấy động tả tĩnh * Người đi câu trầm ngâm, chất chứa nhiều suy tư * Tấm lòng yêu nước thầm kín mà thiết tha |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi theo bàn và trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Nội dung**  - Cảnh thu: trong, thanh, tĩnh => Đẹp  - Tình thu: Tấm lòng yêu quê, nỗi đau thời thế, tâm sự yêu nước => Buồn  **2. Nghệ thuật**  - Yếu tố Đường luật: thể thơ, thi đề, thi liệu, thi pháp.  - Yếu tố Nôm: ngô ngữ, hình ảnh, gieo vần. |

**Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**

*a. Mục tiêu:* HS biết cách đọc bài thơ Nôm Đường cùng thể loại, đề tài và rèn thao tác so sánh, bình luận.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi 5 trong SGK: Chỉ ra nét chung của chùm thơ thu Nguyễn Khuyến và nét riêng của mỗi bài.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi theo bàn và trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và chốt lại kiến thức, | - Nét chung:  + Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật chữ Nôm  + Quan sát tỉ mỉ, cảm nhận tinh tế  + Ngôn ngữ tài hoa, bút pháp chấm phá  + Bức tranh làng cảnh Bắc Bộ mùa thu - bình dị, đẹp mà buồn  + Tấm lòng yêu quê, nỗi đau thời thế - tâm sự yêu nước kín đáo của tác giả  - Nét riêng:  + “Thu điếu”:   * Điểm nhìn: cận cảnh - viễn cảnh - cận cảnh. * Nét đặc sắc: Các điệu xanh, mọi thứ đều bé xinh, dường như thu mình lại.   + “Thu vịnh”:   * Điểm nhìn: viễn cảnh - cận cảnh - viễn cảnh. * Nét đặc sắc: Bức tranh toàn cảnh về mùa thu với không gian cao rộng, khoáng đạt của bầu trời.   + “Thu ẩm”:   * Điểm nhìn: cận cảnh - viễn cảnh * Nét đặc sắc: Cảnh vật được cảm nhận ở nhiều thời điểm trong ngày qua con mắt người say chếnh choáng. |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Phân tích được sự khác nhau về nghĩa của một số cách sắp xếp trật tự từ trong câu; từ đó, nhận diện và sửa được các lỗi về trật tự từ trong bài viết.

**2. Về phẩm chất**

Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; yêu thích việc nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu: Cho các từ: *Tôi/ có/ năm/ quyển/ sách*. Tạo ra các câu có nghĩa từ tổ hợp từ trên (thêm dấu câu nếu cần thiết). Chỉ ra một số tổ hợp không có nghĩa từ các từ đã cho.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời theo hình thức vấn đáp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **GV dẫn vào bài:** *Trong nhiều trường hợp chúng ta bắt gặp những câu văn có cách diễn đạt tối nghĩa, khó hiểu, gây ra cách hiểu sai. Một trong những nguyên nhân của việc này là sai về trật tự từ trong câu. Để hiểu kĩ cách sửa lỗi sai này, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.* | Các câu có nghĩa:   * Tôi có năm quyển sách. * Sách, tôi có năm quyển. * Tôi, sách có năm quyển.   Tổ hợp từ không có nghĩa:  - Tôi năm có quyển sách  - Sách năm có tôi quyển |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

*a. Mục tiêu:* HS nhận diện được các lỗi dùng từ hay gặp và cách sửa.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Lý thuyết** | |
| ***Tìm hiểu về khái niệm, các yêu cầu của trật tự từ***  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân: Dựa vào bài tập trong hoạt động Khởi động, kết hợp với tìm hiểu SGK phần *Kiến thức Ngữ văn* (nội dung Tiếng Việt), em hãy cho biết:  *Thế nào là trật tự từ?*  *Việc sắp xếp các từ ngữ trong câu phải đảm bảo yêu cầu gì?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **1. Khái niệm, các yêu cầu về sắp xếp trật tự từ trong câu:**  **Khái niệm:** Trật tự từ được hiểu là thứ tự sắp xếp của từ trong câu.  **Yêu cầu của việc sắp xếp trật từ từ trong câu:**  - Phải tuân theo quy tắc cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu.  - Nhằm phục vụ cho mục đích diễn đạt của người nói/viết:  + Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hoạt động, đặc điểm.  + Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.  + Liên kết câu với những câu khác trong văn bản. |
| ***Tìm hiểu về các lỗi thường gặp về trật tự từ***  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS thảo luận theo cặp đôi:  - Chỉ ra lỗi về diễn đạt ở câu sau và sửa lại cho đúng:  “*Lớp em rất có nhiều bạn không những học giỏi mà còn chơi thể thao giỏi*”.  - Em sẽ chọn cách diễn đạt nào trong 2 cách sau và giải thích lí do của sự lựa chọn đó.  *A – Bạn em nhỏ người nhưng rất thông minh. Thầy giáo đã chọn bạn ấy vào đội tuyển học sinh giỏi.*  *B – Bạn em rất thông minh, nhưng nhỏ người. Thầy giáo đã chọn bạn ấy vào đội tuyển học sinh giỏi.*  -Rút ra những lỗi thường gặp về trật tự từ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**:  - Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **2. Các lỗi thường gặp về trật tự từ**  **a. Xét ví dụ**  **Ví dụ 1: Xét câu văn:** “*Lớp em rất có nhiều bạn không những học giỏi mà còn chơi thể thao giỏi*”.  **=>** Câu trên mắc lỗi sắp xếp các yếu tố trong cụm từ không phù hợp. Vì đưa phó từ “rất” lên trước động từ “có” (phó từ “rất” thường đứng trước tính từ để biểu thị ý nghĩa mức độ cao trên hẳn mức bình thường)  Sửa lại: đặt phó từ “rất” đứng sau động từ “có” và đứng trước tính từ “nhiều”.  Câu đúng:*Lớp em có rất nhiều bạn không những học giỏi mà còn chơi thể thao giỏi*”.  **Ví dụ 2: Chọn cách diễn đạt A** *– Bạn em nhỏ người nhưng rất thông minh. Thầy giáo đã chọn bạn ấy vào đội tuyển học sinh giỏi.*  **Lí do:** Trong cách viết A, cụm từ *rất thông minh* là trọng tâm thông báo, là luận cứ để dẫn đến kết luận ở câu sau: *Thầy giáo đã chọn bạn ấy vào đội tuyển học sinh giỏi.* Luận *cứ rất thông minh* là quan trọng nhất cho lập luận nên cần đặt ở sau, đảm bảo liên kết với câu sau.  Viết theo cách B không phù hợp với lập luận.  **b. Kết luận**  **Các lỗi về trật tự từ hay gặp:**  - Sắp xếp từ ngữ không phù hợp với quy tắc cấu tạo từ, cấu tạo câu.  - Sắp xếp từ ngữ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH**

*a. Mục tiêu*: HS thực hành các bài tập sửa lỗi về trật tự từ.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Theo dõi SGK trang 51, hoàn thành nhanh bài tập 1, 2 theo nhóm.  **Bài tập 1:** Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa trong các cặp câu.  **Bài tập 2:** Phân tích và sửa lỗi về trật tự từ trong các câu.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **II. Thực hành**  **1. Bài tập 1: Chỉ ra những khác biệt về nghĩa trong các cặp câu văn:**  **a.**  - Câu a1: *Mồng 8 tháng Ba là ngày phụ nữ Quốc tế.*  => Cụm từ “ngày phụ nữ Quốc tế” nhấn mạnh ngày phụ nữ trên thế giới, không chỉ riêng ở một nơi, một quốc gia (nhấn mạnh phạm vi của sự kiện)  - Câu a2*: Mồng 8 tháng Ba là ngày Quốc tế phụ nữ.*  => cụm từ “ngày Quốc tế phụ nữ” nhấn mạnh đó là ngày đấu tranh đòi các quyền lợi của phụ nữ trên thế giới. (nhấn mạnh ý nghĩa của sự kiện). Cho ta thấy được sự trân trọng và ý nghĩa ngày mồng 8 tháng 3 là ngày mà cả thế giới tôn vinh phụ nữ.  **b)**  - Câu b1: *Đỗ Phủ là nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng.*  => nhấn mạnh vào cụm từ “Trung Quốc”- quê hương của nhà thơ Đỗ Phủ*.*  - Câu b2: *Đỗ Phủ là nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc.*  => nhấn mạnh vào cụm từ “nổi tiếng” – đánh giá vị trí của nhà thơ Đỗ Phủ.  **c)**  - Câu c1: *Bài thơ đã nói lên sự cảm thông sâu sắc với những người lính của ông*.  => nhấn mạnh vào cụm từ *những người lính –* đối tượng mà nhà thơ cảm thông.  - Câu c2: *Bài thơ đã nói lên sự cảm thông sâu sắc của ông với những người lính*.  => nhấn mạnh vào cụm từ *sự cảm thông sâu sắc của ông –* tấm lòng của nhà thơ đối với những người lính.  **2. Bài tập 2:** Phân tích và sửa lỗi về trật tự từ trong các câu:  a) *Tự tình* (bài 2) là một trong những bài thơ cất lên tiếng nói quyết liệt đấu tranh cho nữ quyền của Hồ Xuân Hương.  **- Lỗi:** sắp xếp từ không phù hợp với quy tắc cấu tạo cụm từ, cấu tạo câu.  **- Sửa:** *Tự tình* (bài 2) là một trong những bài thơ cất lên tiếng nói đấu tranh quyết liệt cho nữ quyền của Hồ Xuân Hương.  b) *Câu cá mùa thu, Vịnh mùa thu, Uống rượu mùa thu* là chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến nổi tiếng.  **- Lỗi:** sắp xếp từ không phù hợp với quy tắc cấu tạo câu. Tính từ “nổi tiếng” phải được đặt trước từ sở hữu “của Nguyễn Khuyến” để bổ sung nghĩa cho cụm từ “chùm thơ thu”.  **- Sửa:** *Câu cá mùa thu, Vịnh mùa thu, Uống rượu mùa thu* là chùm thơ thu nổi tiếng của Nguyễn Khuyến.  c) Đến năm 2000, phải thanh toán hết các trang thiết bị cũ kĩ, lạc hậu, phải đầu tư một số dụng cụ chuyên khoa cần thiết cho trạm y tế như răng, mắt.  **- Lỗi:** sắp xếp từ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt.  **- Sửa:** Đến năm 2000, phải thanh toán hết các trang thiết bị cũ kĩ, lạc hậu, phải đầu tư một số dụng cụ chuyên khoa răng, mắt cần thiết cho trạm y tế.  d) Họ úp cái nón lên mặt, nằm xuống ngủ một giấc cho đến chiều.  **- Lỗi:** sắp xếp từ không phù hợp với yêu cầu diễn đạt (không đúng thứ tự của các hành động). Hành động “úp cái nón lên mặt” phải thực hiện sau hành động “nằm xuống”.  **- Sửa:** Họ nằm xuống, úp cái nón lên mặt, ngủ một giấc cho đến chiều. |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** HS theo dõi SGK/51, hoàn thành nhanh bài tập 3:  **Bài tập 3: Thảo luận nhóm (5 phút)**   * Nhóm 1, 2: Câu a,b. * Nhóm 3, 4: Câu c, d.   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn.  - GV hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày.  **-** Các HS nhóm khác khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung. | **3. Bài tập 3**  - Các câu thơ đều sử dụng phép đảo trật tự từ đển nhằm nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.  - Phân tích tác dụng tu từ của các phép đảo trật tự từ:  a) “*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn*  *Trơ cái hồng nhan với nước non.”*  (Hồ Xuân Hương)  Từ “trơ” được đảo lên đầu câu. (Trật tự thông thường: cái hồng nhan trơ với nước non)  => Tác dụng:  + Nhấn mạnh: nỗi đau, sự bẽ bàng, tủi hờn khi duyên phận không đến; đồng thời thể hiện bản lĩnh thách thức, dám đối đầu với những bất công ngang trái của người phụ nữ.  + Thể hiện sự đồng cảm của nhà thơ dành cho người phụ nữ.  + Làm cách diễn đạt thêm sinh động, ấn tượng hơn.  b) *Lom khom dưới núi tiều vài chú*  *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*  (Bà Huyện Thanh Quan)  - Đảo ngữ đưa hai từ láy *lom khom, lác đác* lên đầu câu. Trật tự thông thường: Vài chú tiều lom khom dưới núi – mấy ngôi nhà lác đác bên sông.  - Tác dụng:  + Tô đậm vẻ hoang vắng, quạnh hiu của cảnh vật. Nhà thơ đi tìm sự sống con người nhưng sự sống đó lại làm cho cảnh vật héo hắt, buồn bã hơn, xa vắng hơn.  + Thể hiện nỗi lòng buồn bã của nhà thơ trước cảnh vật.  + Làm cách diễn đạt thêm sinh động, ấn tượng hơn.  c) *Lao xao chợ cá làng ngư phủ,*  *Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương*.  (Nguyễn Trãi)  - Đảo các từ láy tượng thanh *lao xao, dắng dỏi* lên đầu câu. Trật tự thông thường: chợ cá làng ngư phủ lao xao – tiếng ve lầu tịch dương dắng dỏi (kêu inh ỏi).   * Tác dụng:   + Nhấn mạnh âm thanh rộn rã, tươi vui của cuộc sống con người và của thiên nhiên.  + Thể hiện tình yêu cuộc sống, yêu đời của nhà thơ.  + Làm cách diễn đạt thêm sinh động, ấn tượng hơn.  d) *Lặn lội thân cò khi quãng vắng*  *Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*  (Trần Tế Xương)  - Giải thích nghĩa một số từ, cụm từ cho HS: *khi quãng vắng, eo sèo, buổi đò đông*…  - Đảo các từ láy tượng hình *lặn lội* và từ láy tượng thanh *eo sèo* lên đầu câu. Trật tự thông thường: thân cò lặn lội khi quãng vắng – mặt nước eo sèo buổi đò đông.   * Tác dụng:   + Nhấn mạnh sự lam lũ, nhọc nhằn của bà Tú phải tất tả sớm tối, phải chịu bao lời kêu ca phàn nàn của người mua kẻ bán để mưu sinh.  + Thể hiện tấm lòng xót thương, đồng cảm của Tú Xương dành cho vợ.  + Làm cách diễn đạt thêm sinh động, ấn tượng hơn. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi SGK/T51, hoàn thành bài tập 4:  **Yêu cầu:** Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) với chủ đề: *Mùa thu trong thơ Nguyễn Khuyến luôn mang một nỗi buồn man mác như chính nỗi niềm của tác giả về đất nước, về thời cuộc.*  Giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở một câu văn trong đoạn văn mà em đã viết.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ, viết đoạn văn  - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV cung cấp bảng kiểm đánh giá  - GV gọi đại diện một số HS trình bày đoạn văn của mình. Các HS khác HS lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá**  GV nhận xét và cho điểm HS. | **Bài tập 6:**  Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:  - Dung lượng đoạn văn từ 8 - 10 dòng; đảm bảo hình thức đoạn văn.  - Nội dung của đoạn văn: sáng tỏ chủ đề: *Mùa thu trong thơ Nguyễn Khuyến luôn mang một nỗi buồn man mác như chính nỗi niềm của tác giả về đất nước, về thời cuộc.*  HS giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở một câu văn trong đoạn văn. |

**PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên:…………………………………………………….. Lớp:……………  **BẢNG KIỂM ĐOẠN VĂN VÀ GIẢI THÍCH**  **CÁCH SẮP XẾP TRẬT TỰ TỪ Ở MỘT CÂU VĂN**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 8 – 10 dòng. |  | | **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: *Mùa thu trong thơ Nguyễn Khuyến luôn mang một nỗi buồn man mác như chính nỗi niềm của tác giả về đất nước, về thời cuộc.* |  | | **3** | Đoạn văn đảm bảo đúng trật tự từ ở các câu văn; đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  | | **5** | Giải thích hợp lí cách sắp xếp trật tự từ ở một câu văn trong đoạn văn vừa viết. |  | |

**DẠY HỌC VIẾT**

**VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

*Thời gian thực hiện: 3 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Biết viết văn bản báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề từ các nội dung đã học hoặc từ cuộc sống.

**2. Về phẩm chất**

Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; yêu thích việc nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu*: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chiếu video **“5 lợi ích của nghiên cứu khoa học”** cho HS:  <https://www.youtube.com/watch?v=Qj-docGKgGY>   * GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu những lợi ích của nghiên cứu khoa học được nhắc đến trong video?   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày.  - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV dẫn dắt vào bài: *Để có cuộc sống hiện đại, văn minh như ngày hôm nay là sự cống hiến miệt mài của những nghiên cứu khoa học của con người. Là thế hệ trẻ chúng ta cần hiểu rõ những cái hay, những mặt tích cực mà nghiên cứu khoa học đem lại từ khi còn ở nhà trường để sau này đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Bài học ngày hôm nay sẽ cung cấp cho chúng ta những kiến thức cơ bản, nền tảng để tạo nên một bản báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.* | Câu trả lời phù hợp của HS |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* Giúp học sinh hình thành kiến thức, kĩ năng viết bài báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu về bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi: Em hiểu thế nào là viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề là viết thu hoạch sau khi nghiên cứu về một đề tài đã được thực hiện |
| ***GV hướng dẫn HS phân tích mẫu***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc bài báo cáo  Phân tích mẫu Nhan đề báo cáo  - GV mời 1 số HS trình bày nội dung đã chuẩn bị ở nhà. GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS.  - GV yêu cầu HS đọc phần Định hướng, trả lời câu hỏi bên phải SGK  - Trả lời nhanh các bước nghiên cứu khoa học trong bài mẫu:  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | ***1. Phân tích mẫu***  **Nhan đề báo cáo:**  Thực trạng và giải pháp phát triển văn hóa đọc của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.  **Phần tóm tắt**  - Mô tả vắn tắt vấn đề và kết quả của bài báo cáo.  **Nội dung chính nêu trong đoạn giới thiệu**  - Cho biết vấn đề nghiên cứu là vấn đề gì và giới thiệu các thông số nghiên cứu  **Trích dẫn:** quan điểm về văn hóa đọc của các nhà nghiên cứu khoa học  - Ứng xử, giá trị và chuẩn mực gồm ba thành phần: thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc (Viêm, 2009).  - Bùi Văn Vượng coi thuật ngữ “văn hóa đọc là đọc sách có văn hóa, hay xây dựng một xã hội đọc sách” (trích bởi Đan Sơn, 2006)  - Nhà ngôn ngữ học Phạm Văn Tình “Văn hóa đọc là đọc sao cho hợp với quy luật tiếp cận tri thức” (trích bởi Phan Hùng Sơn, 2012).  - Trần Thị Minh Nguyệt (2006), cho rằng văn hóa đọc không chỉ là đọc gì mà còn là, và chủ yếu là, đọc như thế nào, lĩnh hội và cảm thụ nội dung sách ở mức độ nào, đồng thời bao hàm cả thái độ ứng xử với sách báo của người đọc.  **Cách trích dẫn:** Tên, tài liệu, quan điểm nghiên cứu, năm xuất bản tài liệu của các nhà khoa học.  **Phương pháp nghiên cứu.**  - Áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tác giả tổng quan các nghiên cứu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, thu thập dữ liệu thứ cấp. Đồng thời, sử dụng kết hợp phương pháp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn trực tiếp. Khảo sát được tiến hành với mẫu là 300 sinh viên đang theo học các chuyên ngành đại học các khóa khác nhau tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội và được lựa chọn ngẫu nhiên. Phiếu điều tra bằng bảng hỏi được phát trực tiếp tới sinh viên đến đọc tại thư GV hướng dẫn HS kết luận về bài báo cáo nghiên cứu về một vấn đề  - Khái niệm  - Thao tác tiến hành  Chú ý: Lập dàn ý viện và trên giảng đường và thu về 224 phiếu hợp lệ. Phần mềm Excel được sử dụng để xử lý các dữ liệu sau khi thu thập được.  **Tiêu đề nhỏ:**  + Nhu cầu đọc  + Thói quen đọc  + Nguồn tài liệu  + Nhu cầu và hứng thú đọc  - Bảng số liệu: thống kê lại nhu cầu đọc và hứng thú đọc  - Kết quả khảo sát trên cho thấy, sinh viên vẫn chưa có phương pháp đọc khoa học, hiệu quả.  **Nội dung kết luận**  - Đây là phần cốt lõi, quan trọng nhất của báo cáo.  - Trình bày tất cả những gì mà đã làm được, đã tìm được.  Tài liệu tham khảo  - Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC theo tên tác giả:   * Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ; * Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ; * Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC mẫu tự đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, *ví dụ*: Viện Thông tin Khoa học xã hội xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B …).   ***2. Kết luận chung***  Thao tác tiến hành (phần b/SGK)  - Lựa chọn vấn đề  - Tiến hành nghiên cứu theo quy trình :  + Xác định mục đích và cách thức nghiên cứu  + Thu thập và lựa chọn tài liệu  + Ghi chép, sử dụng công cụ tra cứu : từ điển, sách, báo, Internet…  + Tổng hợp kết quả nghiên cứu  - Lập dàn ý:  a. Phần mở đầu:  + Nêu vấn đề  + Lí do, mục đích và phương pháp nghiên cứu  b. Phần nội dung  + Nội dung : Trình bày các kết quả nghiên cứu về đề tài đã chọn. Triển khai các lí lẽ, dẫn chứng, lập luận…  + Cách trình bày  + So sánh giữa các vấn đề được tìm hiểu  c. Phần kết luận  + Khái quát ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề đã trình bày  + Nêu đề xuất, khuyến nghị |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu*: Giúp HS thực hành luyện tập và biết vận dụng kiến thức, kỹ năng để viết bài báo cáo và thực hiện vào các bài tập.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc đề văn và phần hướng dẫn quy trình viết theo 4 bước trong SGK.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | HS nắm được yêu cầu của bài thực hành |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thực hành theo quy trình 4 bước:  a) Chuẩn bị:  - Yêu cầu HS thực hiện và gọi một số HS trình bày.  - Nhận xét, góp ý.  b) Tìm và lập ý  Yêu cầu HS tìm ý và lập dàn ý theo hướng dẫn của mục b) và chia sẻ  - Nhận xét và góp ý  c) Viết  - Tổ chức cho HS viết bài theo hướng dẫn ở mục c) | a) Chuẩn bị.  Sản phẩm: Phần ghi ra vở theo yêu cầu và ảnh (nếu có). VD:…  b) Tìm ý và lập dàn ý theo hướng dẫn của mục và chia sẻ.  Sản phẩm: Dàn ý của bài viết  c) Viết bài. Sản phẩm: bản thảo bài viết. |
| Đề bài. ***Em hãy viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đặc điểm hình thức thơ Đường luật qua một số bài thơ trung đại đã học.*** | |
| Dàn ý:  **1. Phần mở đầu**  - Giới thiệu về thơ Đường luật và ý nghĩa của việc tìm hiểu hình thức thơ Đường luật. (*Thơ Đường luật*: còn được gọi với cái tên là thơ luật Đường. Đây là một thể thơ Đường với các luật được xuất hiện từ thời nhà Đường của Trung Quốc, phát triển rất mạnh mẽ ở một số đất nước Đông Á lân cận với tư cách là thể loại thơ tiêu biểu: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam).  **2. Nội dung**  - Giới thiệu các bài thơ Đường luật trung đại đã học và cách phân loại.  - Phân tích bố cục chung của một bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú, các câu đề, thực, luận, kết và vai trò của chúng trong bài thơ. Từ đó, giới thiệu thêm về thơ tứ tuyệt.  - Giới thiệu bố cục, vần, đối, niêm, luật trong thơ Đường luật. (Ví dụ minh họa)  + Bố cục: thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt…  + Vần: thông thường chỉ gieo một vần (vần bằng) ở cuối các câu 12468 ở thơ bát cú, và 124 ở bài thơ tứ tuyệt  + Đối: được sử dụng khá đa dạng và được chú trọng  Vị trí đối: Thường sử dụng trong 2 câu thơ thực, luận trong bát cú, từ đối cùng thể loại (tính, danh, động từ, số từ…) Các cách đối:   * Đối 2 vế trong cùng 1 câu * Đối câu trên và dưới theo từ ngữ, các vế (phổ biến nhất) * Đối giữa 2 câu thực - luận * Các dạng đối ý: đối tương đồng, đối tương phản   + Niêm, luật: theo mô hình (slide trình chiếu)   * Tác dụng của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung: góp phần thể hiện tư tưởng tình cảm của nhân vật trữ tình.   - Thơ Nôm Đường luật  + Khái niệm: Thơ Nôm Đường luật là một thành tựu rực rỡ của thơ ca Việt Nam. Đó là những bài thơ được viết bằng chữ Nôm theo thể Đường luật (gồm cả những bài thơ theo thể Đường luật hoàn chỉnh và cả những bài theo thể Đường luật phá cách).  + Thời gian hình thành: Thơ Nôm Đường luật ra đời từ thế kỉ XIII, cuối thời nhà Lý đầu thời nhà Trần sau sự xuất hiện của chữ Nôm.  (Tiên phong: Nguyễn Thuyên (hay Hàn Thuyên) - nhà Trần thế kỉ 13)  + Đặc trưng: Sự kết hợp hài hòa giữa “yếu tố Nôm” Việt hóa của dân tộc đời sống quen thuộc, và “yếu tố Đường luật” như niêm, luật, đối. Hai yếu tố này đan xen vào nhau tạo nên giá trị của mỗi tác phẩm thơ Nôm Đường luật.  **3. Phần kết luận**  - Khái quát, tổng hợp lại vấn đề đã trình bày | |
| d) Kiểm tra và chỉnh sửa: Nội dung theo Phiếu.  - HS sử dụng Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa ở Phụ lục.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi 1 số HS trình bày nội dung chỉnh sửa theo Phiếu và rút kinh nghiệm chung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - HS nghe và ghi chép thêm các lưu ý của GV. |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a.Mục tiêu:*Vận dụng kiến thứckỹ năng để viết bài báo cáo và thực hiện vào bài viết.

*b. Tổ chức thực hiện*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành bài viết: ***Báo cáo tình trạng nghiện Internet với học sinh trong môi trường THPT.***  - HS tiến hành bài viết tại nhà theo quy trình 4 bước:  a) Chuẩn bị:  - HS thực hiện  - Nhận xét, góp ý.  b) Tìm và lập ý  HS tìm ý và lập dàn ý theo hướng dẫn của mục b)  c) Viết  - HS viết bài theo hướng dẫn ở mục c)  d) Kiểm tra và chỉnh sửa  Sản phẩm: Nội dung theo Phiếu giống bài phần Luyện tập.  - HS sử dụng Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa ở Phụ lục.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | Gợi ý:  1. Mở đầu:  - Giới thiệu về hiện tượng nghiện Internet trong học sinh THPT  2. Nội dung  - Giải thích: Internet là gì? là một loại phương tiện công nghệ của xã hội. Tại đó, con người có thể trao đổi thông tin, tìm kiếm thông tin, dùng nó cho nhiều mục đích khác nhau.  - Phân tích thực trạng:  - Nó trở thành một căn bệnh khó chữa của giới trẻ hiện nay  + Quên ăn, quên ngủ, xao nhãng trong mọi công việc  + Nhiều người trẻ hiện nay lâm vào tình trạng nghiện game.  + Đưa ra các số liệu thống kê.  - Nguyên nhân: Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học.  - Hậu quả:  + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau...  + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ...  - Biện pháp: Cần định hướng đúng đắn cho giới trẻ về Internet để tận dụng lợi ích của nó mang lại.  3. Kết thúc  - Mở rộng, kết luận lại vấn đề.  - Suy nghĩ bản thân, thông điệp cho xã hội |

PHỤ LỤC

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT THEO TIÊU CHÍ:**  **VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ**   * **Nhiệm vụ: Em hãy rà soát lại bài viết theo những tiêu chí và mức độ chỉnh sửa ở các cột** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Tiêu đề | Không có tiêu đề | Có tiêu đề nhưng chưa sát với yêu cầu | Tiêu đề đầy đủ, chính xác. |
| 2. Phần mở đầu | Chưa nếu vấn đề, mục đích nghiên cứu | Nêu một số vấn đề và lí do nghiên cứu | Nêu đầy đủ vấn đề và mục đích nghiên cứu |
| 2. Nội dung bài viết | Thiếu nội dung | Nêu được tương đối đầy đủ nội dung, có một vài quan điểm cá nhân. | Nội dung nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc, có quan điểm mới mẻ; trích dẫn đa dạng ý kiến người khác về thơ Đường luật. |
| 3. Giọng nói | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Phần kết luận không? | Chưa khái quát ý nghĩa nghĩa vấn đề. | Khái quát tương đối đủ ý nghĩa. | Khái quát đầy đủ về bài báo cáo |
| 5. Lỗi về hình thức trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt | Bài viết mắc nhiều lỗi trình bày, chính tả và diễn đạt. | Mắc một số lỗi chính tả và trình bày. | Không mắc lỗi hình thức trình bày, lỗi diễn tả và dùng từ. |
| **TỔNG: ................/10 ĐIỂM** | | | |

**DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**-** Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, *năng lực giao tiếp và hợp tác*, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Biết trình bày một báo cáo kết quả nghiên cứu.

**2. Về phẩm chất**

Trân trọng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, tâm sự và sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ trung đại; yêu thích việc nghiên cứu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, …

- Sách giáo khoa, sách giáo viên *Ngữ văn 10* - Tập 1.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó.

*b. Tổ chức thực hiện:*

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS chia sẻ kinh nghiệm nói và nghe rút ra sau bài *Thuyết trình về một vấn đề xã hội* ở bài học 1.

|  |  |
| --- | --- |
| **Kinh nghiệm nói** | **Kinh nghiệm nghe** |
| ……………………………………..  …………………………………….. | ……………………………………..  …………………………………….. |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

* HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
* GV động viên

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV gọi HS phát biểu, chia sẻ ý kiến.
* HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học nói và nghe hôm nay**: *Những kinh nghiệm về kĩ năng nói và nghe mà các em đã được học trong bài học 1 sẽ tiếp tục được củng cố trong tiết học hôm nay khi các em học cách trình bày một báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động: Tìm hiểu các yêu cầu của bài nói trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề**

*a. Mục tiêu:* HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của việc trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề?*  *+ Theo em, trong bài nói trình bày báo cáo, người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?*  *+ Để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề, các em cần thực hiện những yêu cầu gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần *Định hướng* trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **I. Tìm hiểu chung về cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu một vấn đề**  **1. Định nghĩa**: Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề là giới thiệu, thuyết trình trước người nghe về một vấn đề đã được nghiên cứu, tìm hiểu.  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề, các em cần:  - Xác định rõ người nghe là ai để có cách trình bày phù hợp.  - Hiểu rõ nội dung vấn đề để có thể trình bày một cách tự tin, rõ ràng, chính xác…  - Xác định thời lượng trình bày báo cáo. Chuẩn bị dàn ý thuyết trình và các thiết bị hỗ trợ (hiện vật, tranh ảnh, bảng biểu, máy chiếu…)  - Biết trình bày vấn đề theo thứ tự 3 phần: mở đầu, nội dung và kết thúc.  **-** Sử dụng ngôn ngữ kết hợp nét mặt, ánh mắt, giọng điệu… phù hợp với nội dung bài thuyết trình.  - Tiến hành việc chuẩn bị (có thể chuẩn bị theo nhóm; tìm hiểu tài liệu trên sách, báo, Internet…) và dự kiến các câu hỏi mà người nghe có thể đặt ra khi thảo luận. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

*a. Mục tiêu*: HS thực hành kĩ năng nói và nghe: trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề.

*b. Tổ chức thực hiện:*

**Bài tập: *Em hãy trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về vấn đề đặc điểm hình thức thơ Đường luật qua một số bài thơ trung đại đã học.***

**\* GV hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của thực hành nói và nghe trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI**  **a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài thuyết trình, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  *- Vấn đề thuyết trình của bài nói là gì?*  *- Người nghe là ai?*  *- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói?*  *- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?*  *- Em dự định lựa chọn hình thức thuyết trình nào?*  *- Nếu bài báo cáo nghiên cứu là sản phẩm của nhóm thì các thành viên thảo luận để thống nhất về nội dung trình bày; có thể phân chia nội dung thuyết trình (nhiều người cùng tham gia thuyết trình báo cáo).*    **Hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình**  (Dựa vào cách tìm ý và lập dàn ý của nội dung *Viết* đã học tiết trước).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình về một vấn đề xã hội.  - Sau khi lập dàn ý xong, HS có thể tập thuyết trình trước bằng cách:  + Đứng trước gương để tập thuyết trình (nếu chuẩn bị ở nhà)  Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  HS có thể nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau.  + Tập thuyết trình bài nói cho bạn bên cạnh nghe, góp ý lẫn nhau.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ** | **II. Thực hành**  **Bước 1. Chuẩn bị**  **-** Vấn đề thuyết trình: trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về vấn đề đặc điểm hình thức thơ Đường luật qua một số bài thơ trung đại đã học.  - Người nghe: cô (thầy) giáo và các bạn trong lớp.  - Không gian: lớp học  - Thời gian: khoảng 3- 5 phút  - Hình thức thuyết trình:lời nói kết hợp với trình chiếu slide, kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thống kê... (nếu có) để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt… cho phù hợp với nội dung thuyết trình.  - Chuẩn bị nội dung trình bày:  + Xem lại dàn ý và bài báo cáo đã hoàn thành ở phần *Viết*. Chỉnh sửa bài báo cáo thành văn bản phù hợp để trình bày trong buổi thuyết trình.  + Tập đọc diễn cảm các bài thơ Đường luật đã học để làm dẫn chứng.  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý**  HS xem lại và bổ sung, chỉnh sửa dàn ý ở phần *Viết* cho phù hợp với bài thuyết trình. |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **a. Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm thuyết trình báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề trước tập thể lớp.  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần trình bày của các HS trong lớp.  Đại diện HS của nhóm 1 (tổ 1+2) và nhóm 2 (tổ 3+4) trình bày bài thuyết trình trước lớp. Những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào **phiếu đánh giá bài nói** cho bạn (mẫu phía trên)   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận.**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **Bước 3: Thực hành nói và nghe**  **\* Thuyết trình: trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề.**  **\* Yêu cầu chung:**  **- Người nói:**  + Trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị.  + Nói rõ ràng, âm lượng phù hợp; tránh đọc bài viết đã chuẩn bị sẵn; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ đi kèm (điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; hình ảnh, sơ đồ minh hoạ…); đảm bảo thời gian quy định.  + Đảm bảo sự thống nhất giữa giữa nội dung với hình thức; các phương tiện hỗ trợ thuyết trình phù hợp. Chú ý cách diễn đạt tạo sự hấp dẫn về vấn đề thảo luận,…  + Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có)  **- Người nghe:**  + Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài thuyết trình, những nội dung cần trao đổi thêm.  + Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  + Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan niệm cá nhân về nội dung của bài thuyết trình. |
| **TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN LỚP VỀ BÀI NÓI**  **a. Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi thực hiện bài nói thuyết trình trước tập thể**.**  **b. Tổ chức thực hiện:** | |
| **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  - Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài thuyết trình trước lớp của bạn. Những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói của bạn.  - HS cả lớp tự đánh giá kĩ năng nói và kĩ năng nghe của bản thân dựa theo bảng gợi ý SGK trang 39.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ** | **III. Đánh giá, thảo luận**  \* **Bảng kiểm đánh giá bài nói của bạn theo tiêu chí.**  **\* Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình:** | | | + Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | + Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | + Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | * **Đánh giá chung:** | | | + Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì? |  | | + Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? |  |   **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | * **Kiểm tra kết quả nghe:** | | | + Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  | | + Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề của bạn? |  | | * **Rút kinh nghiệm về thái độ nghe:** | | | + Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa? |  | | + Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS về nhà thực hiện bài trình bày báo cáo nghiên cứu về vấn đề: ***Nghiện Internet của học sinh trong nhà trường THPT.***

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm bài tập tại nhà

- GV động viên, khuyến khích, giải đáp thắc mắc cho HS (nếu có).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo kết quả trong buổi tiết tăng cường, ôn tập.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**PHỤ LỤC**

**Phiếu học tập**

|  |
| --- |
| Tên:...................................................................................... Lớp:...............................  **PHIẾU HỌC TẬP** |

**Bảng kiểm đánh giá bài nói**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH THEO TIÊU CHÍ:**  **TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ** | | | |
| Người thuyết trình:…………………………………..  Người nhận xét:………………………………………. | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Nội dung bài thuyết | Nôi dung sơ sài, chưa nêu được đầy đủ các kết quả nghiên cứu làm sáng tỏ vấn đề cho người nghe hiểu; chưa trích dẫn được ý kiến người khác về thơ Đường luật. | Nêu được đầy đủ các kết quả nghiên cứu để người nghe hiểu được vấn đề; trích dẫn được một vài ý kiến người khác về thơ Đường luật. | Các kết quả nghiên cứu đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục, có quan điểm, suy nghĩ mới mẻ; trích dẫn đa dạng ý kiến người khác về thơ Đường luật. |
| 2. Phong thái | Không tự tin, rụt rè. | Đã mạnh dạn trình bày bài nói nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên, thiếu tương tác với người nghe. | Tương tác, giao lưu tốt với người nghe. |
| 3. Giọng nói | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ: yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) kết hợp hình ảnh, sơ đồ minh hoạ,… | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **TỔNG: ................/10 ĐIỂM** | | | |

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**TỎ LÒNG (Thuật hoài)**

1. TRƯỚC GIỜ HỌC: HS làm bài tự đánh giá ở nhà.

2. TRONG GIỜ HỌC

- GV tổ chức chữa bài và rút kinh nghiệm chung.

- Hướng dẫn HS tự đánh giá theo yêu cầu cần đạt của bài học.

**\* Nhiệm vụ 1: Thực hành phần Tự đánh giá**

(Trang 60/SGK Ngữ văn 10 Cánh diều tập 1).

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**   * **Thảo luận theo cặp:**   **+** Các cặpthảo luận, trả lời ra phiếu Học tập:Trả lời câu 1 đến câu 5 bằng cách chọn 1 đáp án:   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | **1** |  | | **…** |  | | **5** |  |  * **Thảo luận nhóm:**   + Nhóm 1, 2: Câu 6  + Nhóm 3: Câu 7  + Nhóm 4: Câu 8, 9  Thảo luận trong 05 phút, sau đó các nhóm cử đại diện thuyết trình.   * **Cá nhân tự trả lời:**   Câu 10: Hãy hình dung và vẽ hoặc miêu tả bằng lời hình ảnh “trang nam nhi” với “hào khí Đông A” (hào khí thời Trần) trong bài thơ *Tỏ lòng*.  **Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | Tìm hiểu văn bản **“*Tỏ lòng” (Thuật hoài –* Phạm Ngũ Lão*)* - trang 60 – SGK**   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | 1 | A). Hoành sóc | | 2 | C). Trào phúng | | 3 | C). Đây là bài thơ Đường luật tứ tuyệt viết bằng chữ Hán. | | 4 | A). Là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt | | 5 | D). Thể hiện khí thế làm chủ non sông đất nước và khát vọng lập công danh của “trang nam nhi” thời Trần. |   **Câu 6: Phân tích vẻ đẹp của “trang nam nhi” và hình ảnh quân đội nhà Trần được thể hiện trong hai câu đầu bài thơ “Tỏ lòng”:**  **Gợi ý: Hình tượng trang nam nhi nhà Trần:**  + Hành động: *hoành sóc* - cầm ngang ngọn giáo  -> Tư thế hiên ngang, hùng dũng, oai nghiêm, mạnh mẽ, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lập nên những chiến công vang dội.  + Không gian kì vĩ: *giang sơn* - non sông  -> Không gian rộng lớn, mênh mông, nó không đơn thuần là sông, là núi mà là giang sơn, đất nước, Tổ quốc.  => Tầm vóc những người tráng sĩ ấy sánh với núi sông, đất nước, với tầm vóc hùng vĩ của vũ trụ.  + Thời gian kì vĩ: *kháp kỉ thu* – đã mấy thu  -> Thời gian dài đằng đẵng, không biết đã bao nhiêu mùa thu, bao nhiêu năm đi qua, thể hiện quá trình đấu tranh bền bỉ, lâu dài.  => Chính thời gian, không gian đã nâng cao tầm vóc của người anh hùng vệ quốc, họ trở nên lớn lao kì vĩ, sánh ngang tầm vũ trụ, trời đất, bất chấp sự tàn phá của thời gian họ vẫn luôn bền bỉ cùng nhiệm vụ.  \***Sức mạnh của quân đội nhà Trần:**  + “Tam quân”: Ba quân – tiền quân, trung quân, hậu quân - quân đội của cả đất nước, cả dân tộc cùng nhau đứng lên để chiến đấu. Hình ảnh chỉ quân đội nhà Trần.  + “tì hổ”, khí thôn ngưu”:   * “tì hổ” – hổ báo: Tì là loài thú lai giống cọp và beo, hổ là cọp, "tì hổ" chỉ loài mãnh thú chốn rừng sâu dũng mãnh. -> So sánh thể hiện sự dũng mãnh của quân đội nhà Trần. * “Khí thôn ngưu”: Là biểu tượng chỉ người trẻ tuổi mà khí phách anh hùng, mạnh mẽ lấn át cả trời cao, cả không gian vũ trụ bao la, rộng lớn -> Ngụ ý quân đội nhà Trần bừng bừng khí thế chiến đấu và chiến thắng.   -> Lời thơ ước lệ, hào tráng, hình ảnh kì vĩ, toát lên khí thế ngất trời của quân đội đời Trần qua ba lần chiến thắng bọn xâm lược Mông Nguyên.  => Với các hình ảnh so sánh, phóng đại, tác giả đã thể hiện sự ngợi ca, tự hào về sức mạnh, khí thế của quân đội nhà Trần đập tan âm mưu xâm lược của kẻ thù.  **Câu 7: Nợ công danh là gì? Nêu ý nghĩa tích cực của quan niệm này trong thời Trần và đối với tuổi trẻ ngày nay?**  ***\*Nợ công danh****:* Theo quan niệm nhà Nho, đây là món nợ lớn mà một trang nam nhi khi sinh ra đã phải mang trong mình.  Nó gồm hai phương diện: Lập công (để lại chiến công, sự nghiệp), lập danh (để lại danh thơm cho hậu thế). Kẻ làm trai phải làm xong hai nhiệm vụ này mới được coi là trả món nợ.  **\*Ý nghĩa tích cực của quan niệm về chí làm trai:** kẻ làm trai phải trả món nợ công danh với đời là:  - Trong thời Trần: Quan niệm chí làm trai có tác dụng cỗ vũ cho con người sẵn sàng chiến đấu giành lại hòa bình cho đất nước.  - Thời đại ngày nay: Quan niệm này cũng vẫn mang ý nghĩa tích cực với thế hệ trẻ. Tuổi trẻ ngày nay, không phân biệt nam hay nữ, hãy đem hết bầu nhiệt huyết, sức trẻ, tài năng của mình để học tập, lao động và cống hiến, xây dựng đất nước…  **Câu 8: Nêu cách hiểu về câu thơ: “*Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu*”**  **Gợi ý :** Câu thơ là tâm sự về nỗi thẹn của tác giả Phạm Ngũ Lão. Theo quan niệm của Phạm Ngũ Lão, làm trai mà chưa trả được nợ công danh “thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu”:   * Thẹn: cảm thấy xấu hổ, thua kém với người khác * Chuyện Vũ Hầu: tác giả sử dụng tích về Khổng Minh - tấm gương về tinh thần tận tâm tận lực báo đáp chủ tướng. Hết lòng trả món nợ công danh đến hơi thở cuối cùng, để lại sự nghiệp vẻ vang và tiếng thơm cho hậu thế.   => Nỗi thẹn của Phạm Ngũ Lão hết sức cao cả của một nhân cách lớn - một con người “cắt ngang ngọn giáo”, xông ra giữa trận tiền chống giặc suốt mấy thu rồi không nhớ nữa. Thế mà PNL vẫn nghĩ mình chưa làm tròn trách nhiệm, còn nợ với đất nước; vẫn thấy “thẹn” khi nghĩ mình công danh chưa bằng được Vũ hầu.  => Nối thẹn thể hiện khát khao, hoài bão hướng về phía trước để thực hiện lí tưởng, đánh thức ý chí làm trai, chí hướng lập công cho các trang nam tử.  **Câu 9: Lí tưởng và khát vọng của chủ thể trữ tình đã được thể hiện như thế nào ở hai câu cuối của bài thơ?**  **Gợi ý :** Với việc sử dụng điển cố điển tích, hai câu thơ cuối đã thể hiện tâm tư và khát vọng lập công của Phạm Ngũ Lão. Đó chính là khát vọng, lí tưởng lớn lao muốn được phò vui giúp nước. Qua đó, người đọc thấy được thái độ khiêm nhường, ý nguyện cháy bỏng được giết giặc, lập công đóng góp vào sự nghiệp chung.  **Câu 10: Hãy hình dung và vẽ hoặc miêu tả bằng lời hình ảnh “trang nam nhi” với “hào khí Đông A” (hào khí thời Trần) trong bài thơ *Tỏ lòng.***   * HS tự làm * GV có thể chia ra: nửa lớp vẽ; nửa lớp viết đoạn văn miêu tả bằng lời hình ảnh “trang nam nhi” với hào khí Đông A thời Trần. |

\****Rubric đánh giá sản phẩm ở câu hỏi 10:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Vẽ tranh về hình ảnh “trang nam nhi” thời Trần trong bài thơ *Tỏ lòng* (Phạm Ngũ Lão) **(10 điểm)** | Các nét vẽ chưa đẹp, còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  ( dưới 5 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng chưa thật phong phú về chi tiết  (5-7 điểm) | Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  (8 -10 điểm) |
| Đoạn văn miêu tả bằng lời hình ảnh “trang nam nhi” thời Trần trong bài thơ *Tỏ lòng* (Phạm Ngũ Lão) **(10 điểm)** | Đoạn văn miêu tả đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung, mắc nhiều lỗi diễn đạt, chính tả  ( 5 – 6 điểm) | Đoạn văn miêu tả tương đối đầy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, còn mắc một số lỗi về diễn đạt, chính tả. (7 – 8 điểm) | Đoạn văn miêu tả đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn dạt sinh động, không mắc lỗi chính tả.  (9 - 10 điểm) |

**Nhiệm vụ 2: Lập bảng thống kê theo mẫu:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên yêu cầu HS hoàn thành bảng sau (về nhà):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| *Cảm xúc mùa thu (Thu hứng –* Đỗ Phủ*)* |  |  |
| *Tự tình (*bài 2 – Hồ Xuân Hương*)* |  |  |
| *Câu cá mùa thu (Thu điếu –* Nguyễn Khuyến*)* |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Tổ chức báo cáo sản phẩm vào tiết học thêm buổi chiều.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM**:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Kí duyệt của TTCM

***Nguyễn Thị Thanh Hương***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THPT Vũ Văn Hiếu** | Họ và tên giáo viên: |
| **Tổ: Khoa học xã hội** | **Phạm Thị Ngọc Mai** |

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

*Thời gian thực hiện: 02 tiết*

Ngày soạn:………………………

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

- Trình bày được các kĩ năng, kiến thức cơ bả đã học trong nửa học kì I: kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các kiến thức tiếng Việt, văn học.

- Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp học sinh tự đánh giá kết quả học tập giữa kì I.

**2. Về phẩm chất:** Trách nhiệm, nhân ái và chăm chỉ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị**: Máy chiếu, máy tính, bảng phụ, thiết kế bài giảng powerpoint, phiếu học tập,…

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 10 tập 1, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề/ Mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời, qua đó, nêu nhiệm vụ học tập.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:  2 đội tham gia (2HS/đội) lần lượt hỏi ngắn – đáp nhanh về thần thoại và sử thi, thơ Đường luật.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày.  - Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và dẫn dắt | - Số lượng câu hỏi – đáp cho mỗi đội: Đủ 6 câu  - Nội dung hỏi – đáp: Đúng 3 nội dung |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

*a. Mục tiêu:* HS nắm được nội dung các văn bản đã học, đặc trưng thể loại được tìm hiểu trong các bài học.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **I. Ôn tập đọc hiểu** | |
| ***Hoạt động 1: Ôn tập đặc điểm thể loại của văn bản***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:  1. Kể tên các văn bản đã học trong bài 1: Thần thoại và sử thi và bài 2: Thơ Đường luật.  2. Kẻ bảng hoặc vẽ sơ đồ về các bài đọc hiểu theo thể loại và kiểu văn bản.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Loại văn bản** | **Thể loại hoặc kiểu văn bản** | **Tên văn bản** | | Văn bản văn học | Thần thoại và sử thi | Hê-ra-clet đi tìm táo vàng | | Chiến thắng Mtao Mxây | | Ra-ma buộc tội | | Thơ Đường luật | Cảm xúc mùa thu (Thu hứng, bài 1) | | Tự tình (bài 2) | | Câu cá mùa thu (Thu điếu) | | Văn bản nghị luận | Nghị luận xã hội | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | | Viết báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề | |
| ***Hoạt động 2: Ôn tập thể loại văn bản***  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, bốc thăm một thể loại văn học và thực hiện yêu cầu: *Kể tên văn bản cho thể loại đó và chỉ ra đặc điểm tiêu biểu cần chú ý khi đọc hiểu mỗi thể loại đó.*  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài, suy nghĩ và trả lời.  - HS thảo luận và trao đổi giữa thành viên các nhóm  **Bước 3: Báo cáo, trả lời**  - GV gọi đại diện HS trình bày. Các HS còn lại theo dõi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **2. Văn bản thần thoại và sử thi**  - HS tự lựa chọn và nêu đặc điểm thể loại qua các văn bản đã học.  **Cách đọc hiểu văn bản thần thoại:**  - Xác định được các sự việc chính, bối cảnh diễn ra những sự việc ấy.  - Chỉ ra được những nhân vật của câu chuyện, đặc biệt là nhân vật chính; phân tích được nhân vật chính.  - Nêu được ý nghĩa của những chi tiết thần kì trong văn bản.  - Nêu được mục đích của văn bản.  - Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã đọc vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn.  **Cách đọc hiểu văn bản sử thi**  - Xác định được những sự kiện trọng đại liên quan đến đời sống cộng đồng được phản ánh qua văn bản.  - Xác định và phân tích nhân vật, đặc biệt là người anh hùng trong văn bản.  - Xác định và nêu ý nghĩa của một số yếu tố nghệ thuật đặc sắc của văn bản.  - Phát hiện và nêu được những bài học, thông điệp mà văn bản muốn thể hiện.  - Liên hệ, so sánh và kết nối. |
|  | **3.  Thể loại văn bản thơ**  - Phân tích ý nghĩa của những nội dung chủ đề đặt ra trong các bài thơ được học.  + Bài *Thu hứng* – Bài 1: bài thơ không chỉ vẽ nên bức tranh mùa thu hiu hắt, mang đặc trưng của núi rừng, sông nước Quỳ Châu mà còn là bức tranh tâm trạng buồn lo của nhà thơ trong cảnh loạn li: nỗi lo cho đất nước, nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi, xót xa cho thân phận mình.  + Bài *Tự tình* – Bài 2: thể hiện tâm trạng, thái độ của Hồ Xuân Hương: vừa đau buồn, vừa phẫn uất trước duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch, đồng thời bài thơ cũng cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nữ sĩ.  + Bài *Thu điếu*: là bức tranh cảnh sắc mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước cùng tâm trạng đau xót của tác giả trước thời thế.  - Những điểm cần chú ý về cách đọc hiểu các văn bản thơ này.  + Chú ý hình thức bên ngoài của thơ: thể thơ, âm, vần, thanh, cách ngắt nhịp, …  + Chú ý đọc kĩ những câu thơ mang tư tưởng tác giả, hoặc câu có nội dung quan trọng. |
| **II. Ôn tập viết** | |
| ***Hoạt động 3: Ôn tập viết bài văn nghị luận xã hội***  ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV nêu câu hỏi:  **Câu hỏi 1:** *Em hiểu thế nào là nghị luận xã hội?*  **Câu hỏi 2:** *Em hãy nêu quy trình làm bài một bài văn nghị luận xã hội.*  **Câu hỏi 3:** *Nêu dàn ý bài viết nghị luận về tư tưởng, đạo lí và nghị luận về hiện tượng đời sống.*  ***Bước 2.*** ***Thực hiện nhiệm vụ học tập:*** HS huy động kiến thức để trả lời câu hỏi  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  + GV yêu cầu HS báo cáo kết quả.  ***Bước 4. Kết luận, nhận định:***  GV đánh giá, góp ý riêng cho từng học sinh để hệ thống lại nội dung kiến thức cơ bản về bài học. | **1. Khái niệm**  - Nghị luận về một vấn đề xã hội có thể bàn luận về một tư tưởng, đạo lí,... nhưng cũng có thể nghị luận về một hiện tượng có thực trong đời sống (con người, sự việc,...) hoặc một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học. Vấn đề xã hội đưa ra bàn luận có thể là hiện tượng tích cực, cũng có thể là hiện tượng tiêu cực hoặc có cả hai. Như thế đòi hỏi người viết cần thể hiện được quan điểm của mình, từ đó phân tích, biểu dương cái tốt, cái đẹp và lên án, phê phán cái sai, vạch trần cái xấu, cái ác,...; nêu lên hướng khắc phục, giúp người đọc hiểu và làm theo cái đúng, có nhận thức và hành động tích cực,...  **2. Cách làm bài**  ***a. Chuẩn bị***  ***b.*** ***Tìm ý và lập dàn ý***  - Tìm ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi  - Lập dàn ý bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý tìm theo thành 3 phần MB, TB, KB.  ***c. Viết***  ***d. Kiểm tra và chỉnh sửa***  **3. Dàn ý**  ***a. Nghị luận về tư tưởng, đạo lí***  ***1- Mở bài:*** dùng tư tưởng đạo lý làm câu chốt/Gián tiếp  ***2- Thân bài:***  *- Giải thích*:  + Tìm và giải thích từ khóa (nghĩa đen và nghĩa bóng)  + Giải thích cả câu (cả đoạn, cả tư tưởng đạo lý)  *- Phân tích, chứng minh:*  + Để phân tích: tự đặt và trả lời câu hỏi vì sao (có thể 1 hoặc nhiều câu)  + Để chứng minh: lấy **dẫn chứng** trong thực tế đời sống (không nên lấy trong văn học, dẫn chứng nhiều người biết).  *- Bình luận*:  + Nêu rõ tư tưởng đó đúng hay sai?  + Mở rộng để đánh giá vấn đề một cách sâu sắc hơn  + Phản đề: Lật ngược lại vấn đề để mở rộng đánh giá (đề nói về hiện tượng tốt thì thấy xã hội hiện nay còn có những điều trái ngược cần phê phán. Đề nói về hiện tượng xấu nhưng trong xã hội còn có nhiều điều tốt cần nhân rộng)  *- Bài học nhận thức và hành động*  ***3- Kết bài***: Khẳng định vấn đề và liên hệ  ***b. Nghị luận về hiện tượng, đời sống***  ***1- Mở bài:*** Lấy hiện tượng làm câu chốt  ***2- Thân bài:***  *- Giải thích*:  + Nếu có khái niệm  + Nêu rõ hiện trạng (hiện tượng này diễn ra trong đời sống như thế nào? phổ biến hay cá biệt?)  *- Phân tích và bình luận*  + Đặt ra các câu hỏi: đúng ở đâu? sai ở đâu? lợi ở đâu? hại ở đâu?  ***Thông thường: đúng đi với lợi, sai đi với hại***  *- Chỉ ra nguyên nhân*.  + Đặt ra hai câu hỏi: nguyên nhân là gì? Trách nhiệm thuộc về ai?  *- Chỉ ra hậu quả, tác hại của hiện tượng đời sống*  + Hậu quả với cộng đồng, xã hội và hậu quả với cá nhân  ***-*** *Thái độ và giải pháp:*  Thái độ (tán thành hay phản đối) và ý kiến (nêu giải pháp để khắc phục)  + Giải pháp về phía cơ quan chức năng  + Giải pháp về phía cá nhân  ***3- Kết đoạn/bài***: Khẳng định vấn đề và liên hệ |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Hướng đến mục tiêu HS biết làm các câu hỏi trắc nghiệm về bài học, nâng cao kiến thức làm bài đọc hiểu.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS đọc và hoàn thành đề sau:  **PHẦN I. ĐỌC HIỂU. Đọc văn bản:**  **Tự tình (III)**  *Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh,* *Giữa dòng ngao ngán nỗi lênh đênh.* *Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng,* *Nửa mạn phong ba luống bập bềnh.* *Cầm lái mặc ai lăm đỗ bến,* *Giong lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh.* *Ấy ai thăm ván cam lòng vậy,* *Ngán nỗi ôm đàn những tấp tênh.*  ***(***Lữ Huy Nguyên tuyển chọn và giới thiệu*,Thơ Hồ Xuân Huơng* - NXB Văn học, Hà Nội,1993,)   |  |  | | --- | --- | | **Câu 1*.*** Bài thơ *Tự tình III* thuộc thể thơ nào sau đây?  A. Thất ngôn tứ tuyệt. B.Thất ngôn bát cú Đường luật.  C. Thơ tự do. D. Thất ngôn trường thiên. | **B** | | **Câu 2.**(0,5 điểm) Từ *Chiếc bách* trong câu thơ thứ nhất chỉ:  A. Chiếc thuyền. B. Chiếc bánh.  C. Một trăm thuyền. D. Cánh bèo. | **A** | | **Câu 3.** Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?  *Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng,*  *Nửa mạn phong ba luống bập bềnh.*  A. So sánh. B. Đảo ngữ. C. Nhân hóa. D. Nói quá. | **B** | | **Câu 4.** Bài thơ viết về đề tài gì?  A. Người phụ nữ. B. Người phụ nữ trong xã hội ngày nay.  C. Người nông dân trong xã hội xưa. D. Người nông dân trong xã hội nay. | **A** | | **Câu 5.** Từ *lênh đênh* trong câu thơ**“***Giữa dòng ngao ngán nỗi lênh đênh”* có nghĩa gì?  A.Tâm trạng bất ổn của con người.  B. Số phận trôi nổi của người phụ nữ trên dòng nước, không biết sẽ đi đâu về đâu.  C. Bập bềnh trôi dạt của con thuyền trên dòng nước mênh mông.  D. Sự bấp bênh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. | **B** | | **Câu 6.** Nội dung của bài thơ là:  A. Tố cáo giai cấp thống trị trong xã hội phong kiến xưa.  B. Tâm trạng đau buồn của nhân vật trữ tình.  C. Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ  D. Tất cả các ý trên. | **D** | | **Câu 7**. Nêu tác dụng của những từ láy trong bài thơ?  - Các từ láy được sử dụng trong bài thơ: *nổi nênh, ngao ngán, lênh đênh, lai láng, bệp bềnh, tấp tênh*  - Tác dụng:  + *lai láng*: nhấn mạnh tình cảm dào dạt, tràn đầy trong lòng nữ sĩ  + *nổi nênh, ngao ngán, lênh đênh, bệp bềnh, tấp tênh*: nhấn mạnh thân phận trôi nổi, bấp bênh và tâm trạng ngao ngán, chán chường của người phụ nữ trước nghịch cảnh trớ trêu. | | | **Câu 8**. Cảm nhận tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ Tự tình III.  - Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ là vừa buồn chán, phẫn uất trước những ngang trái cuộc đời; vừa muốn gắng gượng vươn lên vừa phải cam chịu chấp nhận.  - Đằng sau tâm trạng bi kịch ấy là khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nữ sĩ nói riêng và người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói chung. | | | **Câu 9*.*** Hãy viết đoạn văn khoảng 5-7 dòng về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.  - HS tự chọn hình ảnh phân tích nhưng đoạn văn phải đảm bảo:  + Hình thức.  + Nội dung, đặc biệt phải phân tích ý nghĩa hình ảnh một cách thuyết phục. | |   **PHẦN II. VIẾT**  Từ thân phận người phụ nữ trong bài thơ “Tự tình III” của Hồ Xuân Hương, anh/chị hãy viết một bài văn theo chủ đề VƯỢT LÊN SỐ PHẬN.   |  | | --- | | **I. Mở bài:**  - Giới thiệu chủ đề vượt lên số phận: Người phụ nữ xưa nói riêng, con người nói chung do nhiều lí do khác nhau đều có thể bị rơi vào những hoàn cảnh éo le, ngang trái. Khi đó, con người cần phải biết vượt lên số phận. | | **II. Thân bài:**  ***1. Giải thích***  - Vượt lên số phận là dũng cảm vượt qua mọi khó khăn, nghịch cảnh trong cuộc sống, luôn cố gắng, nỗ lực hoàn thiện bản thân, biến những khiếm khuyết của bản thân thành điểm mạnh, thay đổi cuộc sống của mình theo hướng tốt đẹp hơn.  ***2. Phân tích, chứng minh.***  *a. Vì sao phải vượt lên số phận*  - Vì rơi vào hoàn cảnh không may, phải chịu những nỗi đau thể xác và tinh thần thì con người luôn mong muốn thoát khỏi tình trạng đó để vươn lên.  - Cần vượt lên hoàn cảnh, thay đổi cuộc đời của chính mình vì gia đình, người thân và vì một cuộc sống tốt đẹp hơn.  *b. Dẫn chứng*  - Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký bị bại liệt cả hai tay, thuở đi học thường bị bạn bè chê cười nhưng thầy đã dùng đôi chân của mình để "viết số phận".  - Anh Nguyễn Sơn Lâm là người mắc hội chứng loãng xương từ nhỏ, bị teo cả hai chân nhưng đã trở thành một diễn giả nổi tiếng và đã chinh phục được đỉnh Phan - xi - păng cùng chiếc nạng gỗ của mình.  *c. Bàn luận về ý nghĩa của việc vượt lên số phận:*  - Vượt lên trên số phận của chính mình sẽ giúp cho bạn trở thành một phiên bản tốt nhất có thể, từ đó thấy được rằng này cuộc sống này sẽ vô cùng ý nghĩa và đáng sống.  - Những tấm gương vượt lên số phận của chính mình là những người truyền lửa, họ đem đến cho chúng ta niềm tin, niềm hi vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn.  - Phê phán những người không có ý chí nghị lực, thấy khó khăn đã vội chùn bước.  *d. Bài học:*  - Nếu rơi vào tình huống không may, gặp khó khăn trong cuộc sống, con người cần biết vượt lên số phận  - Chúng ta không nên kì thị mà phải biết giúp đỡ những người kém may mắn hơn trong cuộc sống.  - Cần phải sống có mục tiêu, sống có lí tưởng, dám nghĩ, dám làm và không được ỷ lại vào người khác | | **III. Kết bài:** Khẳng định vấn đề và liên hệ**.** |   ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động: Hs thảo luận theo nhóm bàn và trả lời tối đa 10 phút.  - GV có thể gợi mở giúp HS giải quyết vấn đề.  ***B3. Báo cáo kết quả và thảo luận:*** Hs báo cáo kết quả nhanh.  ***B4. GV Kết luận, nhận xét***  + GV chiếu đáp án và nhận xét |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

*a. Mục tiêu:* Giúp HS vận dụng, thực hành vận dụng kiến thức về văn học vào viết đoạn văn.

*b. Tổ chức thực hiện:*

|  |
| --- |
| ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV yêu cầu HS hoàn thành đề sau:**Từ các đoạn trích *Hê-ra-clét đi tìm táo vàng* và *Chiến thắng Mtao Mxây*,** viết bài văn nghị luận bàn về ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống.  ***B2: Thực hiện nhiệm vụ***  **1. Mở bài**  - Dẫn dắt, nêu vấn đề cần nghị luận: “Nếu tất cả đường đời đều trơn láng, chắc gì ta đã nhận ra ta”. Cuộc đời con người là hành trình vượt qua những khó khăn, thử thách. Chính điều đó làm cho cuộc đời mỗi chúng ta thêm ý nghĩa và giúp ta nhận ra ta là ai trong cuộc đời này.  **2.Thân bài**  \* **Giải thích**: Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, một mục tiêu nào đó, buộc con người ta phải vượt qua.  \* **Vì sao ta phải vượt qua những thử thách trong cuộc sống?**  + Cuộc đời vốn không bằng phẳng mà luôn có những khó khăn, vấp ngã đang chờ đón con người.  + Những khó khăn của cuộc sống là môi trường để thử thách tuổi trẻ;  \* **Ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống:**  + Vượt qua những khó khăn, thử thách đem lại cho ta hiểu biết và kinh nghiệm thực tế; giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống, bồi đắp tình cảm, tâm hồn, giúp mỗi người gắn bó và góp phần cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước.  + Những thử thách là môi trường giúp ta tôi luyện bản lĩnh, ý chí để ngày càng vững vàng hơn trong cuộc sống, có sức mạnh tinh thần để từng bước dấn thân vào cuộc đời; làm chủ cuộc đời của mình…  + Thử thách là cơ hội để ta khẳng định giá trị của chính mình.  + Sống cuộc đời bằng phẳng, mưu cầu sự yên bình sẽ khiến ta thiếu đi những trải nghiệm, khi đó cuộc sống của mỗi người sẽ nghèo nàn, thụ động, nhàm chán, vô ích, không cảm nhận được sự thú vị của cuộc sống.  **\* Bàn luận mở rộng**:  + Tuổi trẻ cần dấn thân, tìm đến những thử thách để thể hiện và khẳng định bản thân mình, sống cuộc đời có ý nghĩa.  + Bên cạnh những bạn trẻ dám đón nhận, dám đối mặt và vượt qua những thử thách thì không ít người thấy khó khăn, thử thách là nhụt chí, bỏ cuộc. Những bạn trẻ đó đã tự đánh mất đi cơ hội đi đến thành công của chính mình.  - Nêu bài học nhận thức và hành động: Cần nhận thức được vai trò quan trọng và cần thiết của những thử thách trong cuộc sống, biết đón nhận và vượt qua để bản thân trưởng thành, vững vàng và sống đẹp hơn.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại ý nghĩa của những thử thách trong cuộc sống.  Rút ra bài học cho bản thân: Phải biết thử thách là điều tất yếu để chuẩn bị tinh thần, tìm mọi cách vượt qua và đi qua nó để cuộc sống tốt đẹp hơn.  ***B3. Báo cáo kết quả và thảo luận:*** Hs báo cáo kết quả nhanh.  ***B4. GV Kết luận, nhận xét***  + GV chiếu đáp án và nhận xét |

**D. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM**:

…………………………………………………………………………………………………..….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Kí duyệt của TTCM

***Nguyễn Thị Thanh Hương***